VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

SỐ ĐẶC BIỆT: DOÀN QUỐC SỸ

SỐ 31, THÁNG 8 NĂM 1988

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

* **Văn Học :** *Tiểu sử Doãn Quốc Sỹ trang 1* * **Doãn Quốc Sỹ** *: Trích lời viết của Doãn Quốc Sỹ, trang 2* * **Đào Trường Phúc :** *Đằng sau vụ "xử" Doãn Quốc Sỹ, trang 3* * **Hoàng Xuân Sơn :** *Tinh thần, Và Bạo lực, thơ trang 12* * **Mai Thảo :** *Vài kỷ niệm với Ông Giáo, trang 13* * **Thường Quán :** *Đọc Khu Rừng Lau, thơ trang 19* * **Nhật Tiến :** *Vài kỷ niệm với nhà văn Doãn Quốc Sỹ, trang 20* * **Nguyễn Mạnh Trinh :** *Gửi Dòng Sông Định Mệnh, thơ trang 24* *__Võ Đình__ : *Doãn Quốc Sỹ và Tiếng hát tự lòng đất, trang 25* * **Nguyễn Ngọc Thuận :** *Vài ý nghĩ rời buổi sáng, thơ trang 36* * **Nguyễn Mộng Giác :** *Doãn Quốc Sỹ người anh khả kính, trang 40* * **Nguyễn Xuân Hoàng :** *Đi xa với Doãn Quốc Sỹ, trang 46* * **Thế Uyên :** *Những khoảng đường chung với Doãn Quốc Sỹ, trang 54* * **Phạm Quốc Bảo :** *Nhớ về một trường hợp, trang 69* * **Nguyễn Nam Phong :** *Văn nghệ sĩ lại bị khủng bố, trang 72* * **Quỳnh Giao :** *Nhạc trong văn Doãn Quốc Sỹ, trang 80* * **T.V. :** *Điểm sách : "Những tên biệt kích cầm bút", trang 87* * **Cao Xuân Huy :** *Cửa Việt (bút ký đăng nhiều kỳ), trang 113* * **Văn Học :** *Học giả Hoàng văn Chí từ trần, trang 120* * **Văn Học :** *Bài nhận được trong tháng, Sách mới, trang 122* * **Võ Đình:** *Tranh bìa : Phác hoạ chân dung Doãn Quốc Sỹ, Sài gòn 1974; Hai phụ bản tranh.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết
Đại diện Văn Học ở Âu châu : Mr Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone : 45831912
Đại diện Văn Học ở Úc châu : Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street, Yagoona, N.S.W. 2199 Australia.
Phone : (02) 7711770

Thư từ tiền bạc xin gửi về : **Văn Học**
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 USA
Phone : (714) 832.8445

Tiểu sử Doãn Quốc Sỹ

Sinh ngày 17-2-1923 tại xã Hạ, Yên quyết, ngoại thành Hà nội. Thân phụ là một nhà tân nho, thân mẫu chuyên về buôn bán. Cộng tác với các báo: Lửa Việt, Dân Chủ, Sáng Tạo, Tân Phong, Hiện Đại, Thế Kỷ XX, Văn Nghệ, Chỉ Đạo, Gió Mới, Luận Đàm, Bách Khoa, Văn Học, Văn, Tân Văn, Nghệ Thuật... Đã xuất bản: Sợ Lửa (tập truyện cổ tích, 1956) U Hoài (truyện ngắn, 1957), Gánh Xiếc (truyện ngắn, 1958), Dòng Sông Định Mệnh (tập truyện, 1959, tái bản 1964), Hồ Thùy Dương (tập truyện cổ tích, 1960), Trái Cây Đau Khổ (tập kịch, 1963), Khu Rừng Lau, tiểu thuyết trường thiên gồm 4 quyển nhưng mới ra 3 quyển:

— Ba sinh hương lửa (1962)

— Người đàn bà bên kia vĩ tuyến (1964)

— Tình yêu thánh hóa (1965)

Tập khảo luận dân tộc Người Việt đáng yêu (1965), Vào Thiền, Giai thoại tùy bút (1970) và Sầu Mây (truyện dài, 1970). Trái Đắng Trường Sinh (đoản văn, 1971)

— Sách giáo khoa: Khảo luận về Đoạn Trường Tân Thanh, về Nguyễn Công Trứ, về Trần Tế Xương, về Nguyễn Khuyến, về Cao Bá Quát (soạn chung với Việt Tử), về Tự Lực Văn Đoàn, về Tản Đà. Lược khảo về Ngữ Pháp Việt Nam.

— Giáo sư các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà nội, 1952-1953), Trần Lục (Sài gòn 1953-1960).

— Hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà tiên (1960-1961), giáo sư trường Hồ Ngọc Cẩn (1961-1962), giáo sư trường Sư phạm Sài-gòn, trường Đại học Văn khoa Sài gòn, Đại học Vạn Hạnh (từ 1962 đến 1975).

— Sau 1975, bị chính quyền cộng sản VN bắt giam từ 1976-1980, đến 1984 lại bị bắt giam lần nữa và mới đây bị kêu án 9 năm tù vì những lời viết trung thực và nhân bản của ông.

Cũng kể từ sau ngày xảy ra chuyện đó, thái độ tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo, ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương những em nhỏ sớm phải lăn lưng vào cuộc đời để tự nuôi sống, tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống, tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh nghèo túng giật gấu vá vai, tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác giữa kinh thành. Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn; ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành. (...)"

Chẳng ai làm bẩn được mình, cũng như mình chẳng thể làm bẩn được ai dù mình nắm trọn quyền hành. Chỉ những hiện thân của u tối, của thiển cận mới tưởng rằng nắm được quyền hành là nắm vững lòng người. Hãy quay trở về với chính mình (...) vun xới tâm hồn mình là chuốt lọc danh dự cho dân tộc, là gieo hưởng hạnh cho đồng loại

Một số bạn Kha hỏi cung tù binh da trắng thường cố tình hỏi mỉa ý muốn thực sự làm nhục họ. Một số khác đồng hơn đồng ý với Kha là nhục mạ tù binh không làm đẹp thêm chiến thắng của mình, trái lại nữa. Riêng với Kha, từ ngày ấy chàng đã có quan niệm: làm nhục người khác là làm nhục chính mình, nhìn người khác quị lụy--nhất là vì miếng ăn, việc thường hay xảy ra ở trại tù binh -- chàng có cảm tưởng như chính nhân phẩm mình bị sa sút. Bất cứ một cá nhân nào, theo ý Kha, đều mang trọn vẹn hình ảnh nhân loại nói chung. Tước đoạt nhân phẩm của một cá nhân nào là thương tổn đến nhân phẩm của cả nhân loại

Tôi tin rằng chế độ nào cũng có hai mặt tốt và xấu, giống như con người vậy. Nhận định và phản ánh cái xấu là cũng để còn mong được cải thiện, còn mong được tiến bộ. Là những người cầm bút, chúng tôi có bổn phận phải làm việc đó.

Nhà văn viết những lời cao khiết này
Và chính vì những lời cao khiết này
Mà chế độ cộng sản Việt Nam
đày đọa 13 năm lao tù
Nhà văn đó là Doãn Quốc Sỹ !

Đào Trường Phúc

Đằng sau vụ "xử" một nhà văn

Ngày 27-4-1988, Đúng 4 năm 1 tháng và 5 ngày kể từ lúc nhà văn Doãn Quốc Sỹ bị bắt cầm tù lần thứ hai, những kẻ lãnh đạo Nhà Nước Việt Cộng đưa ông ra cùng 4 người khác từ khám Chí Hòa ra trước một phiên tòa mệnh danh là "Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh". Nơi đó, sau một phiên xử không có sự hiện diện của luật sư biện hộ, cũng không có cả thủ tục dành cho các bị can tự phát biểu ý kiến, một bản án được tuyên đọc: Doãn Quốc Sỹ, 9 năm tù; Hoàng Hải Thủy, 8 năm tù; Trần Ngọc Tự, 5 năm tù; Nguyễn Thị Nhạn, 5 năm tù; Khuất Duy Trác, 4 năm tù.

Hơn một tuần lễ sau, qua bản tin Pháp Tấn Xã, người ta được biết Hồ thị Lan, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Hà Nội đã tuyên bố trong cuộc họp báo ngày 5-5-88, rằng ông Doãn Quốc Sỹ bị kết án tù vì "hoạt động phản cách mạng".

Tội danh mà tòa án Việt Cộng chính thức cáo buộc cho nhà văn Doãn Quốc Sỹ trong phiên xử ngày 27-4-88 chỉ bao gồm mấy chữ ngắn gọn, đơn giản hơn tội danh mà chính nhà cầm quyền Việt Cộng đã cáo buộc ông khi họ bắt giam ông lần thứ hai ngày 22-3-84: "Tuyên truyền phản động chống lại nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa và phá hoại an ninh quốc gia (chiếu theo điều 82 của Bộ Hình luật mới)". Trước đó nữa, khi Doãn Quốc Sỹ bị bắt lần đầu vào ngày 2-4-76 để rồi được tạm tha sau 4 năm tù đày và cưỡng bách lao động, ông đã chỉ bị cáo buộc với một tội danh rõ rệt viết trên giấy trắng mực đen: "nhà văn phản động".

Như thế, trong mười ba năm qua, những kẻ lãnh đạo chính quyền Việt Cộng đã bắt giữ nhà văn Doãn Quốc Sỹ hai lần, giam cầm ông mỗi lần bốn năm, rồi tặng cho ông một bản án để có lý do tiếp tục

giam cầm ông không biết tới bao giờ; và họ đã lần lượt cáo buộc cho ông ba tội danh khác nhau để giải thích (?) cho những hành động giam cầm ấy.

Vấn đề không phải là những con số của những năm tù: người ta chưa quên rằng có ít nhất hai nhà văn trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm (Nguyễn Hữu Đang và Thụy An) đã từng ngồi tù suốt hai mươi năm, kể từ 1956 đến 1976; và Nguyễn Chí Thiện, *nếu mai này còn sống sót để ra khỏi tù*, có thể chứng minh thêm một kỷ lục mới. Điều cần phải nhắc tới là sự loay hoay và thái độ tráo trở của những kẻ cầm quyền Việt Cộng khi đặt để và gán ghép những tội danh cho Doãn Quốc Sỹ: cùng một lúc sự loay hoay và thái độ tráo trở ấy cho thấy nhiều khía cạnh của một vấn đề.

*
**

Ít ngày sau khi báo Le Monde tại Pháp (2-5-88) phổ biến tin tức về vụ "xử" các văn nghệ sĩ Việt nam, dư luận quốc tế, ít nhất là trong giới truyền thông và giới trí thức, đã có những phản ứng rõ rệt. Qua sự vận động của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, chủ tịch Văn Bút Quốc Tế René Tavernier đã chính thức yêu cầu và được ông Mario Stasi, thủ lãnh Luật Sư Đoàn tại Paris, nhận lời đứng ra tình nguyện biện hộ cho các bị can theo những thủ tục kháng án thông thường. Tưởng cũng nên nhắc lại, hồi tháng 11-1987, sau khi nhà cầm quyền Hà Nội thông báo đình hoãn lần thứ hai vụ xử, luật sư Mario Stasi đã viết thư gửi thẳng cho Hà Nội, xin phép tới Việt Nam để làm công việc biện hộ. Hà nội bác bỏ đơn xin này, nại lý do "việc biện hộ trước các tòa án quốc gia Việt Nam chỉ dành cho luật sư Việt Nam, có quốc tịch Việt Nam."

Nhận xét sơ khởi của vị thủ lãnh Luật sư đoàn Paris về bản án ngày 27-4-88 là : "Tòa Án Nhân Dân vừa tuyên bố những hình phạt tù vượt quá những hình phạt tối đa được dự liệu cho các tội phạm báo chí và tội phạm tư tưởng". Nhận xét này hiển nhiên đã căn cứ trên lời cáo buộc trước đây của chính quyền Việt Cộng khi họ bắt nhà văn Doãn Quốc Sỹ lần thứ hai. "Tuyên truyền phản động chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa" là một tội danh mà mà tất cả những nhà luật học chuyên môn đều đồng ý xếp vào loại "tội phạm báo chí và tội phạm tư tưởng". Có lẽ chính vì sự tế nhị liên quan tới nguyên tắc luận tội và định án trong tinh thần luật pháp bình thường của tất cả các quốc gia, cho nên khi cái tòa án mệnh danh là "Tòa Án Nhân Dân tại thành phố HCM" chính thức đem vụ án ra xử thì tội danh nói trên đã không được viện dẫn nữa, và thay vào đó, nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã bị cáo buộc với một tội danh hoàn toàn khác biệt: "hoạt động phản cách mạng." Sự công bố tội danh qua hình thức họp báo 8 ngày sau đó, nghĩa là một sự công bố rộng rãi trước dư luận quốc tế, đã cho

thấy rõ rệt thâm ý và mục đích của nhà cầm quyền Việt Cộng: phủ nhận tính chất đối kháng về mặt tư tưởng của người mà họ đã bắt giữ và kết án, nhà văn Doãn Quốc Sỹ.

Thâm ý và mục đích trên đây của nhà cầm quyền Việt Cộng vô hình chung đã nói lên những nhu cầu của họ, ít nhất có thể kể, một nhu cầu tạm gọi là nhu cầu đối ngoại, và một nhu cầu tạm gọi là nhu cầu đối nội

Thật ra, ai cũng nhận thấy rõ điều này, là nếu không vì những nhu cầu riêng, được xác lập theo từng thời điểm chiến lược, thì chính quyền Cộng Sản tại Việt Nam đã chẳng nhùng nhằng đình hoãn tới hai lần rồi cuối cùng thực hiện và công bố kết quả phiên xử ngày 27-4-88. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, cũng như nhà văn Hoàng Hải Thủy là những người cầm bút đầu tiên được Nhà Nước "chiếu cố" đưa ra "xử" tại một phiên tòa, sau khi giam giữ và trước khi giam giữ. Năm 1958, lúc thẳng tay đàn áp phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, đảng và nhà nước đã bắt cả thảy 304 người văn nghệ sĩ đi "chỉnh huấn" và tiếp tục đi "học tập lao động" tại Việt Bắc, đồng thời giam vào Hỏa Lò hai trong số bốn người không chịu dự lớp chỉnh huấn: Nguyễn Hữu Đang và Thụy An đã ngồi tù suốt 20 năm, không hề có lấy một bản án. Từ 1975 trở lại đây, qua phần nhiều đợt bắt bớ văn nghệ sĩ tại miền Nam, đảng và nhà nước Cộng Sản cũng chưa từng mở miệng nói tới chuyện "xét xử"; cho đến ngày hôm nay, kể cả những người đã chết như Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Hoạt, Dương Hùng Cường, lẫn những người còn sống mòn mỏi trong lao tù như Phan Nhật Namg v.v..., chưa từng có ai từng được lôi ra tòa nhân dân để thọ lãnh một bản án cả.

Nhà nước Việt Cộng đã không, và chắc chắn là cũng sẽ không bao giờ đưa ra một lời giải thích vì lý do nào có sự khác biệt giữa trường hợp những người cầm bút ở tù mà không có án và trường hợp những người cầm bút vừa được phát cho một bản án để tiếp tục ngồi tù. Tuy vậy, ai cũng thấy rằng lý do của sự khác biệt ấy chỉ là một vấn đề thời điểm. Nói "thời điểm" tất nhiên chẳng phải ngụ ý rằng từ trước tới giờ Nhà Nước Việt Cộng đã trí đến độ quên không lôi các nhà văn phản động ra tòa xử, mãi tới giờ mới nhớ ra; lại càng chẳng phải ngụ ý rằng từ trước tới nay nền pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa tìm ra phương pháp biến trá những tội danh để đối phó với các tội phạm báo chí và tội phạm tư tưởng, mãi tới bây giờ mới nghĩ ra cách quy tội "hoạt động phản cách mạng" cho những nhà văn phản động. Sự khác biệt về thời điểm đó chỉ có nghĩa là hoàn cảnh khách quan đã đổi thay (những sự can thiệp và vận động mãnh liệt từ bên ngoài khiến cho việc bưng bít sự thật càng lúc càng trở nên không còn dễ dàng); đồng thời những nhu cầu chủ quan được đặt lại (nhu cầu đối ngoại, nhằm phỉnh gạt dư luận quốc tế về một chủ hướng dân chủ hóa giả

tạo, và nhu cầu đối nội, nhằm phô trương quyền lực để chuẩn bị đàn áp những làn sóng công phẫn, chống đối, đang mỗi ngày mỗi một nổi lên mạnh mẽ trong giới trí thức và văn nghệ sĩ).(1)

Tháng 2-1988, nghĩa là một thời gian rất ngắn sau khi Nguyễn Văn Linh biểu diễn thả những quả bóng dò đường qua việc tiếp xúc với giới văn nghệ sĩ và qua một số bài báo hô hào "phê bình" và "sửa sai", đảng và nhà nước tức khắc nhận thấy những dấu hiệu đáng ngại trong phản ứng quần chúng, nhất là trên lãnh vực truyền thông. Bộ Chính Trị tức khắc ban hành nghị quyết 5, và các giới lãnh đạo hối hả khai triển nghị quyết trong chiều hướng hăm he nhắc nhở những người cầm bút nhớ đến "mối quan hệ giữa quản lý và tự do sáng tác trong văn học nghệ thuật". Trong bài viết trên báo Nhân Dân ngày 19-3-88, Trần Độ không ngần ngại nói rằng ":

Yêu cầu như trong Nghị quyết là có tính định hướng cho người quản lý rồi. Cụ thể: thứ nhất, chỉ chấp nhận văn nghệ xã hội chủ nghĩa, văn nghệ bảo vệ độc lập, tự do tổ quốc. Thứ hai, chỉ chấp nhận văn nghệ bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp của con người. Anh nào phá hoại nhân phẩm, phá hoại bản chất con người, làm tha hóa nó, là anh có tội, phải dùng chuyên chính để trị".

Răn đe xong, trước khi an ủi giới cầm bút bằng cách nói "*văn nghệ có cuộc sống riêng của nó*", Trần Độ lại cẩn thận rào dậu kỹ thêm một lần nữa:

"*Văn nghệ phục tùng chính trị, phục tùng chế độ chính trị, đường lối chính trị. Đó là điều hiển nhiên, phải khẳng định*".

Chỉ cần theo dõi cuộc chơi ú tim giữa những kẻ lãnh đạo chính quyền Cộng Sản và giới cầm bút tại Việt Nam hiện nay, người ta cũng có thể cảm thấy được cái không khí hiểm nghèo đang vây bủa sinh hoạt văn học nghệ thuật, đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Một mặt, nhà nước Việt Cộng đang bị đẩy tới cái thế phải tận lực khai thác chiêu bài "đổi mới" để mong cứu vãn một tình huống bế tắc tuyệt vọng trên mọi phương diện, mặt khác họ thừa biết rằng bất cứ một sự "nới lỏng dư luận" nào cũng chứa đựng nhiều rủi ro đưa đến tình trạng bùng nổ của mối căm phẫn đã ẩm ỉ quá lâu trong lòng mỗi người dân. Trước sự lựa chọn khó khăn, đảng và nhà nước không ngần ngại vận dụng tất cả những thủ đoạn mà họ nghĩ rằng có thể cùng một lúc giúp họ đạt được nhiều mục đích cấp thời: chẳng hạn, vừa chứng tỏ với dư luận bên ngoài một vài dấu hiệu dân chủ hóa trong cơ chế quản lý con người, vừa gây một áp lực gián tiếp để khủng bố tinh thần quần chúng nói chung, và giới cầm bút nói riêng, vừa trả thù được những người mà họ vốn coi như đối thủ về mặt tư tưởng, - những đối thủ đã từng và có thể vẫn còn tạo ảnh hưởng nguy hiểm trong quần chúng trên phương diện tư tưởng. Vụ "xử án" nhà văn Doãn Quốc Sỹ ngày 27-4-88 phải chăng chính là một trong những thủ đoạn như thế?

Nếu quả đúng như vậy, chúng ta có thể nói rằng đảng và nhà nước Việt Cộng chẳng đạt được mục đích nào theo ý họ mong muốn. Việc gán ghép tội danh "hoạt động phản cách mạng" cho nhà văn Doãn Quốc Sỹ, cộng với tất cả những nỗ lực của bộ máy công an nhân dân và của tập đoàn văn nô nhằm bôi bẩn và triệt hạ uy tín của một người cầm bút như Doãn Quốc Sỹ, ngay từ căn bản đã là những chuyện phí công, khôi hài. Có chăng, chúng chỉ chứng tỏ thêm lần nữa một thái độ lúng túng thảm hại của đảng và nhà nước. Hãy nhìn thử riêng cuốn sách "Những Tên Biệt Kích" dày 176 trang, viết dưới hình thức tiểu thuyết nhưng rõ ràng là cả một tập hồ sơ công an, xuất bản bởi "Nhà xuất bản Công An Nhân Dân Hà Nội" vào tháng 12-1986, như một hình thức dọn đường cho phiên xử trước tòa án nhân dân 16 tháng sau đó. Toàn tập tài liệu được quy kết vào mục tiêu then chốt là buộc tội nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã tìm cách chuyển ra nước ngoài một tập bản thảo truyện dài, căn cứ vào đó, tội danh dành cho ông là "đã làm ra, cung cấp tài liệu phản động cho kẻ thù sử dụng để tuyên truyền xuyên tạc, chống lại Tổ quốc" (trang 170). Thế nhưng trong cả hai biên bản thẩm vấn của công an được tường thuật tỷ mỷ ở nhiều trang sách khác, những kẻ đã bắt bớ giam cầm ông lại nhất định không chịu thừa nhận vai trò cầm bút của ông: "Tôi nói điều này để ông hiểu, ông bị bắt về tội phản bội, chứ không phải bị bắt với tư cách một nhà văn" (trang 130); "Tôi cũng xác nhận lại là chúng tôi không bắt nhà văn mà bắt một công dân phản bội Tổ quốc " (trang 170)

Đọc những câu văn vẻ trên, hẳn nhiên ai cũng phải ghi nhận sự cố gắng của bộ máy công an - đại diện ưu tú của chế độ cộng sản - trong việc biện bác một cách khôi hài rằng họ không có chủ trương bắt các nhà văn (ngụ ý rằng họ sẵn sàng trọng quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận theo một cách nào đó của họ). Tuy nhiên, ngoài sự cố gắng thảm thương ấy, những tác giả công an của cuốn sách "Những Tên Biệt Kích" dường như còn nhận chỉ thị đính chính lại một cách nhìn trái ngược đã từng biểu lộ trong một cuốn sách xuất bản trước đó sáu năm, cuốn "Những Tên Biệt Kích Của Chủ Nghĩa Thực Dân Mới Trên Mặt Trận Văn Hóa Văn Nghệ" (Nhà Xuất Bản Sự Thật, Hà Nội, 1980). Trong khi những tác giả cuốn sách sau tìm đủ mọi ngôn từ để triệt hạ uy tín của nhà văn Doãn Quốc Sỹ và rán sức phủ nhận mọi giá trị tác phẩm của ông (2), thì những tác giả cuốn sách trước đã nỗ lực làm công việc phê bình, đứng trên quan điểm Mác Xít để phân tích lên án tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ trong chiều hướng thừa nhận rằng những tác phẩm ấy đã tạo ảnh hưởng rất nguy hại trong tư tưởng quần chúng. (Có lẽ chính vì cách nhìn đó mà cuốn sách trước vừa in ra không bao lâu đã bị chính nhà nước ra lệnh thu hồi lại và tiêu hủy đi tất cả các ấn bản chưa kịp phát hành.)

Mới sáu năm trước, lúc còn đang làm công việc "cải tạo" đợt đầu

những nhà văn phản động, đảng và nhà nước lỡ tay chơi trò văn minh, dùng lý luận chủ nghĩa để phê bình tác phẩm Doãn Quốc Sỹ. Sáu năm sau, đảng và nhà nước xoay qua dùng bộ máy công an để bôi lọ và phủ nhận toàn bộ giá trị của những tác phẩm ấy, phủ nhận luôn cả tư cách nhà văn của ông (nhưng đồng thời lại xác nhận đã bắt ông chỉ vì tội lén gửi ra ngoại quốc bản thảo một cuốn... truyện dài!) Hành động quanh co đó không chỉ nói lên rằng sử dụng lý luận chủ nghĩa Mác Xít không tiện lợi và hữu ích bằng sử dụng quyền lực của công an; hành động đó còn cho thấy sự che giấu một mặc cảm, sợ hãi cái giá trị của Sự Thật đã được trình bày trong tác phẩm của những nhà văn như Doãn Quốc Sỹ, sợ hãi cái tác dụng không thể ngăn chặn nổi của những tác phẩm ấy đối với quần chúng nói chung, đối với giới trí thức và giới cầm bút nói riêng mà đảng và nhà nước đang xoay xở mọi cách để ve vãn, lừa dối. Chính mặc cảm sợ hãi đó là động lực dẫn tới những hành động không thể tha thứ được, mà chính quyền Cộng Sản đã lạnh lùng giáng lên đầu những người cầm bút thất thế đang nằm trong tay họ.

Điều cần phải nói ra là, tất cả những hành động đê tiện và độc ác ấy đâu có giúp cho chính quyền Cộng Sản giải quyết vấn đề căn bản mà họ muốn giải quyết. Bỏ tù, bôi lọ, xử tội một nhà văn như Doãn Quốc Sỹ, hay giam cầm đày ải cho đến chết một nhà văn như Nguyễn Mạnh Côn, đều không giúp cho đảng Cộng Sản Việt Nam xóa sạch hết dấu vết những thông điệp mà những nhà văn đó đã gửi tới người đọc và được tiếp nhận bởi người đọc. Bởi lẽ những thông điệp ấy đã được chuyển đi bằng chính những chứng liệu Lịch sử, những chứng liệu của Sự Thật, bằng chính đời sống và tâm huyết của những con người trung thực. Khi những thông điệp đã được gửi đi và đã được đón nhận, khi những chứng liệu đã được bảo tồn và đã được phổ biến, những con người trung thực như Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Hoạt, Như Phong, Phan Nhật Nam, Doãn Quốc Sỹ v.v... đã làm xong vai trò của họ. Cái chết hay sự tù đày đều không hủy diệt được vai trò đó.

Khi lý luận về mọi vấn đề kể cả văn học nghệ thuật, người Cộng Sản thường hay viện dẫn bùa chú "duy vật sử quan" và vặn vẹo lịch sử theo chiều hướng riêng mà họ quả quyết là đúng. Nhưng có một điều thật đơn giản mà cái sử quan ấy không giúp họ nhìn thấy: chính những chứng liệu được góp nhặt từ đời sống thật đã và sẽ tạo nên giòng sinh mệnh của lịch sử của một dân tộc, giòng lịch sử miên viễn, trường tồn, vượt lên trên tất cả mọi lý luận chủ nghĩa, mọi lý luận triết học. Chính những chứng liệu làm bằng đời sống của những thế hệ đi trước tạo nên ý nghĩa và sức mạnh của những thế hệ đi sau; không có một bạo lực nào ngăn trở được hay phá hủy được sự chuyển lưu kỳ diệu ấy. Sau cuộc cưỡng chiếm miền Nam, đảng và nhà nước cộng

Sản là đủ mọi cách để từng bước một xóa đi tất cả những dấu vết của một nền văn học đã hiện hữu trong 20 năm trời, một nền văn học nằm ngoài quỹ đạo của họ và chống lại họ. Họ muốn tiêu diệt vừa tác phẩm vừa tác giả của nền văn học ấy, để thay thế vào đó bằng một nền văn học do họ chế tạo ra nhằm cấy vào đầu óc của những thế hệ thiếu niên đang sinh ra và lớn lên. Thực tế cho thấy là họ chẳng thể nào làm nổi việc bôi xóa ấy, cũng như họ đã không bôi xóa được ngay chính đến dấu vết của một phong trào "phản động" như phong trào Nhân Văn Giai Phẩm tại miền Bắc 20 năm trước đó. Bởi vì những thông điệp đã được chuyển, những chứng liệu đã được trao gửi, tồn trữ, và đã trở thành (hay đúng ra đã tạo nên) giòng văn học nối tiếp. Người ta có thể nhìn thấy một cách chắc chắn, rõ ràng, sự chuyển lưu thông điệp qua từng thế hệ của những người cầm bút. Người ta có thể đoan quyết nếu không có phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm, tất sẽ không có được những Nguyễn Chí Thiện, Thế Giang, Nguyễn Mậu Lâm... Nếu không có những Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến...., tất sẽ không có Phan Nhật Nam, Dương Nghiễm Mậu... của giai đoạn trước 1975, và sẽ không có được những Tưởng Năng Tiến, Phan Tấn Hải, Võ Hoàng, Lê Đại Lãng v.v... của ngày hôm nay. Không có sự khác biệt nào về ý thức, quan niệm, thái độ giữa những người viết thuộc thế hệ đi trước hay thế hệ đi sau khi họ nhìn và nghĩ về chủ nghĩa cộng Sản và chế độ cộng sản; họ đã chuyển cho nhau những thông điệp, và họ sẽ tiếp tục mãi mãi làm công việc chuyển đi những thông điệp viết bằng những chứng liệu và kinh nghiệm mà họ lần lượt nhận được. Mọi thủ đoạn dối trá của các chính quyền Cộng sản nhằm giấu diếm sự hiện hữu của dòng văn học tự do và nhân bản đối kháng triệt để với chủ nghĩa vô thần, đều chỉ là những cố gắng vô ích.

Doãn Quốc Sỹ đã chuyển đi bản thông điệp mà ông viết bằng tất cả những cảm xúc, hoài vọng, niềm tin tưởng của một tâm hồn cao đẹp, trung thực, sau bao nhiêu kinh nghiệm khổ ải và đau xót. Tác phẩm của ông đến với người đọc, ở lại trong lòng người đọc như một bó hoa thơm; và giá trị của toàn bộ những tác phẩm đó nằm ở trong bản thông điệp mà những kẻ thù của công càng tìm cách phủ nhận chừng nào thì lại càng làm nổi bật rõ ràng hơn chừng nấy. Bản thông điệp ấy đã được nhận đầy đủ, và đang được chuyển đi bởi hàng trăm người cầm bút khác:

"Cộng sản dìm nhân loại trong thiếu thốn để chứng minh nguyên lý "Vật chất quyết định hết thảy". Chúng lầm! Con người từng trải cảnh thiếu thốn vật chất, niềm tin và đạo đức càng được hun đúc và tình cảm thêm dạt dào" (3).

"Suốt con đường dọc Sài Gòn - Ban Mê Thuột mỗi khi ngừng nói chuyện với chồng, chị lại suy nghĩ về ông chú vừa bị Cộng sản dùng

"nhân dân" hành xử. Chị nghĩ đến chuyện xưa mấy lần ông ra giữa cầu Hàm Rồng sẵn sàng nhảy xuống, ông sẵn sàng hy sinh cho sự thành đạt của con cháu. Nội dung của niềm tin có thể thay đổi tùy nơi chốn, tùy thời đại, nhưng thái độ tin ngộ nghĩnh, hồn nhiên, chân thành đó ở vào thời đại nào và ở bất cứ đâu cũng là đáng quý. Chị tin rằng với những vẻ đẹp đó của tâm hồn, cái chết chỉ là một biến chuyển ảo hóa. Cộng sản giết được ông chú chị. Cộng sản phá quan tài của ông làm bàn học, quẳng những phiến đá xây mộ của ông ra chỗ lội, nhưng không hủy được nấm mộ thật đẹp với những phiến đá chạm hình nổi uy nghi do ông đã tự xây bằng khát vọng trong bao nhiêu năm thuở sinh thời. Chị Huyện, cũng như bà nội, cũng như thày chị, cũng như muôn vàn vẻ đẹp tương tự không chết. Trong thế giới tâm linh huyền diệu của nhân loại những vẻ đẹp đó như đã từng tồn tại từ một quá khứ vời vợi và còn tồn tại mãi với thời gian lang thang bất tận để biến thành những lớp sóng dạt dào của kỷ niệm" (4)

*

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ bị chính quyền Cộng sản bắt giam lần thứ hai ngày 22-3-84, chỉ một vài tuần trước khi đáng lẽ ông được rời Việt Nam để đi qua Úc đoàn tụ với con cái trong chương trình Ra Đi Trong Vòng Trật Tự. Qua tập tài liệu công an "Những Tên Biệt Kích", người ta nhận thấy rằng việc lựa chọn thời điểm để bắt ông là một việc có tính toán và có chỉ thị hẳn hoi; điều này chính những kẻ bắt ông đã công khai xác nhận. Thủ đoạn tiểu xảo này không những bỉ ổi và độc ác mà còn nói lên thực chất tráo trở, bịp bợp của chính quyền cộng sản Việt Nam đối với những quy ước và nguyên tắc bang giao quốc tế. Nếu những kẻ lãnh đạo Việt Cộng nghĩ rằng họ đã biểu diễn thiện chí "sửa sai" bằng cách đưa nhà văn Doãn Quốc Sỹ ra trước một phiên tòa để tròng vào cổ ông một bản án nhằm hợp thức hóa cho việc bắt bớ giam cầm, thì họ thực sự lầm lẫn trong sự ước đoán phản ứng của dư luận quốc tế trước những thủ đoạn của họ. Bởi lẽ, ngay việc xét xử cũng đã vi phạm một cách trầm trọng và trắng trợn các nguyên tắc pháp lý tối thiểu mà bất cứ quốc gia bình thường nào cũng sẵn sàng tôn trọng. Trong bức thư viết ngay sau phiên xử, gửi đến các giới chức chính quyền Cộng sản Việt Nam, luật sư Mario Stasi đã nhắc nhở họ: "Tất cả các nước có nền tư pháp tự do đều chấp nhận sự có mặt của các luật sư biện hộ ngoại quốc và các quan sát viên được Liên Hiệp Quốc công nhận hoặc do một Luật sư đoàn gửi đến. Sự có mặt đó là một bằng chứng xác định tính độc lập của các định chế tư pháp và là một sự bảo đảm các quyền căn bản dành cho các bị cáo. Việc khước từ không cho phép sự hiện diện của một luật sư hay một quan sát viện ngoại quốc sẽ được duyệt theo

quy tắc rất có ý nghĩa này về việc điều hành các định chế tư pháp và về các giá trị mà một xã hội có thể tuyên xưng trước dư luận thế giới".

"Tôi chiếu theo nguyên tắc phổ quát được các nước dân chủ chấp nhận về sự tự do lựa chọn người biện hộ và quyền tự do thi hành việc binh vực bất kể tội phạm và quyền tài phán (...) Không có một quy luật nào của công pháp quốc tế có thể làm cản trở việc tự do đi lại của các luật sư để thi hành các quyền biện hộ. Các quốc gia dân chủ và ngay cả các quốc gia có ý thức hệ khác đều chấp nhận cho các luật sư biện hộ trước các tòa án bất kể quốc tịch của họ".

Khía cạnh pháp lý (và phi pháp lý) của vụ "xử" nhà văn Doãn Quốc Sỹ, như thế, đã được phân tích và công bố một cách quá đầy đủ bởi vị thủ lãnh Luật sư đoàn Paris. Tổ chức Liên Hiệp Quốc Nhân Quyền nhân dịp này cũng đã được liên lạc; đồng thời là việc liên lạc trực tiếp với Quốc Hội Âu châu và một số tổ chức có đại diện tại Liên Hiệp Quốc, nhằm cùng nghiên cứu việc gửi một phái đoàn quan sát viên đến Việt Nam, nếu việc kháng cáo được chấp thuận theo đúng nguyên tắc pháp luật chung. Vậy, vấn đề còn lại chính là sự chờ đợi một thái độ đúng đắn và khôn ngoan tối thiểu của những kẻ lãnh đạo chính quyền tại Việt Nam. Trong chiều hướng này, người ta có thể nhìn từ thái độ đó và từ diễn tiến của nội vụ, để ít nhiều đọc thấy dấu hiệu của một viễn ảnh về thế tương quan quốc tế trên mặt ngoại giao giữa "nước" CHXHCN Việt Nam và các quốc gia khối tự do. Nếu muốn tự chứng tỏ một cơ chế xã hội bình thường tối thiểu để có đủ tư cách sinh hoạt trong cộng đồng quốc tế, những kẻ lãnh đạo chính quyền Cộng sản hiện nay không thể có sự lựa chọn nào khác hơn là tôn trọng những nguyên tắc pháp lý căn bản mà họ đang được nhắc nhở một cách lịch sự và nghiêm khắc.

Trong khi chờ đợi, chúng ta có thể ghi nhận rằng vụ "xử" ngày 17-4-88 đã cung cấp thêm một dữ kiện mới nhất để dư luận quốc tế có cơ hội nhìn thấy rõ hơn thực trạng đang diễn ra trên đất nước Việt Nam, dưới nhiều khía cạnh cùng một lúc. Đó có phải là một điều may mắn chăng, đối với ngay cả những người vẫn còn mơ ngủ về bản chất của một xã hội độc tài đảng trị?

7-1988

Đào Trường Phúc

(1) Xin đọc thêm bài của Nguyễn Nam Phong trong cùng số báo này.
(2)"... thực chất Đoàn Quốc (Doãn Quốc Sỹ) cũng chỉ được vài truyện ngắn, có tiếng vang trước đây trong tập "Giữ Ngọc". Còn truyện dài của hắn như "Rừng Lau", "Thủy Dương", "Định Mệnh", thì ngay dưới chế độ cũ cũng không ai đọc, không chỉ vì tính cách phản động cao độ của tác phẩm mà còn vì văn rườm rà, ý lẩn thẩn, nhạt nhẽo. Còn nói về "thiền" ư?

Hấn cũng học của người Mỹ khi qua tu nghiệp ở Hoa Kỳ và dịch một quyển sách về "thiền" cũng do một người Mỹ viết ra." (trang 85)
(3) "Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều"
(4) "Hương Nhân Loại"

Hoàng Xuân Sơn

Tinh thần

"Thưa tôi nhà văn
Một đời chống Cộng" (*)
Lòng thẳng như băng
Tay người không bẩn
Sự thật nằm lòng
Bút đù ai cướp
Sách dù lửa phần
Tim tôi là giấy
Chép tràn lương tâm
Máu tôi là mực
Ghi ngọn lửa hùng
Khóa tôi xiềng xích
Thép sẽ đồng tâm
Đọa tôi xuống ngục
Vững bền như không
Chặt tôi từng khúc
Ý vẫn vẹn toàn

Và bạo lực

Công an có cây súng
bắn hoài không chết ai
Thi sĩ còn ngòi bút
điểm mặt kẻ vô loài
quỷ vương trăm lần chết
khuyển ưng rụng một bầy
thở tràn như nước chảy
như sóng bủa trùng vây
công an hết đường chạy
vòng đai khép chặt rồi
trong mỗi lời mỗi chữ
nghìn gươm phục rạng ngời
Công an có cây súng
nện tới tấp tơi bời
đánh không sờn không ngã
giam sao được lòng người
Công an có cây súng
cây súng và nhà tù
Thi sĩ còn ngòi bút
máu chảy hoài thiên thu.

(*)Doãn Quốc Sỹ: "Tôi là nhà văn chống Cộng"

Mai Thảo

Vài kỷ niệm với Ông Giáo.

Khoảng giữa mấy năm 1960, 1965, tôi không còn nhớ rõ được năm nào, bấy giờ, như giáo sư Nguyễn Hữu Mục, ông là một nhà giáo đào tạo lớp giáo chức mới ở trường Quốc Gia Sư Phạm đường Pétrus Ký, Doãn Quốc Sỹ được Bộ cử đi ra Hoa Kỳ tu nghiệp hai năm. Tu nghiệp của giáo chức ta ở Mỹ hồi đó, thực ra mỗi khóa chỉ một năm mà thôi. Một năm là xong, tự động phải về. Nhưng đất nước Hoa Kỳ mênh mông mở ra một lục địa trăm vẻ nghìn hình mới khám phá lần đầu sao đó (Doãn Quốc Sỹ rất thích chuyển dịch, bàn viết buổi sáng đặt giữa đồng cỏ Texas, buổi chiều dưới chân cầu Golden Gate với ông là tuyệt diệu) lại thêm những tảng nam châm nóng bỏng là những nàng gái Mỹ tên Pam, tên Cris bạo tợn, tự nhiên, làm tình như thở hút, tất cả những hấp dẫn mới lạ ấy chắc đã cầm chân người chúng tôi thường thân mật gọi đùa là "ông giáo". Và hết hạn, Doãn Quốc Sỹ đã đánh điện về Bộ xin cho phép kéo dài thêm tu nghiệp tới năm sau.

Khi tính ngày thấy Doãn Quốc Sỹ sắp tới ngày về, kế đó lại nhận được thư ông từ Hoa Thịnh Đốn nói còn cắm dùi ở xứ Cờ Hoa, ăn hambuger thêm mười hai tháng nữa, các anh Thanh Tâm Tuyền, Duy Thanh, Ngọc Dũng bọn tôi đã cười lớn với nhau: "Ông giáo sổ lồng, rơi vào trận đồ bát quái của phái Nga My ở Mỹ mất rồi, phen này khó lòng toàn mạng về được."

Vô Kỵ toàn mạng. Vô Kỵ về được. Trẻ hẳn ra. Cười ròn rã lúc đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Chẳng những thế còn họp mặt ăn nhậu tức thì với chúng tôi ở căn nhà cuối đáy một ngõ hẻm Thành Thái, căn nhà như căn trước ở cư xá sinh viên đường Minh Mạng, bởi cái tinh thần lạc quan yêu đời vô điều kiện của Doãn Quốc Sỹ, bao giờ cũng đầy ắp nắng gió và những tiếng nói cười vang động

của cha con ông và bạn bè ông. Nhớ mãi hợp mặt tẩy trần đó. Cùng ngồi vây lấy món đậu hủ chiên dòn và vịt sáo măng là hai món trấn môn đãi bạn của chị Doãn Quốc Sỹ, trưởng nữ nhà thơ Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, chúng tôi nghe ông giáo kể chuyện đi xa. Ông mở va-ly, treo mấy bức tranh mang về của họa sĩ Võ Đình lên tường. Tặng chúng tôi mỗi đứa một món quà có nhãn U.S.A. Lấy tấm bản đồ Mỹ Quốc ra, dùng bút chì đỏ vạch chằng chịt lên bản đồ, trước những cặp mắt thán phục của bọn tôi hồi đó chưa lần nào được ra khỏi nước, lộ trình những di chuyển thỏa thích, có những đêm ngủ dưới trời sao, qua các tiểu bang của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ. Rồi để kết thúc một cuộc họp mặt vui, như mọi lần, ông lên lầu xách cây vĩ cầm xuống, trao cho Nguyễn Sỹ Tế, ngồi vào dương cầm, rủ hòa tấu một bản cổ điển Tây Phương, bài tủ của cặp Tế, Sỹ là bản Symphonie số 9 của Beethoven.

Chúng tôi đâu chịu để ông giáo đàn. Mà xúm lại trêu ghẹo về chuyến đi Mỹ: "Bạn phiêu hốt dữ thế còn tu nghiệp được cái quỷ gì nữa." Cười lớn : "Tu nghiệp đàng hoàng chớ! Riêng về cái vốn Anh ngữ tôi có dịp sử dụng hàng ngày, còn chịu khó và cầy thêm ở thư viện đại học, bây giờ được lắm rồi nhé! Chỉ cái tiếng Việt hàm súc của cụ Nguyễn Du mình là khó nhất thôi. Để rồi viết chơi cái tiểu luận văn học bằng tiếng Anh cho các bạn coi." Lại trêu: "Thế còn mấy em tóc bạch kim mắt xanh mầu biển thì những trận giao phong gió táp mưa sa đến độ nào mà anh khóa xuống tàu không nổi, bạn khai hết ra đi." Lại cười ròn rã: "Chờ đọc du ký hai năm ở Mỹ của thầy giáo làng sẽ thấy hết."

Tưởng đùa mà thật. Chỉ mấy tháng sau ngày về, Doãn Quốc Sỹ, bằng lối viết cực kỳ dễ dàng của ông, đã biên soạn xong một tiểu luận văn học song ngữ, in ronéo, một bên tiếng Việt, một bên tiếng Anh, tôi nhớ là một sơ thảo tóm lược dùng cho giảng dậy về những trào lưu chính của văn học miền Nam từ sau chia cắt đất nước, trong tiểu luận Doãn Quốc Sỹ có dành một chương rất thân yêu cho anh em Sáng Tạo. Và nếu tôi vẫn nhớ không lầm, tiểu luận được đem giảng dậy ngay ở đại học Vạn Hạnh, trong cái phân khoa văn chương mới thành hình do sáng kiến của thượng tọa viện trưởng Thích Minh Châu, người điều khiển phân khoa khi đó là nhà văn Vũ Khắc Khoan.

Nhưng cái viết bằng chất liệu đem về từ Mỹ, tươi tắn, trữ tình, chúng tôi yêu thích hơn, nó là tất cả Doãn Quốc Sỹ, con người, tâm hồn và lối viết của Doãn Quốc Sỹ, chừng nửa năm sau tiểu luận song ngữ mới tới. Đó là tập du ký Doãn Quốc Sỹ đặt cho một cái tựa rất thơ là *Sầu Mây*. Như hầu hết là vậy, từ *Khu Rừng Lau*, đến *Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều*, đến *Ba Sinh Hương Lửa*, *Sầu Mây* cũng được tiểu thuyết hóa, từ trang đầu đến trang cuối. Những thời điểm, những sự việc, Doãn Quốc Sỹ thuật tả lại hết từ những sự thật, nhưng chỉ

dùng chúng như những cảnh trí làm nền cho những rung động, những gặp gỡ, hết thảy, qua cái nhìn và tâm thức Doãn Quốc Sỹ đều hồn nhiên, tươi sáng, ở *Sầu Mây* là những minh họa sinh động về đất trời Mỹ, về cảnh thổ Mỹ, đầy ắp những vẻ đẹp mạnh mẽ, là hào hứng những tao ngộ tình cờ của một tâm hồn Việt không một mảy may mặc cảm màu da và nhược tiểu với những tâm hồn sinh viên nam nữ Mỹ trẻ trung, phóng khoáng, kết giao trong một tương thân đại đồng đã phá vỡ hết những biên thùy. Đọc *Sầu Mây* thật vui. Bốn biển một nhà, con người chủ thể. Người thích nhất là Thanh Tâm Tuyền. Nói với tôi: "Đây không phải là tác phẩm chủ yếu, nhưng là cái viết tự do và bay bổng nhất của Sỹ. Cũng là cuốn sách nhỏ nhưng óng chuốt và đáng yêu hơn cả của ông giáo."

Anh em Sáng Tạo với nhau, người trước người sau chúng tôi nể trọng, coi như đầu đàn là nhà văn Nguyễn Sỹ Tế. Chừng mực vô chừng. Trầm tĩnh vô chừng. Trong cái nhìn của chúng tôi, cái tiềm ẩn, cái thâm sâu của tri thức Nguyễn Sỹ Tế như những cành lá chen đậm đặc của một cánh rừng, không biết đâu là giới hạn. Một vài trọng nể khác nữa. Không toàn vẹn, vì xa, gần từng lúc. Như nhà văn Trọng Lang, một cây bút phóng sự sắc nhọn tinh quái của Tự Lực Văn Đoàn. Như nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh. Còn lại, bằng tâm, mỗi tên mỗi kiểu. Dáng vẻ thi sĩ tiền chiến, phong cách Rimbaud, Verlaine đầu bù tóc rối, thế sống lăng ba vi bộ, bất kể và bất cần, rời khỏi sân chơi sớm nhất là Quách Thoại. Thanh Tâm Tuyền, cái đầu húi ngắn, công nhân Ba Son, nhai đá rau ráu và chân đi chữ bát, một thiên bẩm nhiều mặt. Tô Thùy Yên trầm trọng, loắt choắt, mỗi lời thơ như một đạo bùa, "ta về khai giải bùa thiêng yểm", còn là sự ngạc nhiên lớn của chúng tôi, gốc gác Bắc Kỳ, nghĩ thơ chỉ Bắc chỉ Trung, không ngờ phương Nam cũng sinh thành được một tài thơ tiền tiến. Trần Thanh Hiệp, khắc khổ như một ông cụ già, tướng hầu, lúc chúng tôi gọi là thủy tổ loài người, lúc là Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng. Ở giữa, trung dung, bình nguyên, như một hợp tập hiền hòa, hóa giải được mọi tỏ hiện quá khích là "ông giáo", là Doãn Quốc Sỹ. Giữa chúng tôi, một khác biệt hẳn. Ông không mở "những phòng thí nghiệm trên cỏ", danh từ này của Tô Thùy Yên, để pha chế những hợp kim mới cho ngôn ngữ mới, như chúng tôi. Khi với tờ Người Việt rồi tờ Sáng Tạo, chúng tôi náo nhiệt bàn tới những vận động làm mới văn chương, làm mới tình yêu, làm mới tâm hồn, ông chỉ cười. Không phản đối cũng không hưởng ứng. Chỉ ung dung ở yên trong cõi viết bình dị, đầy đặn, hồn hậu của mình, một cõi viết không mảy may giao động trước một hiện tượng văn chương thế kỷ nào, một cõi viết ở đó là con người, không nửa người nửa thú, con người là chủ thể, là nhân sinh tính bản thiện, là một hoà đối mãi mãi và không cùng với tạo vật và thiên nhiên. Con người. Trước hết. Chỉ con người thôi. Đúng vậy. Với

ông giáo. Như yêu thích điều gì, ông thường vỗ đùi và luôn miệng thốt lên tiếng humain, humain (rất người, rất người.) Khiến gọi ông là ông giáo, chúng tôi còn gọi đùa là "mè-sừ humain", mỗi khi có chuyện gì nói tới Doãn Quốc Sỹ.

Đặt Doãn Quốc Sỹ vào thể loại nhà văn nào? Tiền phong? Mở đường? Khai phá? Đều không phải. Tôi nghĩ đơn giản, bình dị hơn, ông là một người kể chuyện, thuật chuyện, bằng văn chương. Và không bao giờ rời khỏi vị trí và phong cách ấy. Một narrateur né. Kể chuyện đời sống. Kể chuyện đời người. Chuyện những nắng mưa. Chuyện những biến cố. Dùng hình ảnh xưa: một lão trượng gậy trúc, áo lam, ngồi ung dung dưới một bóng cây, kể chuyện cổ tích, kể chuyện nhân gian cho người đời thưởng thức, hình ảnh ấy cũng khá đúng, một phần nào với Doãn Quốc Sỹ. Ông đã viết khá nhiều chuyện cổ tích, có không khí thần thoại. Ở những chuyện này, nhân vật của ông là một loài thủy quái đã ba ngàn năm thành tinh ở một vùng biển phương Nam, là con yêu đội lốt người ở một hang động quỷ, là con cá nói được tiếng người, là con sóc có hiệu năng hô phong hoán vũ. Vân vân.

Anh em Sáng Tạo. Văn chương phá vỡ. Ông giáo mặc. Cứ thản nhiên, lâu lâu một đường cổ tích, mấy cái truyện hồng, bằng một tưởng tượng không tuổi và trên cái chân lý bất biến là nhân nào quả ấy, cái thiện, cái đẹp bao giờ cũng đánh thắng cái xấu, cái ác, ông giáo làng cứ khơi khơi dựng đặt ra hết. Nghĩ lại, vui thật. Cái phía giòng suối, cái phía hài đồng Doãn Quốc Sỹ.

Nhiều năm, tờ Người Việt trước, tờ Sáng Tạo sau, cùng đình bản, không còn đất đứng chung trên một diễn đàn nào, chúng tôi gọi đùa là thời kỳ Sáng Tạo xẻ lẻ, đi khách, vác kích tới các nước chư hầu đánh mướn. Doãn Quốc Sỹ một mình làm một việc, nhớ tới lúc nào là tôi nghĩ ngay tới thầy Thanh Tuệ, nhà xuất bản An Tiêm, thầy Từ Mẫn, nhà Lá Bối. Đó là ông giáo đi vào xuất bản sách. An Tiêm, Lá Bối khởi đầu chắc cũng cỏ con thôi. Nhưng cỏ con nhất trái đất phải là cơ sở xuất bản bỏ túi và xe đạp của họ Doãn, với cái tên Sáng Tạo tôi đồng ý để ông dùng lại. Bỏ túi, vì nhỏ xíu. Bỏ vào túi áo túi quần được. Xe đạp, vì nhà xuất bản chỉ có độc một cái xe đạp cọc cạch là phương tiện vận chuyển duy nhất. Chở sách, phát sách, thu lại sách về, tất cả trên cái xe thồ mỏng manh hai bánh. Sáng, chiều, luôn cả ngài giám đốc trên nó nữa. Đó là thời gian lâu lâu chúng tôi lại bắt gặp ông giáo, cái xe đạp tiền sử, những chồng sách chất đống, lúi húi tháo sách, buộc sách, khuân sách trên vỉa hè mấy tiệm sách ở đường Hiền Vương, ở khu Phú Nhuận. Hoặc nửa thân hạc đổ rạp về phía trước, gò lưng tải sách trên những con dốc ở khu Ngã Bảy, trong vùng Chợ Lớn. Lầm. Cặm cụi. Mưa nắng. Một mình. Vẫn trong cái tinh

thần lạc quan yêu đời vô điều kiện. Và thấy bạn thì ngừng lại, vừa thở hắt ra vừa cười ròn rã. Điều kỳ lạ là đã làm ăn kiểu thủ công nghiệp, còn không có một chút đầu óc khoa học, thực tế nào về thương mại về thị trường, ông giáo cứ ra được sách. Hết cuốn này ra cuốn khác. Thơ Tuệ Mai, thơ Thế Viên bán thế nào được. Nhưng bạn ngỏ ý là gật, là in. In thả dàn, in tùm lum. In thân tình, in bè bạn. Nhãn hiệu nhà xuất bản của Duy Thanh, hình vẽ một con gà trống phưỡn ngực, ngửa cổ gáy có khác. Gáy tưới hạt sen, gáy nhắm mắt gáy. Tới mấy tập *Chuyện Cấm Đàn Bà* của Đặng Trần Huân, làm phú tuyệt hay và còn có bút hiệu Thầy Khóa Tư, cũng Con Gà Ngửa Cổ Gáy xuất bản, thì tôi thấy ông giáo quá chiều bạn. Vì *Chuyện Cấm Đàn Bà* chỉ là những mẩu chuyện tiếu lâm Tây Phương, hầu hết về sex, không thể xem là tác phẩm văn chương đứng đắn. "Bạn xét lại thế nào đi chứ! Loại quỷ đó mà Sáng Tạo cũng đứng tên xuất bản thì còn thể thống gì nữa." Tôi gặp và cằn nhằn ông giáo. Cười: "Vui mà, sao đâu, Đời sống cũng phải có sex và tiếu lâm một chút. Mấy cuốn ấy lại bán chạy nhất đấy, đỡ cho nhà xuất bản lắm lắm!." Vui. Dễ dãi với bạn. Với đời. Không vấn đề gì. Đó là áng mây, tiếng cười, dải nắng Doãn Quốc Sỹ, trên vòm trời đời sống chúng tôi. Mấy hình ảnh này đã có với tôi từ một buổi trưa 1955, Thanh Tâm Tuyền đưa tôi tới gặp ông lần đầu ở cư xá Minh Mạng, ông nheo mắt cười: "Mai Thảo đây hả?" và dưới những tàng cây thấp, dẫn tôi sang phòng ăn cư xá đãi bữa cơm phần dọn cho sinh viên. Mấy hình ảnh này vẫn còn ở trong tôi, tới giờ, mắt đã gần lòa, bị kiết lỵ nặng, chắc không lâu nữa, như tin tức mới nhất ở bên nhà vừa cho biết, ông khoanh chân ngồi thiền trong ngục tối Chí Hòa.

Tôi không nói ở bài viết này về con đường khổ hình của Doãn Quốc Sỹ. Về ngót mười năm "đẵn tre vác nứa trên ngàn" của ông ở những trại tập trung cộng sản. Về cái án mới chín năm, ông bị bắt lại. Bình tâm mãi mãi ở trong lòng về bạn, tôi chỉ thấy, với tất cả ung dung của tâm hồn và trầm tĩnh của thái độ, ông đã thực hiện tới cùng, cho ông, cái định mệnh khốc liệt nhưng hùng tráng biết bao của một nhà văn uy vũ bất năng khuất, với Soljenitsyne là chỉ một con người mà đương đầu được với cả một chế độ. Chỉ muốn nói thêm một kỷ niệm chót với ông giáo. Do cuốn *Sầu Mây* mà có.

Tôi từ trại đảo tới Mỹ tháng 5 năm 1978. Tháng 9, đi một chuyến đi đường bộ từ thành phố Syracuse, New York, giáp ranh biên thùy Gia Nã Đại, về Virginia. Đường đất khá dài. Gần trọn một ngày, qua mấy tiểu bang Connecticut, Maryland, Massachusetts. Chiếc Greyhound lăn bánh đều đều trên những con đường hai bên là cây nối cây, rừng tiếp rừng, bất tận. Cảnh rừng tuyệt đẹp trên khắp miền Đông Hoa Kỳ đã vào thu. Sau kính xe, từ sáng, tới trưa tới chiều, tôi ngắm nhìn không chán mắt những lùm cây mầu sắc rực rỡ như những

mâm hoa kín khắp mặt đất, những rừng lá trên cành, thảm lá dưới gốc thấp thoáng lùi ngược, hết thảy vàng rực, cháy rực một màu vàng kỳ lạ, có những tầng những phiến đỏ ối như lửa, cái mầu vàng mạnh mẽ, lực lưỡng, lóa mắt, mênh mông tôi không thấy nơi những mùa thu tơ liễu ở quê nhà, mới thấy lần đầu giữa thu rừng Mỹ

Nhìn ngắm mãi rồi chợt cảm thấy cái cảnh tượng mới lạ có một cái vẻ gì quen thuộc. Như đã từng thấy từ trước, đâu đó. Nghĩ mãi, chợt biết ra là đã thấy từ trước thật. Ở cuốn *Sầu Mây* của ông giáo. Trong du ký này, Doãn Quốc Sỹ đã dành nhiều trang thật sung sướng, thật ngoạn mục, cho miêu tả những cánh rừng Mỹ tháng chín, những cánh rừng Mỹ mùa thu, với cái màu vàng rực rỡ kỳ lạ, ông kể là đã đi qua, một chuyến đi từ phía dưới lên miền Bắc thăm hai bạn ông là họa sĩ Võ Đình ở Maryland và giáo sư Nguyễn Quý Bổng ở Toronto, Gia Nã Đại. Bạn đã qua đây, những con đường, những cánh rừng kia nhiều năm trước, bây giờ mình cũng đang đi trên những con đường bạn đã đi, qua những cánh rừng bạn đã qua, tôi cảm động nghĩa thầm. Và trên Greyhound, rút ngay bút làm mấy đoạn thơ lấy tên bạn đặt tên cho rừng thu Mỹ. Cho tôi chép lại dưới đây mấy đoạn thơ ấy nhé! Như một kỷ niệm chót, bất ngờ, trên quê hương người còn có được với bạn ở xa:

Rừng Doãn Quốc Sỹ

Bus chạy suốt một ngày
Qua rừng Doãn Quốc Sỹ
Tháng chín cháy
Thu Hoa Kỳ bất hủ ở Sầu Mây
Lá đỏ thắm cành đi cảo máu
Tầng đá nhọn ngời thiền
Một khối giữa thiên nhiên
Trầm tưởng người năm ấy

*

Bus chạy suốt một đêm
Giữa rừng Doãn Quốc Sỹ
Mưa hạt ngàn đời sáng rỡ lân tinh
Sấm chớp nổ tung vùng trí nhớ
Ngưng
Trong yên tĩnh chỉ còn giòng suối nhỏ
Trong vắt tiếng cười người
Năm ấy đã qua đây

*

Bus vùn vụt đổ dốc
Sương mịt mùng khuất lấp
Tiếng suối chẳng còn nghe
Hết rừng Doãn Quốc Sỹ

Mai Thảo

Thường Quán

Đọc Khu rừng lau

Cúi xuống trên tờ văn buổi tối
Nghìn trang dằng dặc ba mươi năm
Không, hơn thế nữa: cả nghìn năm vẳng dội
Như câu ca dao khai mở kiếp tơ tằm
Người đã biết để nuôi sự sống
Cắn trái tim và giòng nước ngọt ngào
Hoa đồng thảo và tay run rẩy đón
Cuối đợi chờ cửa mở tấm lòng trao
Chẳng còn những câu hỏi: Khu Rừng Lau đi bao giờ tới?
Sao chẳng thành Rừng Mía của Nàng?
Cổ ngóng trông vành khăn mây trắng
Những Miên đã vào miên viễn thời gian.
Khi lửa tắt đêm xanh sự tích
Còn mất Chàng cười nữa, đâu rồi
Những Kha của ngày xưa đi mãi
Vào sớm ngày rạn vỡ niềm thương?
Cánh tay dắt dìu cuối đường dâu bể
Ôm tròn chưa thôn ổ con người
Đêm viễn phố đâu là bóng ảnh
Đổ nghiêng về những dáng Quỳnh Hương?
Những sầu mộng hiện thân gì nữa
Cõi mênh mang sâu thẳm bên trong?
Hoa đức hạnh màu sen trong lửa
Trời đêm đen chan chứa bao năm
Đã mọc dậy tình sương xóm ngõ
Cửa mở ra một khúc sông quành
Như mãi mãi bàn tay vẳng trán

Như mãi mãi bao thuở sầu mây. Người đã biết
Không ai giết được cõi trời xanh.

Nhật Tiến

Một vài kỷ niệm với nhà văn Doãn Quốc Sỹ

Mặc dù cùng là những cây bút xuất hiện ở miền Nam sau 1954, tôi vẫn coi nhà văn Doãn Quốc Sỹ như một bậc đàn anh. Trước hết là vấn đề tuổi tác. Trong khi anh Doãn Quốc Sỹ là sinh viên Văn Khoa ở Hà Nội, thì tôi vẫn còn là một học sinh chưa hết bậc trung học. Mà học sinh bậc trung học thời đó (trước 1954), nhìn lên giới sinh viên thấy như họ ở một thế giới nào cao xa và cách biệt lắm. Sinh viên có hoạt động của sinh viên. Học sinh, nhất là học sinh Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Trưng Vương có những hoạt động riêng của họ. Sự hợp tác hoạt động trong lãnh vực văn hóa, xã hội của hai giới này hầu như chưa bao giờ đặt ra, vào thời điểm đó.

Sau nữa, trong khi anh Doãn Quốc Sỹ xuất hiện sôi nổi với tác phẩm *Trái Cây Đau Khổ* trên tạp chí Lửa Việt, diễn đàn của Sinh Viên Văn Khoa Hà Nội mới di cư vào Nam, thì tôi vẫn còn loay hoay với những trang bản thảo chưa hề được đăng báo hay xuất bản của mình. Sinh hoạt văn học nghệ thuật ở miền Nam khoảng 1954-1958, đối với tôi vẫn còn là miền đất xa lạ mà tôi chưa được hân hạnh bước chân vào mặc dù tôi vẫn đọc rất nhiều tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ đang nổi tiếng ở thời kỳ đó, trong đó có cả anh Doãn Quốc Sỹ.

Thế mà năm năm sau, do một sự tình cờ, tôi lại được đứng chung cùng với anh trong danh sách tác giả trúng giải thưởng văn chương toàn quốc được tổ chức cứ hai năm một lần. Anh Doãn Quốc Sỹ được giải nhất về truyện ngắn với tập *Dòng Sông Định Mệnh*, còn tôi thì về truyện dài với cuốn *Thềm Hoang*. Hôm tham dự lễ trao giải ở Câu Lạc Bộ Báo Chí, sau này đổi thành Phòng Thông Tin Đô Thành, tôi đã được tiếp xúc với anh lần đầu, mặc dù trước đó tôi đã gặp anh,

biết anh nhưng chưa có dịp trò chuyện với anh!

Người anh cao và gầy, khuôn mặt xương xương, cử chỉ từ tốn, điềm đạm, anh đã cho tôi cái cảm giác giản dị, tin cậy, dễ hòa hợp và hết sức thoải mái khi trò chuyện. Ở nơi anh, đúng là có sự hòa hợp giữa hai con người: một nhà văn, một nhà giáo và anh đã giữ mãi sự hòa hợp này trong suốt hơn hai mươi năm tham gia trong cả hai lãnh vực giáo dục và văn hóa.

Sau lần tiếp xúc ngắn ngủi đó, chúng tôi chưa thể gọi là thực sự quen nhau, hay nói đúng hơn, giữa chúng tôi chưa có tình bạn, dù là bạn vong niên. Anh Doãn Quốc Sỹ bận rộn với những sinh hoạt của anh: vừa sáng tác, vừa dạy học. Anh đã viết rất nhiều, rất đều, kể cả sự xuất hiện trên những tạp chí văn học nổi tiếng thời đó lẫn việc ấn hành những tác phẩm mới. Kể từ ngày biết anh, không lần nào in sách anh lại không dành cho tủ sách gia đình của chúng tôi một ấn bản đặc biệt với lời đề tặng và chữ ký của tác giả. Như thế, dù ít có dịp được gặp gỡ anh để hàn huyên, hình như chúng tôi đối với nhau vẫn gần gũi, qua những hoạt động văn nghệ, qua những truyện ngắn đăng báo hoặc các tác phẩm đã in.

Năm 1971, do sự đề nghị của anh Nguyễn Hùng Trương tức giám đốc nhà sách Khai Trí, tôi nhận lãnh chức vụ chủ bút tuần báo Thiếu Nhi do anh Trương đứng chủ nhiệm. Đây là một việc làm cần thiết, đáp ứng nhu cầu sách báo thiếu nhi đứng đắn và hiếm hoi vào thời kỳ đó. Qui tụ quanh tòa soạn của tờ báo này hầu hết những nhà giáo như anh Đặng Hoàng, anh Vũ Văn Kiệt (bút hiệu Vịt Mò), Lê Xuân Nho, Phạm Đức Huyến hay những cây bút trẻ như Phan Khương Thái, Trầm Mai Hoạt, Vũ Thị Cà Dao...v.v... Đối với những nhà văn cỡ lớn như các anh Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Ngu Í, Lê Tất Điều (tất cả vốn cùng là gốc nhà giáo cả), tòa soạn chúng tôi một phần biết các anh bận rộn, phần khác không biết là báo của mình sẽ lớn mạnh, vững vàng được đến đâu, nên chỉ thông báo công việc mình đang làm mà không dám chính thức mời cộng tác.

Ấy vậy mà một hôm rất đột nhiên, anh Doãn Quốc Sỹ tìm đến thăm tòa soạn Thiếu Nhi hồi đó đặt ở đường Thiệu Trị, một con phố nhỏ ở ngay kề cận cổng xe lửa số 6, đường Trương Minh Ký. Sự thăm viếng đột ngột của anh làm tòa soạn chúng tôi hết sức cảm động. Điều đó chứng tỏ dù bận rộn đến đâu, anh cũng vẫn quan tâm đến những nỗ lực của bạn bè trong những công tác giáo dục. Anh thăm hỏi về tình hình sinh hoạt tòa soạn, về số lượng ấn hành và số báo bán được. Rồi anh trao cho chúng tôi bản thảo một truyện ngắn viết riêng cho Thiếu Nhi, điều mà chúng tôi hết sức mong mỏi nhưng không bao giờ dám gợi ý ra. Anh cũng không chỉ gởi bài cho chúng tôi riêng lần ấy mà liên tục sau này, anh còn gửi đăng nhiều truyện khác đặc biệt có mầu sắc giáo dục thanh thiếu nhi. Sự quan tâm và lòng ưu ái của anh đối với tòa soạn đã khích lệ chúng tôi rất nhiều trong những năm sau

này trông nom nội dung tờ Thiếu Nhi (từ năm 1971 cho đến khi miền Nam sụp đổ).

Nhắc đến Doãn Quốc Sỹ với tờ Thiếu Nhi, tôi không khỏi ngậm ngùi nghĩ đến anh Nguyễn Ngu Í, cũng với một tấm lòng thiết tha với tuổi trẻ như anh Sỹ. Tôi còn nhớ, khi tờ báo phát hành được 5 số thì một hôm tòa soạn nhận được một lá thư dài của anh Nguyễn Ngu Í, trong đó ngoài những lời khen ngợi thông thường, anh còn để một đoạn thật dài nhắc nhở chúng tôi về vấn đề chính tả. Anh bảo báo chí dành cho giới trẻ thì tuyệt đối phải in đúng chính tả và phải hết sức khi dùng từ ngữ

Anh lấy ngay một thí dụ chình ình trên bìa báo Thiếu Nhi: "Ra hàng tuần, ngày Chủ Nhật". Anh chỉnh lại : "Báo ra hằng tuần, chứ không phải hàng tuần". Những bài học của các bậc đàn anh như thế không bao giờ chúng tôi quên được, không chỉ ở một từ ngữ đơn lẻ nhưng là cả một thái độ thận trọng trong công việc viết lách, nhất là việc viết cho giới thiếu nhi.

Ngoài công việc sáng tác và dạy học, anh Doãn Quốc Sỹ còn nghiên cứu về Thiền. Khi anh cho xuất bản cuốn *"Vào Thiền"*, tôi hơi ngạc nhiên tự hỏi anh lấy thì giờ ở đâu để có thể đi sâu vào một lãnh vực cao siêu như thế. Nhưng quả thật tinh thần của Thiền đã ảnh hưởng sâu xa trong tư tưởng của anh và sau này hẳn đã giúp ích anh rất nhiều trong những năm dài tù tội.

Hồi đó anh Doãn Quốc Sỹ có một xe hơi loại Daihatsu dùng để chuyên chở nhẹ. Anh hay dùng chiếc xe này để chở sách đi phát hành. Quản lý của tờ Thiếu Nhi khi đó là Đỗ Phương Khanh thường hay gặp anh ở nhà phát hành. Một lần không thấy anh chở sách bằng xe hơi mà lại bằng xe gắn máy. Đỗ Phương Khanh hỏi:

— Chiếc xe mọi khi của anh đâu rồi?

Anh mỉm cười, giọng nhẹ nhàng thản nhiên:

— Bị lấy trộm mất rồi!

Anh có mỗi một chiếc xe, phải kể như một tài sản quí hồi đó. Thế mà mất xe, anh không hề tỏ vẻ bực bội hay oán trách. Đỗ Phương Khanh rất cảm phục anh ở thái độ này và thấy rõ anh đã thấm nhuần sâu xa tinh thần hỉ xả của Thiền.

Sau năm 1975, chúng tôi đến thăm anh ở căn nhà trong khu ngõ đường Thành Thái. Lần cuối cùng chúng tôi thăm anh vào thời gian trước khi anh bị bắt một tuần lễ. Và thời điểm đó, tin tức lọt ra từ Hội Văn Nghệ Thành Phố về danh sách những nhà văn sắp sửa bị bắt đã loan truyền rộng rãi trong giới văn nghệ. Trong danh sách này có tên anh Doãn Quốc Sỹ. Vì thế, chúng tôi đến thăm anh với tất cả mọi sự bồn chồn lo lắng và ngao ngán, cái ngao ngán chung của những người cùng một giới đang bị bao phủ bởi một bầu không khí nghiêm trọng nặng nề.

Tuy nhiên, lúc gặp anh, chúng tôi vẫn thấy anh điềm nhiên, vui

về. Vẫn dáng dấp điềm đạm, đôi mắt sáng, hiền từ, nụ cười thản nhiên, đôn hậu. Anh chuyện trò với chúng tôi một lát thì tiến lại cái đương cầm mầu nâu nhỏ kê ở ngay ngoài phòng khách. Anh đạo cho chúng tôi nghe một bản nhạc cổ điển Tây phương. Qua những âm thanh thánh thót, tôi thấy cả tâm trạng bình thản của anh lúc đó. Lúc chia tay, chúng tôi không nói được gì nhiều với nhau. Chẳng ai muốn nói gì nhiều với nhau lúc đó. Chúng tôi chỉ nắm chặt lấy bàn tay nhau và truyền cho nhau những ý nghĩ an ủi, cảm thông.

Một tuần sau, chúng tôi được tin anh đã bị bắt. Rồi những tin tức từ trong tù truyền ra, chúng tôi được biết dù đã phải chịu rất nhiều đắng cay, tủi cực nhưng anh vẫn luôn luôn bình thản. Anh là một trong những người tù đã khiến cho ngay đến cả những quản giáo cũng phải cảm phục.

Một người như anh, một người cha gương mẫu trong gia đình, một nhà giáo đầy tài năng và tận tụy, một nhà văn chừng mực chỉ viết ra những điều làm đẹp con người, làm đẹp xã hội, và một con người đầy nhân cách, giầu lòng vị tha, tôi tự hỏi một con người như thế lại bị gạt ra ngoài xã hội và phải chịu nằm tù rồng rã trong bao nhiêu năm trời, thì chế độ Cộng Sản là cái thứ gì?

Hoàn cảnh của anh khiến tôi so sánh với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện gần cả một đời người ra tù vào khám ở miền Bắc. Ước mơ của Nguyễn Chí Thiện thể hiện qua thi ca cũng chỉ là những ước mơ được sống trong một xã hội bình an, với một đời sống bình dị mỗi khi chiều xuống được nghe tiếng sáo diều vọng lại từ những cánh đồng êm ả, được ăn no, mỗi mùa có đủ áo ấm, lành lặn để mặc. Vậy mà những ước mơ ấy không bao giờ thành, dưới chế độ vẫn thường vỗ ngực tự hào là một chế độ ưu việt.

Vì không có khả năng thực hiện được những mộng ước rất bình thường của những con người rất bình thường, nên chế độ đã phải bỏ tù những những kẻ sĩ đã dám nói lên những sự thực xót xa ấy.

Nhưng càng giam giữ những con người như Doãn Quốc Sỹ, như Nguyễn Chí Thiện và hàng trăm văn nghệ sĩ khác nữa ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, chế độ hiện tại ở Việt Nam chỉ biểu lộ sự yếu kém và phi chính nghĩa của mình.

Đối với chúng tôi, những người may mắn hơn anh Doãn Quốc Sỹ, anh Nguyễn Chí Thiện, tuy không phải chịu đựng những năm tháng nhục nhằn trong ngục tù cộng sản, chúng tôi vẫn luôn luôn nhìn về các anh như những biểu tượng sáng chói của lý tưởng đấu tranh cho tự do và quyền làm người.

Nhật Tiến
Tháng 5-1988

Nguyễn Mạnh Trinh

Gửi dòng sông định mệnh

.1
Góc hẹp làm sao ngồi kiết già
Co chân tưởng đến cội nguồn xa
Bến bờ đâu nhỉ dòng lịch sử
Nhói buốt tim còn ở thịt da

2.
Ngục tối mà nghe tiếng nước trôi
Hò khoan sông núi cuối chân trời
Con chim quốc gọi ran lồng ngực
Hồn vẫng trăng dãi tận ghềnh khơi

3.
Vách thẳm xà lim nhìn muôn trượng
Vẫn yêu đời sống tự cỏ hoa
Trăng sáng thiên thu từ vạn hướng
Kể chi nắng đỏ với bụi nhòa

4.
Thập giá đong tay cuộc khổ hình
Tìm riêng còn mãi nhịp nguyên trinh
Đông hải biển reo lời sóng vỗ
Cáo trạng phải đâu ý một mình

5.
Quỷ dữ đừng mong ta đổi khác
Sừng sững tâm tư vẫn ngóng trời
Bạo lực sá chi lời kiêu bạc
Trăng theo thiên cổ bóng còn soi

6.
Những dòng chữ viết tươi màu máu
Định mệnh dòng sông đục phù sa
Tay ngắn thử đo cùng trời đất
Gửi gió lời đau của nước nhà

7.
Nhắn với cháu con còn lưu lạc
Xích xiềng mà vẫn cuộc rong chơi
Vẫn mơ trăng núi hờn gió cát
Vẫn còn mặt nhật đứng khơi khơi...

Tháng bẩy, 1988

Võ Đình

Doãn Quốc Sỹ và Tiếng hát tự lòng đất

Chúng ta có thể biết được cái hay cái đẹp của một cuốn sách ở mãnh lực của những cú đấm mà nó phóng vào ta, và ở thời gian ta tình nguyện chịu trận như vậy.

Gustave Flaubert

Tôi nghe nói (hay tôi đã đọc?) rằng gợi nên nỗi nhớ không gì bén nhạy bằng khứu giác. Một thoáng hương hoa, hương trầm, một mùi cỏ ướt, một mùi phân trâu, mùi áo cũ... "*Xếp tàn y lại để dành hơi...*" Lại có khi tôi nghe nói rằng chính vị giác và thính giác mới thật mãnh liệt: chất ngọt thơm của chiếc bánh *madeleine* ở đầu lưỡi... Tiếng ếch kêu xa mà nghe như ai gọi đò...

Đã ba mươi năm qua tôi ăn ở với nàng hội họa, cho nên thế giới *hình ảnh* trong tôi trở nên quá no nê, quá thừa mứa. Tôi sống vương giả trong đó, quá sung túc nên không còn nhớ nhung một hình ảnh cho bằng một mùi thơm, nuối tiếc một màu sắc cho bằng giai điệu. Vì thế, chỉ nói riêng về âm thanh, âm thanh thôi chứ chưa phải âm nhạc, khi có dịp được người khác hiến tặng, tôi hưởng thụ một cách ê hề.

Như Võ Phiến đã cho tôi nghe tiếng con ó đêm "*kêu chão choẹt đâu đó suốt đêm trường*" (Cỏ Bồng Phất Phơ). Mai Kim Ngọc đã cho tôi tiếng phong linh "*nghe trong mà ròn rã như tiếng cười*" (Một Chút Riêng Tư). Hay Kiệt Tấn, "*tiếng động rần rật của bánh sắt trên đường rầy*" (Vườn Chanh Miệt Biển). Tiếng kêu của một con chim, tiếng gió leng keng trong những vỏ ốc, tiếng "*sầm sập, sầm sập*" của bánh xe lửa, của những chuyến đi trong đời, rồi thì tiếng dế kêu sau lò sưởi củi (Van Gogh), tiếng "*vạc kêu sườn núi trăng mờ đầu non*" (Ca

dao)... Và tiếng sáo diều. Tiếng sáo diều của người bạn mới "được" nhà nước xã hội chủ nghĩa chiếu cố đem ra xử cuối tháng Tư vừa qua, và ân cần trao tặng chín năm tù. Tiếng sáo diều của Doãn Quốc Sỹ...

Khu Rừng Lau , bộ trường thiên tiểu thuyết đồ sộ của Doãn Quốc Sỹ gồm bốn quyển. Quyển thứ hai là *Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến* gồm hai phần, do nhà Sáng Tạo xuất bản năm 1964. Với tôi, như một độc giả, Chương Bảy của Phần Một, tuy chỉ có 43 trang nhưng là một trong những đoạn quan trọng nhất trong bộ tiểu thuyết mấy nghìn trang này.

Khăng khăng theo đúng truyền thống chết cha còn chú, ông Hạo lặn lội từ quê ra Hà Nội để hỏi ý Kha về lễ giỗ sắp tới của mẹ chàng, tức là chị dâu ông. Nhưng Kha quyết định từ trước là chàng sẽ về làng đích thân cúng mẹ. Miên, Hãng, và Hiển được mời về theo. Lễ giỗ khá tươm tất và đông đảo: có bà ngoại Kha, ông bà Hạo, bà Quân dì ruột Kha, bà Nụ, ông bà cả Bê, ông bát Thoại. Và cố nhiên có bà Phán hàng xóm, và Thi, con gái bà. Có cô Hĩm, con gái ông bà Hạo và chồng là Toản.

Sau bữa tiệc cỗ đầm ấm và nhiều xúc động - vì tình hình đất nước nói chung, gia cảnh mỗi người nói riêng - ai nấy ra về, chỉ còn Kha ở lại với chú thím. "*Gió thu lạnh ghê, mùi lúa thơm phức, một thành sương trắng quấn ngang lũy tre một làng xa thành một đại tang, khói lam chiều ở từng mái bếp bốc lên như muốn lặng lẽ sưởi ấm cho thiên nhiên*"...

Trong khung cảnh đìu hiu đó, Kha đã bưng một mâm cơm nhỏ có cái đùi gà luộc, xôi, và chuối qua thăm chị Cầu nay quá già nua và nghèo khổ (anh Cầu đi lính "ba-ti-dăng"). Trên đường về xóm, Kha gặp lại cô Ngân cũng đã trải lắm ê chề... Rồi Kha sang nhà bà Phán thăm Thi, nàng Thi với một buồng phổi ruỗng nát, với những cơn sốt âm ỉ về chiều...

"*Kha từ biệt Thi rồi qua đêm đầu tiên chàng ngủ lại giữa lòng quê thân yêu.*"

(...) "*Kha thiếp ngủ đi lúc nào, không ăn cơm chiều. Bà Hạo buông màn và đắp cho chàng chiếc mền vải. Bà biết Kha có lòng thương người, bà thương Kha cách biệt gia đình trong thuở ly loạn, bà giáo chết, mẹ con chẳng được gặp nhau.*"

(...) "*Lạnh! Kha rùng mình, tâm trí bàng hoàng trong tiếng ưu đều đều mà chàng chưa nhận ra là tiếng sáo diều, (...) Vô tình chàng quờ tay xuống ngực kéo chăn lên ngang vai. Không phải chiếc chăn len quen thuộc mà là tấm mền vải thoảng mùi mốc dễ chịu. Kha nhớ ra rồi, chàng ngủ ở quê! Buổi chiều khi sang chứng kiến cảnh nghèo của nhà chị Cầu, nghe tiếng khóc đau đớn dằn vặt của thằng bé để tưởng như tiếng khóc của dân tộc và ngay lúc đó Kha đã có ý nghĩ: giá những kẻ hiện được thực dân trao cho chút ít quyền hành, chúng có*

lòng thương dân tộc, biết ôm ghì lấy lịch sử dân tộc mà san sẻ niềm đau như hình ảnh chị Cầu với nét mặt xót xa bối rối ôm con lên, giá được như vậy"...

*"Chị Cầu già đi rất nhiều, cảnh nghèo với biết bao lo âu đã làm bệ rạc thân hình chị. Còn đâu là sắc đẹp tràn trề sức sống thuở xưa... (...) Kha không được gặp anh Cầu nhưng Kha chắc chắn có gặp anh thì cũng lại gặp một hình ảnh xác xơ khác chứ đâu còn là anh Cầu đùa cợt hồn nhiên (*Cầu có thói thình lình cởi truồng tắm sông để mấy chị con gái đang giặt áo quần la hét oai oái -VĐ) *"Của giời cho, ăn cắp ăn trộm của ai mà sợ!". Anh Cầu, chị Trác (Cầu) cũng như hàng triệu thanh niên nam nữ tại khắp miền đồng quê nước Việt tuy lớn lên trong cảnh nghèo của gia đình nhưng đi vào tuổi thanh xuân chan hoà sức sống. Bầu không khí của đất nước mà trong sạch (trách nhiệm của những kẻ nắm chính quyền) biết nuôi dưỡng họ (...) Tất cả những sức sống phơi phới đó bị bạo lực xoi mòn, bị tham tàn bóp nghẹt cho rã rời tắt thở, sau cùng mụ mẫm đi mà chỉ còn biết sống theo bản năng."*

(...) Một tia sáng như hư như thực lọt qua khe cửa giúp Kha đoán là trăng hạ tuần đã lên. Chàng ngồi nhổm dậy, khẽ vén màn, khẽ rón rén mở cửa rồi lách ra ngoài. Dưới ánh trăng mờ đồng hồ tay chỉ ba giờ rưỡi sáng. Tiếng sáo diều vẫn đều đều giờ đây nghe thật rõ.

Kha không ngờ sau bao ngày chinh chiến dân làng Định-Quyết vẫn còn giữ được thói quen thả diều sáo vào những đêm hạ và đêm thu." (...)

Kha bước xuống sân ngẩng nhìn trăng hạ tuần giữa khoảng vắng lặng của cảnh vật; ánh trăng buồn bã chiếu sáng mấy vệt mây trắng bất động giữa đỉnh trời; bóng những lá cau phơ phất, những cây soan cao như những cây thông với những chùm lá thẫm nhòa nền trời; ngang tầm mắt, hình hàng rào dướii dọc theo ngõ xóm in thành một vệt sẫm thẳng tắp.

Kha tiến tới mấy cây thấp gần đấy, những hạt sương long lanh như những hạt lệ của cảnh vật khóc rưng rưng khi nghe tiếng than van từ vạn cổ của sáo diều. Lòng se sắt Kha tưởng chừng như chàng có gom phần nước mắt của mình vào những giọt sương đó. Hình như tiếng pháo diều chung kết lại tất cả những mối sầu của tình quê kẻ còn (Ngân) cũng như người khuất (Tín). Ánh đèn thấp thoáng bên nhà chị Cầu. Chắc chị đã dậy sửa soạn tráng bánh. Có tiếng chày thịch thịch bên dậu thưa phía sau nhà Kha, tiếng chày mau và đều. Thốt nhiên nhịp theo tiếng chày đó một giọng hát cất lên, giọng hát êm tưởng như theo gió từ xa... xa lắm vẳng lại.

Kha đứng lặng như bị chôn chân xuống đất vì chàng chợt nhớ rằng tiếng hát đó, cũng như tiếng sáo diều kia chàng đã được nghe từ lâu lắm, từ ngày chàng còn nhỏ xíu luôn luôn khóc đòi mẹ ẵm lên

lòng. Rồi từ đây vì được nghe luôn nên chàng không hề lưu ý tới những âm thanh và âm điệu đó, cho đến nay bặt một thời gian sáu bảy năm xa cách, tiếng hát đột nhiên xuất hiện vào giờ này để tự tỏ đậm nét trường cửu của nó. Tiếng hát giọng đồ đưa buồn buồn, chơi vơi, xa vắng. Lời không rõ nhưng cảm giác thì như vậy. Tựa như thuở nào đến giờ cứ vào những giờ thanh vắng đó là tiếng hát nổi lên, tiếng hát như thoát lên tự lòng đất, kể lể nỗi niềm để vừa thoa dịu vừa làm cho thấm thía thêm những sầu hận của những kẻ chợt thức giấc đón nghe nó."

(...) "Có tiếng lá cây xao xác tự đâu xa, rồi một đợt gió khác mạnh hơn ào ào tới như một đoàn âm binh trấy gấp vì một nhiệm vụ khẩn cấp. Kha vẫn đứng nguyên chỗ cũ hoàn toàn bị giọng hát thôi miên, hay đúng hơn để cho tâm hồn tan vào tiếng hát, xóa nhòa ý niệm về thời gian và không gian. Tuy nhiên chàng vẫn cảm thấy lạnh, cái lạnh của một tâm hồn cô đơn. Hình như chàng mỉm cười vì trong cái vô cùng cô đơn ấy chàng thấy rõ chiến tranh tàn phá gây biết bao cảnh đổi đời, nhưng có một cái gì đó mà không gì tàn phá nổi là tiếng sáo diều và nhất là tiếng hát kia, TIẾNG HÁT TỰ LÒNG ĐẤT, tiếng hát sầu dằng dặc nhưng là tiếng hát bất tuyệt vỗ về an ủi sự sống làm cho sự sống càng phì nhiêu và bất tuyệt như nó."

Đó là lần cuối cùng Kha ngủ lại giữa lòng quê trước khi vô Nam sau hiệp định Genève.

Cũng vì thèm khát một *"tiếng hát tự lòng đất"* như vậy mà mùa hạ năm 1967 tôi hoàn thành mộc bản năm màu cực kỳ công phu, gọi là *Giấc Mộng Con Diều.*

Rồi mùa thu năm ấy, một đêm mưa tầm tã, tôi ngủ lại nhà một ông bạn vong niên gốc Bắc ở ngoại ô thành phố New York. Đã lên giường, với tay tắt đèn, tình cờ bắt được một cuốn sách dầy đọc chơi vài trang. Tôi đọc trọn cuốn đến gần sáng. Đọc đến *"nhưng có một cái... mà không gì tàn phá nổi..."* tôi ghép sách, đặt lên bụng, nằm ngẩn ngơ. Hôm sau, hỏi ra thì được biết cuốn *Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến* là của Nguyễn Ngọc Bích, hồi ấy còn học ở đại học Columbia, cho ông bạn mượn. Về nhà, tôi vội viết thư thăm "người không quen", gửi về New York nhờ ông Nguyễn chuyển giao. Kèm theo thư, tôi đính kèm một cái ảnh màu chụp bức mộc bản *Giấc Mộng Con Diều* mới hoàn thành ba tháng trước.

Đúng mùng 1 tháng giêng năm 1968, Doãn Quốc Sỹ (DQS) lặn lội đi xe buýt Greyhound từ Nashville, Tennessee miền Nam nắng ấm lên tận cực bắc Pennsylvania khỉ ho cò gáy thăm tôi. Mùa đông vùng "tam bang" (NY, NJ, PA) đang ở thời kỳ khốc liệt nhất: bốn bề băng tuyết, có nắng vẫn lạnh ở độ âm, con sông Delaware nước thường chảy xiết đông cứng lại thành một vực sâu chết cứng. "Khách" phương xa người cao, gầy, phục sức xuề xòa, mặt vuông, nước da

ngăm đen, hai mắt sáng, quyết liệt nhưng hiền hòa. DQS đã ở lại với tôi hai ngày đầu tiên của năm 1968. Cũng dễ đến mười năm sau, sau năm 1975, tôi mới được đọc Nguiễn Ngu Í viết về DQS:

..."*Thật tôi không ngờ người sinh viên Văn khoa cao cao, gầy gầy, có cặp mắt u hoài ấy sau này lại đủ sức kiêm luôn ba nghề nặng nhọc và bạc bẽo nói trên* (dạy học, viết văn, làm nhà xuất bản--VĐ) *mà nghề nào cũng đánh dấu một cái gì. Thế mà từ chiếc lều con lạc lõng tại trung tâm thủ đô, sang căn buồng chật chội co mình trong khu Đại học xá Minh Mạng, đến gian nhà khiêm tốn anh tạo được trong cái hẻm đường Thành Thái, mười năm đã trôi qua, nặng nề, bực bội, anh vẫn giữ được cái niềm tin ấm áp trong đôi mắt hiền hòa, đôi mắt mà nhìn sâu vào, tôi có cảm tưởng rằng chúng không sợ lửa, mà cũng chẳng sợ giá băng.*"

Nếu tôi đọc Võ Phiến, ngoài những lý do "thuần túy" văn chương ra, vì ông là người "đào được thật sâu và biết thật kỹ về ý nghĩa của sự mất mát" (Làng Văn, số 43 tháng 3 năm 1988) thì tôi lại yêu đọc DQS vì một lý do "trái ngược": ông Doãn là người có một lòng tin bao la và sâu sắc ở sự tồn tại. Ông Võ nhắn nhe: Còn đấy, nhưng coi chừng, thật ra chúng ta đã "mất". Ông Doãn nhắn nhủ: Mất rồi, nhưng xét lại cho kỹ, chúng ta vẫn "còn". Mất còn, còn mất, hai nhà văn của chúng ta đã lấy cái lý vô thường và vĩnh cửu của cuộc nhân sinh để tặng cho chúng ta những bài học về tình yêu. Tình yêu cho quê hương dân tộc, tình yêu cho tông tộc gia đình, tình yêu bằng hữu, trai gái. Và tình yêu cho con người, cho cả những con người không "đáng" được yêu.

Trong cuốn *Viết và Sống với...* (Ngày Xanh, 1966), Nguiễn Ngu Í hỏi DQS: "*Tò mò một chút, anh nhé. Có người cho rằng trong các truyện của anh nhân vật chánh thường dễ thương, tốt, đẹp, phải chăng vì ngoài đời, anh đã từng chung đụng với những con người dễ ghét, xấu, hèn?*" DQS trả lời: "*Không phải thế đâu anh. Ngoài đời tôi có gặp người tốt, bạn hiền, nên tôi cho mình có quyền lí tưởng hóa một số nhân vật trong truyện mình.*"

Gần đây hơn, trong *Văn Học Miền Nam, Tổng quan* (Văn Nghệ, 1986), Võ Phiến viết: "*Khu Rừng Lau* phơi bày cái hiểm ác của chế độ này, lột trần nền độc tài nọ. Thái độ chính trị của tác giả luôn luôn hiển lộ trong tác phẩm. Tuy vậy ông Doãn (...) trước sau "*kiên trì theo con đường văn hóa*". Ông chê cái này chống cái nọ vì nó xấu nó ác. Mà ông thì nhất tâm phục vụ cái thiện cái mỹ. Thiện tâm thiện ý của tác giả tỏa ra khắp tác phẩm: trong các truyện của ông nhân vật nào cũng tốt, việc gì cũng có khía cạnh hay. Ông bất lực không tạo nổi người xấu, kể nổi việc xấu. Đọc sách ông, thơm tho cả tâm hồn"...

"*Đọc sách ông, thơm tho cả tâm hồn*". Ông Võ Phiến khéo ví von. Mà ông cũng ví von thật khéo.

Một trong những truyện của DQS được bạn đọc yêu mến đông đảo nhất là *Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều* (1960). Kết luận truyện này, DQS thổ lộ: "*Sau này khi về vùng quốc gia, rồi di cư vào Nam tôi còn trải qua nhiều gian lao nghèo túng và nhiều lần bị khinh rẻ, nhưng dù nghèo túng đến đâu, dù bị khinh rẻ đến đâu, điều đau nhục nhất với tôi vẫn là chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều, (...). (...) Cũng kể từ sau ngày xảy ra chuyện đó, thái độ tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo, ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương những em nhỏ sớm phải lăn lưng vào cuộc đời để tự nuôi sống, tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống, tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh nghèo túng giật gấu vá vai, tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác giữa kinh thành. Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn; ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành. (...)*"

Chưa hết! Ông đã từng kêu lên, kêu lên hoài, như một tâm niệm: "*Chẳng ai làm bẩn được mình, cũng như mình chẳng thể làm bẩn được ai dù mình nắm trọn quyền hành. Chỉ những hiện thân của u tối, của thiển cận mới tưởng rằng nắm được quyền hành là nắm vững lòng người. Hãy quay trở về với chính mình (...) vun xới tâm hồn mình là chuốt lọc danh dự cho dân tộc, là gieo hưởng hạnh cho đồng loại (...)*" (Tiền Kiếp, 1960)

DQS nói lên những điều trên một cách khơi khơi, tỉnh bơ, nói đúng hơn có lẽ nên dùng một thành ngữ của người Anh, "wish a straight face!" Bởi vì ông nói mà không có chút mắc cở. Bởi vì ông nói với tất cả sự nhiệt thành của một tấm lòng đôn hậu và một trí óc sáng suốt. Sống ở một thời đại mà ngôn ngữ lạm phát thê thảm, mà biết bao con người trở thành hời hợt, trâng tráo, DQS nói chuyện ăn ở thanh bạch, về tình yêu quê hương, gia đình, bằng hữu, về nhân đạo và danh dự, v.v. mà không mảy may e dè, ngượng nghịu. Thiển nghĩ ông thật đáng yêu ở chỗ đó. Ông đáng yêu không phải chỉ vì cái cao thượng, cái phong phú của tâm hồn ông mà chính vì, như ông đã mượn lời một nhân vật của ông trong *Cúi Đầu*(1970): "*Lời ông (...) nói thật có lý, thật thống thiết, lời nói của người đau khổ nội tâm nhiều, lời nói của kẻ cam chịu biết bao hủy diệt để đúc kết lấy một chút ít chân lý trong nhận định. Chân lý vẫn đơn giản nhưng chẳng phải ai cũng dễ nói lên được nó để xúc động kẻ khác*".

Cái lý tưởng của chàng thanh niên trong "*Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều*" vẫn rực rỡ một cách hết sức hồn nhiên ở người trung niên và, tôi tin thế, ngay cả bây giờ, ở ông lão ngoài sáu mươi. Trong *Con*

Chuột Chù (1966), sau khi nửa đêm loay hoay mãi mới đập chết được con vật xấu xí hôi hám, Kha đứng thần người nhớ lại hồi đi kháng chiến:

"*Một số bạn Kha hỏi cung tù binh da trắng thường cố tình hỏi mỉa ý muốn thực sự làm nhục họ. Một số khác đông hơn đồng ý với Kha là nhục mạ tù binh không làm đẹp thêm chiến thắng của mình, trái lại nữa. Riêng với Kha, từ ngày ấy chàng đã có quan niệm: làm nhục người khác là làm nhục chính mình, nhìn người khác quị lụy -- nhất là vì miếng ăn, việc thường hay xảy ra ở trại tù binh -- chàng có cảm tưởng như chính nhân phẩm mình bị sa sút. Bất cứ một cá nhân nào, theo ý Kha, đều mang trọn vẹn hình ảnh nhân loại nói chung. Tước đoạt nhân phẩm của một cá nhân nào là thương tổn đến nhân phẩm của cả nhân loại*" (...)

Đến như cái chết của một con chuột bấy lâu phá phách mà còn làm cho Kha nửa đêm đứng chống cái then cửa suy nghĩ vẩn vơ như vậy, huống hồ... Mà sở dĩ như vậy cũng vì DQS là một trong số những người Việt Nam un đúc và un đúc *tới nơi tới chốn* bởi cả hai nguồn tinh hoa văn hóa Đông Tây. Phật Lão Trang ở ông, đương nhiên rồi. Đồng thời, ngay cả trước thời gian đi tu nghiệp ở Mỹ (66-68) ông đã có những suy tưởng về nhân loại, nhân quyền, về bình đẳng xã hội, bình đẳng nam nữ, về giáo dục con cái, rất tiến bộ, rất "hiện đại"...

Tháng tư vừa qua, tại đại hội Văn bút Việt nam Hải ngoại, tôi được nghe luật sư, nhà văn Trần Thanh Hiệp, cũng là bạn thân lâu đời của DQS, diễn thuyết về ý thức người cầm bút. Tôi không nhớ rõ lời văn, nhưng đại ý ông Trần nói rằng DQS, tuy đang ở tù, là một người tự do. Ông Trần nói thật tha thiết và thật đúng. Nhưng khi tôi nghe ông bảo rằng DQS vẫn tự do vì ông (Doãn) không khuất phục trước bạo lực, thì tôi lại nghĩ rằng có lẽ ông Trần nói chưa chí lý. Tôi thiển nghĩ *DQS là một người tự do vì ông biết thương người.*

Những kẻ như chính người viết bài này và những ai trong số bạn đọc chưa từng *trực tiếp* chịu đựng những đớn đau nhục nhã do hoàn cảnh cốt nhục tương tàn gây nên, trước 75, sau 75, những người như chúng ta mà dám mở miệng nói về "tình thương xóa bỏ hận thù", thật có một cái gì không ổn. Riêng tôi, tôi không dám nói rằng tôi có đủ tư cách và sức mạnh để làm việc đó khi phải trực diện với hoàn cảnh thực tại. Nhưng tôi nghĩ rằng, tôi tin rằng DQS, sau 4 năm "học tập" (1976-1980), sau bốn năm giam cầm (1984-1988) vẫn không thay đổi cái nhìn hướng về con người của ông.

Ngày xưa, gặp ngoài đường một ông tai to mặt lớn với những thành tích xấu xa mà DQS còn biết "*thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thểu ngơ ngác đi giữa kinh thành*". Ngày nay, dẫu có đắng cay khổ nhục mấy đi nữa, ông còn biết nhìn với đôi mắt

thương hại những công tố viên đang xỉa xói ông, những cán bộ chấp pháp đang truy vấn ông, những cai tù đang kềm giữ ông. Và như vậy, ông mới còn tự do, cái tự do ông trả với tất cả đớn đau ê chề, cả thể xác lẫn tinh thần. *Trái tim* của ông vẫn không suy suyễn. Bạo lực *có thể* uy hiếp ông. Nhưng bạo lực không cách gì đập nát trái tim ông và đặt vào đó một lò lửa căm thù. Ông chỉ căm thù bạo lực, ông không thể căm thù con người, dẫu dù đó là con người dùng bạo lực để hành hạ ông. *Tất cả những ai đang mang lại khổ đau cho ông, và cho gia đình của ông, hãy ghi nhận, dù chỉ trong thâm tâm, hãy ghi nhận điều đó.*

(...) "bầu không khí u uất--Cơn giông-- Một trận mưa đổ xuống cho trời rạng dần-- Tôi vẫn có ý nghĩ lạc quan thế để cười vào mọi điều bạc, hèn hạ, ngu xuẩn của đời"...(Cánh Tay Nối Dài, 1966)

Trong cơn lốc tàn bạo của lịch sử, người người quay cuồng theo cái đà xoay bất tận của những chuỗi nhân quả oan nghiệt trùng trùng, DQS cũng không thể không lạc vào cái mê hồn trận ấy. Nhưng tôi cũng tin rằng, ở đâu, bao giờ, ông cũng vẫn là con người chẳng những không có tội đối với đất nước quê hương, mà còn là một kẻ "chiến thắng", "chiến thắng" lấy mình, trong nghĩa giữ vững được tư cách và tỉnh táo, trong nghĩa không quên rằng đao-phủ-thủ và kẻ tử tội đều là nạn nhân.

(...) "*Đã lâu lắm kể từ ngày dời miền Bắc sau hiệp định Genève, di cư vào miền Nam ấm áp mưa nắng hai mùa, Huy không được gặp tiết thu.*" *(...) "Và hôm nay trước khi dời tân lục địa này, Huy vô tình bắt gặp một chớm thu khác." (...) "Huy nhắm mắt lại cho tình thu thêm ngờm ngợp, gió ùa tới... ùa tới... ghê ghê lạnh, từng đợt từng đợt, liên tiếp liên tiếp, đẩy hồn chàng vào vũ trụ với lời nhắn nhủ thiết tha và bất lực (càng bất lực nên càng thiết tha) nhắn nhủ chàng hãy níu lấy thời gian này, không gian này, bám lấy không gian này, nơi trú ngụ hạnh phúc rực rỡ và mong manh; hãy níu bắt lấy hạnh phúc dù là bóng; hãy níu giữ lấy mong manh, dù tuyệt vọng. Sự níu giữ tuyệt vọng tự nó đã là cái đẹp rỡ ràng nổ tung vào vô tận để trở thành bất diệt rồi."* (Sầu Mây, 1970)

Tôi nghe kể lại rằng trong phiên xử ngày 27-4-88, sau khi công tố viên đọc lớn bản cáo trạng buộc tội "Doãn Quốc Sỹ và Đồng bọn" "chống phá cách mạng", v.v. DQS đã có cơ hội phát biểu vài đôi lời:

"*Tôi tin rằng chế độ nào cũng có hai mặt tốt và xấu, giống như con người vậy. Nhận định và phản ánh cái xấu là cũng để còn mong được cải thiện, còn mong được tiến bộ. Là những người cầm bút, chúng tôi có bổn phận phải làm việc đó.(...)*

"*Nếu tòa cứ nhất quyết phán xét vấn đề qua lăng kính đặc biệt của riêng tòa, thì tất cả chúng ta chỉ còn nước kẹt tuốt vào trong một cái vòng luẩn quẩn không lối ra, một cái vòng mà, thưa tòa, tôi đã cố*

hết sức tránh hoài rồi đó!"

Tôi cũng nghe kể lại rằng Doãn Quốc Sỹ đã nói như vậy một cách hùng hồn mà dung dị, tha thiết mà ung dung. Như hệt những khi ông đứng trên bục các lớp học ở đại học Sài Gòn, ở đại học Vạn Hạnh, mà nói với sinh viên. Bạn bị hành hạ, lòng tôi đau đớn. Nhưng tôi không khỏi mỉm cười nhớ lại nét mặt đam mê, đam mê mà sáng suốt, của ông khi ông giảng bài cho học trò. Và nhớ lại câu văn cuối cùng, kết liễu cuốn truyện dài *Sầu Mây*:

"Lên cao mũa phi cơ chui vào một vùng mây khói sầu giăng man mác, nhưng sao lòng Huy vẫn vời vợi chiến thắng? Có thể sầu mây lên cao thành niềm vui chiến thắng!

"Bao giờ chúng ta cũng là những kẻ chiến thắng-- Huy tự nhủ thầm vậy-- nếu chúng ta biết nhìn trước thấy dòng luân lưu của sự vật."

Đầu năm 1970, tôi có gửi tặng Doãn Quốc Sỹ và gia đình một bức tranh sơn dầu vẽ trên vải. Chiều cao họa phẩm gần như chia thành hai bởi một nét cọ lớn từ tả sang hữu, sáng rực. Bên trên là không gian trống vắng mênh mông, thấp thoáng một hình tam giác bạc trắng làm người ngắm tranh *nghĩ đến* một con diều. Bên dưới, hình tượng và màu sắc chằng chịt, dữ dội, gai góc. Tôi có thư dặn ông khi cho vào khung, hãy đặt dưới kính. Ông viết thư phản đối, bảo rằng tác giả lắm cẩm, tranh sơn dầu đời nào lại "xú-ve" (sous-verre), cứ để trần hay hơn. Tôi hối âm, biện hộ cho sự dặn dò.

Khi tôi nhận được cuốn *Sầu Mây (1971)* mới ấn hành, đọc đến trang 230, tôi không khỏi mỉm cười. Đó là phần tư của lá thư Hương viết cho Huy từ New York, nói về cô bạn nữ họa sĩ Trâm mà nàng rất quí mến. Một hôm, hai bạn gặp nhau, và những gì Trâm nói với Hương thì gần như là nguyên văn của những lời biện hộ của tôi về việc dặn dò đóng khung bức tranh sơn dầu:

(...) "*em theo Trâm về studio cùng làm cơm ăn. Em thấy trên tường treo một tác phẩm sơn dầu của Trâm mới vẽ mà lại đóng khung kính. Em phản đối Trâm sao lại đóng khung kính tranh sơn dầu. Trâm nhìn em đại lượng, rồi giọng Trâm thao thao, đại ý:*

"Chị có thấy bức tranh đập vỡ lệ thông thường? Phần trên là bầu trời tím hồng, mịn màng, man mác, đó là tiếng hát, là tình thương, là an ủi, là vỗ về. Phần dưới là đổ vỡ, là uất tức, quằn quại, xót xa, tàn bạo, tiếng sắt tiếng chì. Nếu cắt bức tranh làm hai bức thì mỗi phần sẽ là một bức tranh hoàn hảo hơn, theo đúng luật thẩm mỹ thường lệ: nhưng tôi đã quẹt ngang khoảng giữa một đường chân trời sáng ửng như một bình minh trí tuệ, như một giây phút tràng thần thoại sắp lên. Sở dĩ tôi đóng khung cửa kính bức tranh là để tạo nên một vũ trụ xa vời, chưa nắm lấy được, chưa đi vào được. Quê hương còn khói lửa,

tang tóc thế kia! (...) "Chị có biết không, nếu như ngày mai đây chúng ta được hòa bình trở lại với quê hương, tôi sẽ mời chị lại đây cùng uống với tôi một chén trà, cùng thắp với tôi một nén hương, rồi cùng giúp tôi một tay gỡ kính ra, đập cho vỡ vụn, và nhìn nhau cả cười..."

Bức tranh đó, tôi đã lấy tên cái Chương Bảy nói trên mà gọi: *Tiếng Hát Tự Lòng Đất, I.* Từ ngày đó đến nay, cũng đã gần hai mươi năm.

Ấy vậy mà nghĩ về Doãn Quốc Sỹ, khi thì sống thiếu trước hụt sau ở nơi phố thị, khi thì khổ ải đớn đau trong chốn lao lung, tôi vẫn nhớ đến bạn trong khi tai nghe từ xa vẳng đến một âm thanh cao vút, một âm thanh "siêu thanh", một tiếng hát tự lòng đất, tiếng hát sầu dằng dặc nhưng là tiếng hát bất tuyệt vỗ về an ủi sự sống làm cho sự sống càng phì nhiêu"...

Võ Đình
Hạ, 1988

Võ Đình, *Giấc Mộng Con Diều*, mộc bản, 1967

Võ Đình, *Tiếng Hát Tự Lòng Đất II*, tranh sơn, 1970

Nguyễn Ngọc Thuận

Vài Ý Nghĩ Rời Buổi Sáng

buổi sáng điều gì đã mở trong đầu anh
nỗi đau xót xao xuyến
những bất trắc chập chùng
của đời sống tuyệt vọng không cùng
phải chúng ta không thể nói với nhau trong bóng tối
một điều gì đó bi đát
sau lần hồi sinh đau khổ
như con chim sẻ trong bẫy lưới
nghẹn tắc lời thảm thương

bi kịch của tình ta
bi kịch của đời ta
em hãy nói đi
nói thật nhiều trong cơn tủi nhục vô bờ của óc não
đã điên cuồng những dòng nghĩ xám
những dòng nghĩ xám cho em
những dòng xanh xao của mây
của sương của khói của tương lai mịt mùng ảm đạm
phải mở lại những cánh cửa đã khép của đời mình
dù gì anh cũng đã nói
dù gì em cũng đã nghe
một lần để rồi không bao giờ có được cơn bối rối
và sẽ chẳng làm sao anh nhớ nổi
thứ ngôn ngữ thần kỳ của tim anh trỗi dậy bây giờ
dù vậy anh vẫn cảm nhận được khối tâm thức mù xanh
của đời anh ủ rũ
như anh vẫn nói bằng những ngôn ngữ bình thường

của ngày khi anh ngủ
những ngôn ngữ sám hối
cho một hồn vô tội
để ăn năn một lần
ăn năn ngàn lần
sự lở dở của đời anh
lặng ngắm đôi cánh rộng đẹp tuyệt vời của tâm hồn em
anh đã đứng sững trong nhiều buổi chiều êm
trái tim ướt sũng phiền muộn
quá khứ những thương tích rất mềm
xô về lũ cuốn

thật tình ta phải nói với nhau tất cả những gì ta phải nói
trước giờ biệt ly
hay chẳng nói được gì
cuộc tình ta như bong bóng nước
trong cơn mưa rào mùa hạ
bao lần anh đã đánh vỡ
bao lần anh làm dang dở
để nuôi buồn gợi tủi thương đau
để những buổi sáng rất đẹp như sáng nay
trở thành những mầm sầu
nở đầy hoa máu lỡ

hỡi em yêu dấu
có thể anh sẽ không nói được gì nữa đâu vì tất cả mọi điều
trái tim anh một lần đã nói
trong buổi chiều khờ dại
yêu em
bây giờ tất cả đã xa
rất xa
âm thầm
anh khó thể nói gì hơn nữa
trong tận cùng hữu hạn của thời gian
trong tận cùng chiều kích của không gian
bên kia biên giới của đau thương rạng rỡ
rất man dại một hạnh phúc điêu tàn
đã ôm xiết đời anh bỏ ngỏ
vùng biển nhớ mênh mông
hồn nát tan hoang

bây giờ anh bắt đầu nhớ lại đời anh
tìm lại thời gian đã mất
bằng ký ức tàn tật

thật tội nghiệp cho ký ức anh
ngu ngơ toàn khoai sắn
anh chắc đã hỏng thật đời mình
khi không biết nên khởi đầu nghĩ lại cuộc đời mình
ở điểm mốc nào cho tiện
có thể từ lúc gặp em
từ lúc biết và yêu em
từ lúc thấy cuộc tình mình sẽ như hơi thở lỡ
như đời anh lở dở
với đường đi nhiều ngõ rẽ phân ly
hay từ lúc anh biết rung cảm khi ngồi nghe biển hát
trong một đêm rất sâu
ngày rất xưa
sóng đã ru dỗ anh như người tình rất nồng nàn
bằng ngôn ngữ rất nồng nàn
kết hợp bởi gió sóng biển và hàng dương thật dài chạy trên bờ cát

một lần hay nhiều lần
anh không nhớ nữa
anh đã ngủ say trên bờ cát như ngày thơ ấu cũ
dưới ánh trăng thật vàng
lunh linh ánh sáng nhiệm mầu giữa sóng
với tình yêu thuần khiết của trăng sao

anh nên bắt đầu như thế nào cho tiện
giữa dòng hồi tưởng đen rời rã
hay từ lúc anh bắt đầu viết những lời thơ ngô nghê
ca tụng một ánh mắt bờ môi suối tóc vu vơ
anh chợt gặp một nơi nào đó
sân trường
góc phố
công viên
trước giáo đường vào giờ lễ tất
trong chuyến bus vội vàng buổi chiều rất chật
tất cả là như thế
nên khởi đầu như thế nào cho tiện
hay sau lần anh thiếp ngất
tưởng sẽ chết thật
khi viên đạn đồng phá vỡ ngực anh
như trái phá của tình người bùng nổ
thời phá sản tình thương
của những trái tim lạnh lùng
giẫn đùa trên xác chết

anh nên bắt đầu như thế nào cho tiện
với tâm thức hoài không mở cửa
trải một lần trong đời anh hóa thú
dẫu lòng thừa nhân tính cũng hư hao
bởi tim óc đã hùa nhau tự tử
khi đói khát triền miên chế ngự
giết đời anh dần bằng sắn khoai hư
dao đói khát mạnh hơn lửa dữ
hành hạ anh tàn nhẫn kiếp lao lung
cả ký ức không tìm đâu vết cũ
làm sao anh nhớ nổi em đây
trong đau đớn đã khô cằn nước mắt
bao bất trắc đã khơi nguồn sự thật
nhịp tim nào đập vỡ vô luân

em yêu dấu
anh đã nhớ đời anh từ nhiều chặng khởi đầu
nhưng không biết nên khởi đầu như thế nào cho tiện
khi oán thù xiết mãi thương đau

hay anh khởi đầu bằng tiếng hát em
ồ nhỉ
sao anh không khởi đầu bằng tiếng hát em
tiếng hát mang mang tâm cảm của một hồn u uất
cuộn đời anh hoài những bước lưu vong
không thể khác hơn ngôn ngữ bỏng lòng
bằng tiếng hát của lời thơ phẫn nộ
đã gào thét từ khi biển nhớ
từ phút đời tất tả xa nhau
từ lúc ngọn phân ly cháy ngời rực lửa
đốt lòng anh buốt rát thâu đêm
không thể đau thương chỉ có một lần
khi anh chỉ một đời để sống
và tủi nhớ cả trời mây lồng lộng
nhánh sầu ôm ngày tháng hân hoan
anh sẽ theo cánh gió rất ngoan
ru tình lỡ của đời anh thảm đạm
không hối tiếc trong vạn chiều hoài cảm
tuổi đời ta tai họa những ngày đông
nguyền rủa hồn anh đã mất những mai hồng
mất u ám với mầu tươi của nắng
xụp đổ rồi mộng rất xanh xưa.

Nguyễn Ngọc Thuận

Nguyễn Mộng Giác

Doãn Quốc Sỹ, người anh khả kính.

Trước mặt tôi là một bản tin cho biết ngày 27/4/1988 vừa qua, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã đưa một số văn nghệ sĩ tên tuổi ra tòa án nhân dân xử tội và kết án tù những người này theo tội danh hài ra là "liên lạc với nước ngoài, tuyên truyền phản động chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa". Theo bản tin này, nhà văn Doãn Quốc Sỹ bị kết án chín năm tù, nhà văn Hoàng Hải Thủy bị án 8 năm tù, ca sĩ Khuất Duy Trác 4 năm tù. Hai nhân viên bưu điện làm trung gian chuyển tác phẩm của các văn nghệ sĩ kể trên ra nước ngoài bị kết tội tòng phạm, lãnh án mỗi người hai năm tù.

Đối với một độc giả bình thường ở một nước dân chủ, bản tin không làm cho ai ngạc nhiên. Những nhà thương điên, những trại lao động khổ sai, những vụ trục xuất, những ruồng xét khủng bố, những trường hợp như Solzhenitsyn, Pasternak, Kundera... đã được báo chí và sách vở trên thế giới nói tới nhiều, đến nỗi người ta chỉ ngạc nhiên nếu một người cầm bút dưới chế độ cộng sản tự xuất bản được một tập thơ ca tụng Tự Do, hoặc một tiểu thuyết gia phổ biến được một cuốn truyện ca tụng Con Người. Từ đây, khủng bố đã trở thành một tính từ đi sau chính sách văn nghệ của chế độ cộng sản, đến nỗi trở thành hiển nhiên, bình thường, không còn ai ngạc nhiên nữa.

Tuy nhiên, bản tin trên đã làm cho tôi băn khoăn thật lâu, nhất là bản án dành cho một nhà văn đàn anh tôi hân hạnh quen biết và kính phục là Doãn Quốc Sỹ.

Trong các nhà văn lớp trước, tôi cho rằng Doãn Quốc Sỹ và Võ Hồng là hai cây bút có văn phong lãng mạn và một tâm hồn đôn hậu rất Việt Nam, cái chất Việt Nam nhân ái, hiếu hòa, cần cù, lương thiện, hớn hở vui mừng khi gặp người đồng điệu, mà cũng dứt khoát phẫn nộ nói ra thành lời khi gặp chuyện bất bằng, cái chất Việt Nam chưa bị những lý thuyết ngoại nhập làm cho thui chột để trở thành tàn

nhẫn, độc địa, lai căng, lưu manh, lố bịch. Thế giới tiểu thuyết của Võ Hồng không có người đáng ghét, chỉ có đa số là những người hiền, một thiểu số rất nhỏ còn lại là những kẻ đáng thương.

Thế giới tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ cũng vậy. Tuy là một trong những người sáng lập ra nhóm Sáng Tạo, ông như một người anh cả ngồi riêng một góc nhìn những bạn bè cùng tuổi hoặc nhỏ tuổi hơn lớn tiếng đòi tắt mặt trời, tát cạn biển, giương cao cờ, khói thuốc lá phun mù phòng khách, chai bia rỗng vất khắp nền nhà, để rồi khi tàn cuộc, các bạn trẻ lăn quay ra ngủ, người anh cả lặng lẽ thu dọn những gạt tàn thuốc, những rác rưởi lẫn lộn với những quần áo bẩn, và đắp lên người họ những tấm chăn ấm.

Nhiều người trong giới cầm bút khen và cũng chê tính đôn hậu trong tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ. Họ lý luận rằng ông đôn hậu quá nên nhân vật trong tiểu thuyết của ông đẹp nhưng có vẻ không thực, không lột hết được bản chất phức tạp của cuộc đời, bản chất hàm hồ của con người, bản chất tàn nhẫn phi lý của lịch sử. Xây dựng nhân vật, Doãn Quốc Sỹ thường không lưu tâm moi móc những ngóc ngách xấu xa của họ. Trái lại, ông lưu tâm tô điểm những nét đẹp của họ. Những Kha, những Miên, những Hãng những Khiết của *Khu Rừng Lau*, những Thiệu, những Yến của *Dòng Sông Định Mệnh*, tuy mang cái thao thức rất-lịch-sử, nhưng lối sống của họ, lối nói năng của họ phảng phất lối nói, lối sống của những Dũng, những Loan, những Độ, những Hảo của *Đôi Bạn, Đoạn Tuyệt*. Cùng một nhóm Sáng Tạo, nhưng tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ khác một trời một vực với *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền, *Tùy Bút* của Mai Thảo.

Không phải Doãn Quốc Sỹ, như một nhà nho cuối mùa, mất hết khả năng thích ứng và tiếp thu cái mới. Ông là người khao khát học hỏi, nhạy cảm trước sự đổi thay, và có điều kiện cũng như kiến thức tiếp xúc với cái mới hơn nhiều nhà văn đồng thời. Ông từng du học ở Hoa Kỳ một thời gian. Hồi hương, Doãn Quốc Sỹ viết cuốn *Sầu Mây*, nhân vật chính đã có mầu mắt xanh, mái tóc vàng, mũi cao, da trắng. Nhưng nhân vật ấy mê ca dao Việt Nam, như Miên, như Kha, lãng mạn đôn hậu như Yến. Qua đôi mắt quan sát của Doãn Quốc Sỹ, qua màng lọc trong tâm hồn ông, Con Người được viết hoa. Ông dành chỗ rộng trong tiểu thuyết cho những người trung thực, đôn hậu. Ông ghét những tiếng ồn, ông yêu âm nhạc, và những nhân vật ông thân yêu nếu không mê ca dao thì cũng mê thích một loại nhạc khí cổ điển nào đó, hoặc vĩ cầm, hoặc dương cầm.

Một người có tâm hồn như vậy không thể thích ứng với những nghề đòi hỏi óc mưu mẹo, đòi hỏi khả năng đối phó với nhiều hạng người phức tạp. Cũng không thể thích ứng với những vụ trình diễn chiêng trống xập xoè, cờ quạt mũ mãng sặc sỡ. Nếu cho rằng cái tính trời sinh là biểu hiện của định mệnh thuyết, thì định mệnh đã dành sẵn cho Doãn Quốc Sỹ một nghề: nghề giáo. Những mơ ước cao đẹp ông

ấp ủ, tình yêu người yêu đất, niềm tin ở Tự Do, Công Bằng, Lẽ Phải, chỉ được cơ hội thực hiện và quảng bá qua hai công việc mà Doãn Quốc Sỹ cho là thích hợp nhất đối với ông: đi dạy và viết văn. Suốt hai mươi năm trên nửa phần đất tự do của quê hương, ông đã say mê hai công việc đó. Học trò của ông, độc giả của ông đã yêu mến kính phục ông qua hình ảnh một ông thầy yêu nghề, một nhà văn mực thước và nhân ái. Không có ai nhớ về Doãn Quốc Sỹ như một kẻ giương cờ gióng trống hô hào một cuộc cách mạng văn chương, hoặc một ông vua xuống đường đòi lật đổ cái này để bày ra cái khác. Kể cả khi viết về những kinh nghiệm của ông trong thời kháng chiến, kinh nghiệm về người cộng sản, Doãn Quốc Sỹ vẫn viết với giọng điềm tĩnh đôn hậu cố hữu. Ông không "nổ" như Nguyễn Mạnh Côn, không "độc" như Võ Phiến. Người cộng sản ông từng biết thời thanh niên của ông, qua lời ông viết, là những nạn nhân của một thứ chủ thuyết ngoại lai, và đó là chủ đề những truyện ngắn chống cộng Doãn Quốc Sỹ viết thời kỳ sau hiệp định Genève. Nhớ về ông, phần lớn bạn bè, học trò hay độc giả nhớ tới một mẫu người Việt thường thấy nên thành tiêu biểu: hình dáng mảnh mai nhưng rắn chắc, khuôn mặt xương xương, nước da nâu, đi đứng chậm rãi, và trên môi luôn có một nụ cười hiền lành. Một người ung dung và tự tín, bằng lòng với những điều mình làm và cuộc sống mình có. Theo quan niệm ngày trước, ông không phải là típ người "khẳng khái cần vương" mà thuộc loại "thung dung tựu nghĩa".

Doãn Quốc Sỹ chọn cái khó "thung dung tựu nghĩa" vì bản tính chứ không phải vì cho rằng "khẳng khái cần vương" là việc dễ không đáng làm. Sự lựa chọn đó ít ra chạm đến quyền lợi kẻ khác, lại quảng bá tuyên xưng những điều tốt đẹp nên làm lợi cho xã hội. Lẽ công bằng bắt buộc người đời phải mến yêu ông, lối sống ông chọn không hào hứng, không rực rỡ, không thời thượng, thì người ta cũng sẵn sàng dành cho Doãn Quốc Sỹ một chỗ đứng tịch mịch và yên ổn để ông tiếp tục ươm những mầm non yêu đời, yêu người, yêu tổ quốc đất nước. Doãn Quốc Sỹ được hưởng thành quả những điều mình làm trong 20 năm bằng một vị trí xứng đáng trên văn đàn, một địa vị tôn trọng trong giáo giới, và một nếp sống gia đình yên ấm, ở con hẻm đường Thành Thái.

Nhưng rồi tất cả đều bị đảo lộn từ sau 30-4-1975. Trong những ngày hoang mang lơ láo đó, giới viết lách Miền Nam vẫn thường gặp nhau trên đường phố Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Tự Do để chứng kiến cảnh những tác phẩm của mình bị đổ từng đống hoặc bày la liệt ở vỉa hè bán solde cho những ai còn muốn giữ chút dư hương còn lại của một quá khứ đã mất. Lái sách, ngoài những tay buôn bán cũ chuyên nghiệp còn có những nhà văn, nhà thơ thất cơ lỡ vận gia nhập vào làng. Người mua gồm đủ thành phần: những người mê sách, những người chưa hề nếm qua mùi cộng sản nghĩ 30-4-75 cũng giống những cuộc

đảo chánh chỉnh lý trước đây, những chú bộ đội tò mò, những đồng bào miền Bắc chịu đựng mười mấy năm một gánh nặng mà không dám kêu than muốn tìm một tâm hồn đồng điệu... Tác phẩm và tác giả cùng nhìn nhau bùi ngùi giữa cảnh bát nháo hỗn loạn của cuộc đời.

Trong lúc những người khác hối tiếc không nhanh chân hay hớn hở cho hợp thời, tôi thấy Doãn Quốc Sỹ vẫn ung dung, điềm tĩnh. Ông biết rõ những gì đang chờ đợi ông, nhưng ông quyết định ở lại. Ông nói ông không thể rời bỏ quê hương được. Họ sẽ làm gì ông, gia đình ông sẽ ra sao, ông không biết. Ông không lạc quan tếu, cũng không tuyệt vọng. Tôi nhớ ông nói nếu có gặp hoạn nạn vì những gì đã viết thì cũng đành chịu, vì không khác được. Ông phải viết những điều cần viết, và sẽ rán viết tiếp những điều cần viết. Không nói ra, nhưng chúng tôi biết ông ngầm cho rằng muốn có chất liệu viết được những điều sẽ viết, ông phải ở lại. Không hối tiếc, không hớn hở.

Ông bị bắt giữa năm 1976, bị đày lên những trại tập trung tệ hại nhất ở cao nguyên, rồi do can thiệp của dư luận quốc tế, ông được phóng thích năm 1981. Ông ra khỏi nhà tù được vài tháng, ngẫu nhiên tôi được gặp ông trong bữa "tiệc" tối do một họa sĩ đứng ra khoản đãi. Anh bạn họa sĩ có được một bức tranh lưu lạc ở nước ngoài từ trước 1975 và có tin bạn bè từ hải ngoại gửi về cho biết tác phẩm của anh được một hàn lâm viện mỹ thuật chọn bảo tồn. Bức tranh đó sau này tôi thấy nhiều cơ sở sản xuất tranh sơn mài ở hải ngoại lấy mẫu và sản xuất hàng loạt. Anh họa sĩ vô cùng hân hoan, nên xoay một món tiền nhỏ, nhờ một người quen nấu cho nồi cà ri gà, mua bánh mì và một ít nem chả, thế là đủ làm tiệc vui khoe với thân bằng cố hữu. Tôi nhớ hôm ấy món cà ri gà còn được dặm thêm bằng tiếng đàn nguyệt của một ông hoàng Huế đa tài, và giọng ngâm của Hồ Bắc. Thơ cổ thơ kim theo tiếng đàn khoan nhặt chỉ làm nặng lòng những kẻ bẽ bàng lơ láo là đám văn nghệ sĩ chiến bại, gồm đủ mọi nghành, họa có, nhạc có, văn có, thơ có...

Ông xin phép về sớm khi tiệc chưa tàn, sau khi một người trong tiệc vui miệng hứa nếu ai có tác phẩm cần gửi ra nước ngoài thì anh sẽ tìm cách giúp đỡ.

Tôi tiễn anh ra cửa. Nhà người bạn cho mượn làm nơi hội họp ở khu vắng vẻ, bên cạnh một dòng sông và cách xa đường cái bằng một khu vườn. Đêm tối đen. Tôi hỏi thăm ông về những năm tháng ở trại Gia Trung, nhân tiện hỏi hư thực về tin đồn bên ngoài là từ khi bị bắt, ông cương quyết quay mặt vào tường tọa thiền, im lặng diện bích và không trả lời những câu thẩm vấn của cán bộ chấp pháp. Ông cười, rồi nói:

Anh em ở ngoài vì thương nên đồn đãi như vậy. Sự thực không như vậy. Mình ở trong tay họ, làm vậy có ích gì. Cái cốt yếu là giữ được tư cách dù ở trong tay họ.

Ông nói câu ấy với giọng bình thường, không cao giọng, không

bậm môi rướn cổ. Ánh đèn từ trong nhà lọt qua cửa kính, khuôn mặt của ông trông xương xương hơn xưa, nhưng ánh mắt vẫn sáng vui. Nhân tiện, tôi chào từ biệt ông, thấp giọng thú thực tuần sau tôi sẽ vượt biên. Ông im lặng một lúc, rồi nói:

— Anh em lần lượt đi hết, cũng buồn. Nhưng nếu không thể ở lại được nữa, thì cũng đành vậy. Qua bên đó có khi lại viết được những điều cần viết.

Nghe ông nói, lòng tôi nhẹ lại. Trước đó, đôi lúc không nhịn được, tôi thổ lộ chuyện toan tính ra đi với vài bạn thân, họ đều có giọng trách. Tôi phải nại cớ này cớ nọ. Nào sống lêu bêu vô tích sự chỉ làm gánh nặng cho vợ con. Nào không thể sống mãi trong trạng thái hồi hộp. Nào mình không phải là loại activist, militant. Câu trả lời của Doãn Quốc Sỹ đầy thông cảm và nhân ái, tôi xem như một món quà ý nghĩa một người đàn anh gửi cho người em vào lúc giã biệt.

Chuyến đi ấy thất bại, và tôi chỉ đi thoát vào chuyến thứ năm cuối năm 1981.

Cuối năm 1982 tôi được đi định cư tại thành phố Houston Hoa Kỳ sau 11 tháng chờ đợi ở đảo. Đặt chân lên miền đất tự do, tôi ngấu nghiến đọc hết sách báo của 7 năm lưu vong. Trong một vài truyện ngắn, trong một cuốn tuyển tập, tôi nhận ra được cái văn phong đôn hậu thung dung và lãng mạn một thuở. Tôi đoán già đoán non tác giả, và được một vài bạn hữu lấp lửng xác nhận.

Doãn Quốc Sỹ đã viết những điều cần viết, và sẵn sàng ung dung chấp nhận tất cả mọi hậu quả, trong khi không bao giờ, phải, ông không bao giờ tự nhận mình là một chiến sĩ, một người đấu tranh. Trước sau ông vẫn là một nhà giáo kiêm nhà văn, với tất cả ý nghĩa cao đẹp của hai nghiệp vụ đó.

Bản tin trước mắt tôi cho biết Doãn Quốc Sỹ đã lãnh thêm 9 năm tù đày nữa, tổng cộng là 13 năm đày ải.

Ông đã trả cái giá 13 năm tự do vì cớ gì? Vì tính đôn hậu trước sau như một của ông, cái tính đôn hậu ông làm khuôn đúc nên những nhân vật bình dị mà quả cảm, lãng mạn mà không lố bịch hay buông thả, những mối tình ngang trái mà vẫn chung thủy, những Miên những Kha những Thiệu những Yến, những đối thoại u buồn mà không trệ vào tuyệt vọng? (tôi nhớ mãi câu Yến nói với Thiệu trong Dòng Sông Định Mệnh: "Kiếp sau em sẽ là vợ anh").

Vì cái nhìn nhân ái ông dùng để quan sát cuộc đời và con người? Vì ước vọng tìm được một chỗ sáng sủa cho người trung thực?

Nếu vì những cái cớ đó mà chế độ cầm quyền ở Việt Nam hiện nay "tặng" Doãn Quốc Sỹ 13 năm tù, thì cái chế độ ấy tuyên xưng cái gì? Họ nhân danh cái gì để lên án ông? Độc lập? Tự do? Hạnh phúc? Dù chữ nghĩa có bị vo tròn bóp méo đến mấy, một người bình thường

ở VN cũng không dám nói tới ba điều ước mơ kia mà không thấy ngượng ngùng, huống chi là nhân danh nó để kết án một nhà văn thiết tha hơn ai hết với độc lập của dân tộc, với tự do và hạnh phúc của toàn dân.

Tinh đôn hậu, lòng nhân ái, sự thẳng thắn trung thực đã trở thành những giá trị đạo đức phổ quát của mọi dân tộc, bất kể lúc nào ở đâu. Doãn Quốc Sỹ lãnh 13 năm tù chỉ vì tha thiết tuyên dương những giá trị đó. Như vậy, chỉ còn những hệ luận tất nhiên: Cái chế độ đã kết án tù cho Doãn Quốc Sỹ đã dựa vào một thang giá trị khác làm nền tảng cho công lý của họ: thang giá trị của giả trá, của lòng căm thù con người, của bạo lực. Quê hương thân yêu Doãn Quốc Sỹ không đành lòng bỏ đi, nơi vừa tổ chức một tòa án nhân dân vội vã khuất lấp để hợp thức hóa thêm 9 năm lao tù cho ông, đã không còn chỗ đứng cho người trung thực, cho những người muốn thung dung tựu nghĩa.

Tôi tự hỏi cái thang giá trị kỳ quái đó, cái thứ công lý kỳ quái đó vì sao có thể tồn tại trên quả đất hiền hòa này, và tồn tại thêm được bao lâu? Tôi nghĩ Doãn Quốc Sỹ sẽ mỉm cười thương hại tôi khi nghe hai câu hỏi này. Vì ông vẫn ung dung tin tưởng ở những điều ông đã viết, và sẽ viết.

Nguyễn Mộng Giác

ĐÃ PHÁT HÀNH

TIỂU THUYẾT II

của Võ Phiến
400 trang. Giá $15.00

VÕ PHIẾN TOÀN TẬP (14 cuốn) đã xuất bản 6 cuốn; trong đó hai cuốn vừa bán hết. Vì nhà xuất bản chú trọng việc in các cuốn mới, cho nên không phải cuốn nào bán hết cũng được tái bản. Chúng tôi thành thật xin lỗi không thỏa mãn được một số bạn đọc đã gởi thư mua quá muộn.

Để tránh sự phiền hà của những vị muốn có trọn bộ, từ nay khi nào một cuốn sách sắp bán hết thì chúng tôi xin dành ưu tiên cho những lá thư đặt mua toàn tập.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301 – Westminster, CA 92683 (USA)
Điện thoại (714) 832-8445
Chi phiếu xin đề: VĂN NGHỆ
Thư từ gởi Ông Võ Thắng Tiết

Nguyễn Xuân Hoàng

Đi xa với Doãn Quốc Sỹ

Lời Toà soạn: *Văn Học xin trích đăng lại bài phỏng vấn nhà văn Doãn Quốc Sỹ do Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện và đăng trên tạp chí Văn số 185 ra ngày 1.9.1971, sau khi Doãn Quốc Sỹ cho xuất bản truyện dài Sầu Mây.*

Bài phỏng vấn có giá trị ở chỗ qua một số câu trả lời ngắn, Doãn Quốc Sỹ đã nói rõ quan niệm của ông về nhiều vấn đề văn học cũng như nhân sinh. Trong Văn số 185, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng lấy bút hiệu là Nguyễn Nam Anh.

NGUYỄN NAM ANH: *Thưa anh, SẦU MÂY có phải là truyện dài mới nhất của anh?*

DOÃN QUỐC SỸ: Vâng, SẦU MÂY là truyện dài mới nhất của tôi ấn hành năm ngoái (1970) cùng với tập giai thoại tùy bút VÀO THIỀN, TRÁI ĐẮNG TRÀNG SINH là tập đoản văn sau cùng mới được ấn hành năm nay (1971).

NNA: *Một bạn văn có cho chúng tôi biết là thoạt đầu anh định viết "Sầu Mây" như một truyện ngắn, nhưng rồi sự đưa đẩy của ngòi bút đã làm cho nó thành một truyện dài. Chuyện đó đúng không?*

DQS: Bạn tôi lầm đấy. Hồi mới ở Mỹ về tôi có viết cho VẤN ĐỀ số xuân một hình thức truyện ngắn lấy tên là KHE MÂY. Khi viết nó tôi đã ý thức trước rằng đó là một mảnh của truyện dài SẦU MÂY mà tôi sẽ viết. Có điều là khi bắt đầu viết SẦU MÂY cho Tân Văn (rồi VĂN) tôi vẫn chưa ước lượng được truyện sẽ dài bao nhiêu.

NNA: *Như anh mới vừa nói xong, năm ngoái (1970) anh có cho in tập giai thoại tùy bút VÀO THIỀN.*

Thiền có còn là mối quan tâm hiện nay của anh không? Thực ra, anh đã quan tâm đến nó từ bao giờ?

DQS: Chính tôi cũng không nhớ rõ là mình đã để ý đến Thiền tự bao

giờ. Có điều chắc chắn là từ xưa tới nay trên các sách báo gặp bất kỳ đoạn nào, bài nào về Thiền tôi cũng đọc. Điều này tôi có nói ngay trong *đề từ* của tập *Vào Thiền*. Không biết rằng đây đó trong tác phẩm của tôi, độc giả có bắt gặp những gì thấp thoáng màu Thiền không, nhưng nếu Thiền mà thành mối quan tâm đặt vào sáng tác thì Thiền hỏng mất rồi còn đâu.

NNA: *Thưa anh, vậy người ta phải hiểu Thiền một cách đặc biệt như thế nào?*

DQS: Anh ơi, đây là một chuyện Thiền có in trong tập VÀO THIỀN của tôi: Thiền như hệt một người ở thế tự treo lơ lửng trên bờ vực thẳm. Răng hắn cắn lấy một cành cây để giữ toàn thân lơ lửng, trên vực. Tay hắn không hề nắm giữ một cành cây nào; chân hắn không hề được đặt trên một cành cây nào. Đúng lúc đó trên một mỏm đá gần đấy có người cúi xuống hỏi: "Này anh, Thiền là gì?" Không trả lời ư? Thua cuộc! Trả lời ư? Nát thân dưới đáy vực! Trả lời về Thiền nguy hiểm như vậy đó, anh có muốn tôi phải trả lời không?

NNA: *Cùng với Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Duy Thanh... người ta nói anh là một trong những sáng lập viên của nhóm Sáng Tạo, một sáng lập viên hiền từ nhất của nền văn chương thời 50-60 của miền Nam Việt Nam. Anh nghĩ sao về ý tưởng đó?*

DQS: Tôi và Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Duy Thanh, Ngọc Dũng, đã kết thành "bầy" từ ngày tôi làm chủ nhiệm tờ NGƯỜI VIỆT. Sau đó đến tờ SÁNG TẠO.

Về cách trình bày thì tuần báo NGƯỜI VIỆT của chúng tôi dạo đó còn lem nhem lắm, sang đến nguyệt san SÁNG TẠO do Mai Thảo chủ trương thì bộ mặt tờ báo khang trang hẳn. Chúng tôi quả là những bạn đồng hành khắng khít trong việc gánh vác nguyệt san này.

NNA: *KHU RỪNG LAU có phải là quyển tiểu thuyết dài duy nhất của anh không?*

DQS: Vâng, cho đến nay, KHU RỪNG LAU là trường thiên tiểu thuyết duy nhất của tôi.

NNA: *Anh vừa nói đến* trường thiên tiểu thuyết. *Sao không gọi là* trường giang tiểu thuyết.

DQS: Tôi vẫn có khuynh hướng muốn chính danh hai danh từ *"trường giang tiểu thuyết"* và *"trường thiên tiểu thuyết."* Theo tôi hiểu "trường giang" là loại tiểu thuyết mà các mạch chuyển tình tiết từ quyển này sang quyển khác rất lỏng lẻo, nếu không phải là không có. Dây nối quyển này sang quyển khác trong một bộ trường giang nhiều khi chỉ là sự nhận diện ra một vài nhân vật chung vào đó. Còn trường thiên tiểu thuyết như *Khu Rừng Lau* của tôi thì dù truyện có dài tới hai ba ngàn trang nhưng các mạch chuyển vẫn rõ ràng. Ý như ta chèo thuyền, chèo từ ngọn nguồn con sông cho tôi lúc xuôi ra cửa biển. Dùng hình ảnh này thì chính danh từ "trường giang" lại gần gũi và

thích hợp hơn nếu "trường giang" được hiểu theo nội dung như vậy. Vấn đề vẫn là chính danh.

NNA: *Anh có nghĩ rằng đó là một tác phẩm lớn không?*

DQS: Anh hỏi về *Khu Rừng Lau?* Vì anh có lòng yêu mà đặt câu hỏi như vậy. Tôi thì bao giờ cũng thấy câu hỏi đó có tính chất khôi hài.

NNA: *Anh không nghĩ đến việc viết một tác phẩm gọi theo kiểu nói bây giờ là một* tác phẩm *để đời sao?*

DQS: Với tôi đó lại là một cách nói khôi hài khác.

NNA: *Hình như anh còn soạn cả kịch nữa. Anh có thể nào cho độc giả của Văn biết đôi điều về quan niệm kịch của anh?*

DQS: Ủa, anh hỏi về kịch của tôi ư? Lối viết kịch cũng như thế giới kịch của tôi là một thứ *fantaisie*, đúng như lời Thanh Tâm Tuyền nhận xét khi ảnh viết tựa cho tập kịch *Trái Cây Đau Khổ* của tôi: *đó à một cuộc đối thoại triền miên không dứt ngụp lặn trong thế giới của Thực và Mộng".* Ở, mà hỏi về kịch anh mới làm tôi sực nhớ xưa mỗi lần viết kịch là tôi cảm thấy ngòi bút được thảnh thơi vùng vẫy như con cá no mồi trong một vùng biển tĩnh. Mới đây khi viết đoản văn hay đoản thiên tôi có khuynh hướng phá vỡ bờ lũy không gian, phá vỡ bờ lũy thời gian, phá vỡ bờ lũy cả các thể văn nữa, tinh thần này — suy ngẫm kỹ thì thấy thế — manh nha từ thái độ viết kịch của tôi.

NNA: *Mới đây, ông Vũ Khắc Khoan trong một bài phỏng vấn của chúng tôi, có cho rằng một vở kịch lớn là một vở kịch không có khán giả. Anh có chia sẻ quan niệm này không?*

DQS: Rất có thể vào một dịp vui anh em họp mặt nào, tôi cùng nâng ly cả cười mà nói với anh Khoan: "Đồng ý!"

NNA: *Có người nói kịch của anh chỉ dành để đọc hơn là để trình diễn. Nó là một thứ kịch truyền thanh hơn là kịch để coi. Anh nghĩ sao về nhận định này?*

DQS: Tôi không đồng ý. Với kỹ thuật sân khấu và ánh sáng ngày nay những màn kịch "thần thoại" của tôi vẫn có thể dựng được một cách dễ dàng và thể hiện được một cách trung thực những ý tứ hàm ngụ của tôi. Độc giả biết đấy, tôi đã sáng tác cả phần nhạc cho một vài vở kịch.

NNA: *Và âm nhạc nữa. Những âm nhạc đích thực trong tác phẩm của anh.*

DQS: Tôi chính là một thứ nhạc sĩ hụt — *un musicien manqué.* Hồi còn là học sinh trung học ở Hà nội tôi học nhạc, xây mộng sáng tác những bản đại hợp tấu sau này. Cho mãi đến năm di cư — 1954 — tôi còn ấp ủ giấc mộng đó. Thế rồi chẳng hiểu loay hoay làm sao mà vào Nam tôi thành người viết văn. Vì thế mà ý nhạc thường ám ảnh tôi hoài trong các tác phẩm chăng?

NNA: *Chúng tôi được biết là anh vừa mới đi một vòng các nước Đông Nam Á về. Nếu có thể xin anh cho biết sinh hoạt văn hóa ở các nước này?*

DQS: Bốn nước tôi qua: Tân-gia-ba, Mã-lai, Phi-luật-tân và Thái-lan, tới nước nào tôi cũng cảm thấy lòng bừng bừng khát vọng vươn lên của người dân nước đó dưới sự lãnh đạo của những nhà cầm quyền có ý thức trách nhiệm, có lòng yêu thương đồng bào, có lòng tự hào về nơi mình sinh trưởng, có cái nhìn sáng suốt thấy sâu điều lợi lâu dài của văn hóa. Họ còn ý thức được cả việc bước từ mảnh đất dân tộc đơn độc sang sự hợp tác rộng hơn, hữu hiệu hơn của cộng đồng miền (region), miền Đông Nam Á chẳng hạn. Bước đầu hiện giờ là hợp tác văn hóa. Việc tôi đi dự khóa hội thảo về giáo dục ba tháng-vì giấy tờ chậm một tháng nên tôi chỉ được dự có hai tháng — chính là một hình thức hợp tác văn hóa miền, miền Đông Nam Á, để rồi sau đây sẽ tiến dần đến hợp tác kinh tế, chính trị. Tựa như hình thức hợp tác của các nước cộng đồng Tây Âu.

Nếu anh hiểu văn hóa theo nghĩa rộng, thì đúng, hoạt động văn hóa của họ có ý hướng trưởng thành như vậy. Tôi chỉ tiếc cuộc xuất ngoại của tôi tới nơi nào là có chương trình khít khao nơi đó nên không có thì giờ làm quen để tìm hiểu rõ ràng hơn về sinh hoạt văn nghệ xứ đó. Qua Phi luật tân mãi tới ngày cuối cùng tôi mới có thì giờ tới được Trung tâm Văn hóa Phi xem một cuộc triển lãm tranh. Tại Tân gia ba, khi cuộc hội thảo bế mạc, tôi phải bỏ chuyến phi cơ từ Tân gia ba bay thẳng về Sàigòn để lấy xe lửa đi Kuala-Lampur, tới viện bảo tàng xem một mảnh trống đồng Đông Sơn đã bị rách nát. Vẫn theo đường xe lửa, tôi tới Penang xem phòng triển lãm tranh của một họa sĩ Mã lai, rồi lên phi cơ về Sàigòn ghé qua Bangkok một đêm và nửa ngày. Nơi nào cũng vội sấp vội ngửa như vậy nên không sao mà tiếp xúc và tìm hiểu thật rõ sinh hoạt văn nghệ nơi đó cho được.

NNA: *Vậy anh không có mẩu chuyện nào để kể cho người ở nhà nghe sao?*

DQS: Có. Nhưng... tôi để dành cho những sáng tác sau này. Tôi ở Mỹ về thì viết "Sầu Mây", anh biết đấy.

NNA: *Nếu phải bỏ hết các tác phẩm mà anh đã viết và chỉ được giữ lại một quyển thôi, anh sẽ giữ quyển nào? tại sao?*

DQS: Tôi sẽ giữ tất cả. Càng những "đứa con" gặp ít nhiều trắc trở tôi càng thương. Anh có thấy tình cảm các bà mẹ Việt nam thường như thế?

NNA: *Anh có hay đọc những bài phê bình và quan niệm của anh về phê bình văn chương?*

DQS: Tôi vẫn thường đọc những bài phê bình. Tôi quan niệm phê bình khen có tác dụng thổi bùng được những tài năng, phê bình chê có tác dụng bắt tác giả phải thức tỉnh không được quyền cẩu thả.

NNA: *Vậy anh ưng đứng ở phe nào của phê bình?*

DQS: Hầu hết các tác phẩm của tôi khi ra đời đều được các bạn hữu xa gần quen biết hoặc không quen biết phê bình, khen có, chê có. Ngay

trong bài khen cũng có lời chê, ngay trong bài chê cũng có lời khen. Những lời khen chê đó đều có tác dụng giúp ích rất nhiều cho tôi.

NNA: *Anh có đọc những tác giả trẻ hiện nay tại miền Nam?*

DQS: Nhiều chứ! Cả thơ lẫn văn! Chỉ xin đôi lời vắn tắt gặp đâu nói đấy. Tỉ như đọc thơ Nguyễn Bắc Sơn tôi có liên tưởng đến tiếng thơ Quang Dũng trong bài "Tây Tiến". Chỉ khác thơ Quang Dũng là kết tinh một hoàn cảnh bi hùng, còn thơ Nguyễn Bắc Sơn là kết tinh một hoàn cảnh bi hài. Tôi còn nhớ những câu đăng trên tuần báo *Khởi Hành:*

Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé Sông Mao phá phách chơi.
Chia sớt nỗi sầu cùng gái điếm,
Đốt tiền mua vội một ngày vui.

hay:

Này bóng mây cao, này vòm lá thấp
Con đường phố người anh em tấp nập
Một người này yêu một chút người kia
Tay ấm trong tay, chân ấm vỉa hè
Trái tim ấm lửa tình người ấm áp
Người sống sót nâng ly mời kẻ khuất
Lại gần đây trên bãi cỏ bờ sông.

Về văn, thiếu gì. Nói đâu xa, mới gần đây thôi, vừa từ các nước Đông Nam Á về tôi được đọc "Đêm Trên Thung Lũng" một truyện ngắn thật khởi sắc của cây bút mới Nguyễn Mộng Giác đăng trên "Bách Khoa" số 348. Đừng nói đến những cây bút trẻ cùng những cây bút mới trên các mặt báo, tôi còn đọc rất nhiều những nội san in, những nội san quay rônêô, những bích báo viết tay của giáo sinh trường tôi (Sư phạm Sàigòn), của học sinh các trường trung học khác, khắp nơi tôi đều bắt gặp những suy tư, những xúc động, những lo âu, những dằn vặt rất đáng quý mến nếu không phải là rất đáng kính mến. Mà sao anh lại chỉ hỏi đến những cây bút trẻ thôi nhỉ?

NNA: *Ý anh muốn nói đến những cây bút khác?*

DQS: Vâng, sao lại chỉ đọc đến văn thơ của các bạn trẻ? Tôi đã theo dõi một cách lý thú những bài nhận định thời sự đặc biệt dí dỏm của Vũ Bảo trên "Bách Khoa". Rất tiếc không hiểu vì sao dạo này Vũ Bảo ít viết. Tôi đã say sưa đọc thiên khảo luận thật công phu và độc sáng của Phạm Việt Châu "Trăm Việt trên vùng định mệnh". Rồi những hoạt động của Bác sĩ Hoàng Văn Đức cổ động cho một thực thể Đông-Nam-Á. Gần đây, cùng một dòng suy tư này tôi được đọc "Đông Nam Á Đi Về Đâu" của Đại tá Nguyễn Tử Đóa trên nguyệt san "Chính Văn". Tôi theo dõi một cách hào hứng những bài viết về Đông Y của Bác sĩ Trần Văn Tích trên "Bách Khoa," cùng những hoạt động đam mê theo chiều hướng dung hòa Đông Y và Tây Y của bác sĩ Bùi

Duy Tâm. Tôi theo dõi những bài viết của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh đi sâu vào cái bát ngát của thần thoại để cố tìm ra manh mối của nền văn hoá thái cổ Việt. Đọc thơ trào phúng của Tú Kếu, của Mã Tử. Đọc những bài nhận định về chính trị của Trương Tử Phòng trên báo "Diều Hâu", của Lý Đại Nguyên trên báo "Đời" v.v... Ở tác giả nào tôi cũng tìm được cái gì tinh khôi để học hỏi, để thưởng ngoạn. Việc gì phải ngửa cổ vọng ngoại chiêm ngưỡng ai? Việt Nam *thủ-đô-đau-khổ-chiến-tranh* của nhân loại, trong niềm đau khổ ngút ngàn đó tiếng của tâm linh của ta thống thiết và chân thực biết chừng nào, khu vườn tâm linh của ta phồn thịnh và chân thực biết chừng nào. Rồi từ khu vườn tâm linh ấy đưa ta mắt nhìn sang những khu vườn khác, *cái-được-ta-nhìn* thực đã trở nên sinh động và phong phú vô vàn. Đó là điều chúng ta nên nhắc nhủ nhau ý thức lấy mà gìn giữ lấy nhau, gây dựng cho nhau.

(Ngừng một lát)

Tôi muốn cúi đầu trước niềm cô đơn khả kính của ông Nguyễn Bạt Tụy tại Đà-lạt, nhà học giả về ngữ học, phong tục học, dân tộc học. Đường đi của ông cô đơn đã đành, đến như bao nhiêu công trình sưu tập, sắp xếp, suy tư của ông cũng đành chịu cảnh cô đơn như chính ông, dưới con mắt thờ ơ ghẻ lạnh của một chính quyền được trang bị đủ một Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa và một Hội đồng Văn hóa Giáo dục. Một quốc gia không biết lưu giữ những công trình của tiền nhân, không biết trìu mến những di tích văn hóa, nào có khác gì một bộ óc không trí nhớ, một con người không dĩ vãng?

Nhưng tôi cũng đã sung sướng theo dõi tin Khánh Ly đoạt giải nhất trong cuộc thi quốc tế bên Nhật khi nàng ca bài Diễm Xưa của Trịnh Công Sơn. Tôi sung sướng khi hay tin một em gái nọ biểu diễn dương cầm tại nước ngoài đã khiến đám khán giả quốc tế phải thán phục mà thốt lời nói: "Không ngờ một nước Việt Nam chìm ngập trong chiến tranh mà vẫn sản xuất được những thiên tài nghệ thuật như vậy." Sau này tôi cũng sung sướng là sau bao nhiêu trắc trở (sao lại trắc trở nhỉ?!) em gái đó đã xin được học bổng qua Tây Đức để tiếp tục trau chuốt tài nghệ. Rồi trong đêm khuya lan man suy nghĩ, tôi tự hỏi chẳng biết tất cả những chân tài Việt nam ở mọi ngành khi đạt đến vùng tuyệt đỉnh, họ có nghĩ rằng sở dĩ đỉnh núi cao vì chân núi chắc dưới đáy đất, mặt cầu cao vì móng cầu chắc dưới đáy sông?

Chết chưa, anh chỉ hỏi về văn, thơ, tôi đã trả lời sang cả văn nghệ lẫn văn hóa. Anh xem, thường xuyên tôi đọc, tôi nghe, tôi nghĩ lan man như vậy đó.

NNA: *Chúng tôi cũng được biết anh còn là một người kể chuyện cổ tích duyên dáng. Có thể, ở một khía cạnh nào đó như một vài ý kiến đã được phát biểu, xếp anh vào hàng những nhà văn tìm tư về tuổi thơ và tuổi trẻ không?*

DQS: Trong số những tác phẩm đã ấn hành của tôi có hai tập truyện cổ tích: *Sợ Lửa* và *Hồ Thủy Dương*. Căn cứ vào những tập truyện cổ tích ấy mà xếp tôi vào những nhà văn của tuổi thơ là một lầm lẫn lớn. Đọc lại tất cả những truyện cổ tích ấy anh sẽ rất ít thấy không khí thoải mái đơn sơ cần thiết cho tuổi thơ, trái lại toàn là những thứ cổ tích hàm ngụ cho người lớn đọc. Có thể trong tinh thần toàn bộ tác phẩm đã ấn hành của tôi có chút gì bổ ích cho tuổi thơ, tuổi trẻ. Tôi nghĩ gần đây dư luận xếp tôi vào số những nhà văn ưu tư về tuổi thơ và tuổi trẻ. Có thể vì hai điều: thứ nhất tôi là một nhà giáo, nhất lại dạy ở trường Sư phạm Sài-gòn nơi cung cấp cán bộ giáo dục cho ngành tiểu học; thứ hai, tôi đương cho ấn hành dần bộ "Tuyển tập Văn chương Nhi đồng" gồm những ca dao, ngụ ngôn, thần thoại, cổ tích... Việt nam và quốc tế.

NNA: *Anh có thể cho biết lý do đã khiến anh viết bộ tuyển tập này?*

DQS: Hai năm tôi đi Mỹ — 1966-1968 — là nghiên cứu học hỏi về ngành này, do trường Sư phạm cử đi. Về nước, tôi thực hiện bộ này làm tài liệu giáo khoa cho chính tôi, giúp tài liệu giáo khoa cho các đồng nghiệp, đồng thời cũng là tài liệu giáo khoa cho các giáo sinh sư phạm của tôi khi ra trường nhập tịch nghề giáo. Công việc "thuật nhi bất tác" này (và dịch thuật nữa) cũng chiếm nhiều thì giờ ngang với những sáng tác. Nhưng tôi rất hài lòng vì đặt được một số nền móng đầu tiên cho khu vườn thiếu nhi để những bạn sau tôi có đủ thì giờ mà hoàn tất một cách mỹ mãn hơn nhiều.

NNA: *Xin anh nói thêm về những tác phẩm sẽ được viết của anh.*

DQS: Về những tác phẩm sẽ viết tôi nghe như mình sẽ theo khuynh hướng đã nói trên: phá vỡ bờ lũy không gian, thời gian và các thể văn. Đó là cách —tôi nghĩ — mình tự khai phá mình để tự đổi mới nghệ thuật. Tôi chắc bất cứ ai theo đuổi con đường văn nghệ cũng luôn luôn quan tâm đến việc tự khai phá, tự đổi mới. Được đến đâu hay đến đấy, được chừng nào hay chừng nấy. Theo như sự suy ngẫm của tôi, suy ngẫm tự mình rồi ra đến người, thì thấy rằng dù nghệ thuật của một cá nhân có đổi mới đến mấy, cá nhân đó vẫn không thể mất được cái gì là cá biệt làm nên cá tính của mình. Riêng về tôi qua những lời các bạn phê bình khen cũng như chê, quả thực tôi không sao cưỡng được sức hút của thực tại, kể cả khi tôi viết theo thể thức "thần thoại" nhất, kể cả khi tôi viết về... Thiền nữa, cũng vẫn mang hằn những chứng tích gần gũi và cụ thể của thực tại đất nước.

NNA: *Xin hỏi anh một câu sau cùng: Dự định và trù liệu về một tương lai gần cho nhà xuất bản của anh?*

DQS: Trong năm nay và khoảng hai năm tới cố hoàn thành bộ *"Tuyển tập Văn chương Thanh Thiếu nhi"*(Tôi không muốn giữ đề cũ *"Tuyển tập Văn chương Nhi đồng"* vì nhiều truyện vượt hẳn nhi đồng).

Mở thêm một tủ sách dịch thuật cho nhà xuất bản SÁNG TẠO, khởi đầu bằng một dịch phẩm của anh bạn tôi, giáo sư Trần Văn Điền, mang nhan đề *Tôi Làm Đĩ*", một truyện dài thật cảm động, thật sâu sắc, của nhà văn thời danh Ý Alberto Moravia. Hiện đã bắt đầu cho sắp chữ.

Thử thí nghiệm một tủ sách mới, giống như loại sách nhỏ và mỏng in trên giấy màu hoa đào của nhà Lá Bối nhưng có in kèm theo bản dịch Anh văn, lấy tên là *Loại Sách Kỷ Niệm*. Đây là bước đầu dò dẫm tôi muốn giới thiệu một số đoản tác của mình và của các bạn mình sang Anh văn. Các độc giả thay vì gửi một tấm các chào mừng cho các bạn ở ngoại quốc thì gửi đi tập sách nhỏ xinh đó. Mỗi quyển có một phong bì riêng. Nếu bước đầu này mà thành công, nhà xuất bản SÁNG TẠO sẽ mở một tủ sách dịch thuật sang Anh văn hẳn hoi để giới thiệu những tuyển tập của các nhà văn Việt Nam.

Quyển sách đầu tiên trong loại Sách Kỷ niệm này đã được phát hành: *Con Cá Mắc Cạn* trích trong *Khu Rừng Lau*. Bản dịch Anh văn và minh họa của Võ Đình, một anh bạn họa sĩ rất thân tình tuy là bạn tôi mới được quen hồi qua Mỹ.

Trong năm nay tôi sẽ cho khởi in bộ dã sử dọc theo suốt các đời Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc của Đỗ Trọng Huề và bộ sử *Thế Chiến II* của anh bạn Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang tốt nghiệp Cao học về Sử tại đại học đường Ohio.

Về sáng tác, cũng trong năm nay tôi hy vọng sẽ in kịp một tập truyện ngắn của Trùng Dương, một tập thơ của Tuệ Mai.

Ấy là chưa kể một số sách đã hết, cần tái bản.

Ấy là chưa kể tôi đương phải sửa soạn cho in gấp nốt khoảng 200 trang cuối cùng của KHU RỪNG LAU. Phần mục lục của bộ trường thiên này, ngoài việc liệt kê số quyển, số phần, số chương, tôi còn dự định liệt kê số tên các nhân vật chính cũng như phụ hiện diện trong truyện và một địa danh chính có dính líu tới bối cảnh lịch sử của bộ truyện. Tôi nghĩ việc này tác giả tự làm thì tiện hơn, giúp các độc giả dễ theo dõi những tình tiết, vì câu chuyện đã trải quá dài trong thời gian cũng như quá rộng trong không gian.

Về sáng tác khác, nếu chưa có gì mới thì sang năm (1972) tôi cũng sẽ sửa chữa và cho in tác phẩm "*Đại Lộ Hoàng Hôn*" mà tôi đã cho đăng rải rác đây đó trong các tạp chí.

Công việc dự định thì nhiều, nhiều quá, nhiều đến luôn luôn trào bộn cả bốn bề, mà ngày của đất trời chỉ vẻn vẹn có 24 tiếng. Hãy cứ dự định thế đã.

NGUYỄN NAM ANH
thực hiện

Trích tạp chí VĂN số 185 ra ngày 1-9-71

Thế Uyên

Những khoảng đường chung với Doãn Quốc Sỹ

Tôi biết đến Doãn Quốc Sỹ khá sớm, khi còn học năm chót ở Trung học. Hai đứa em gái học Trưng Vương một buổi chiều đã mang về cuốn *Dòng Sông Định Mệnh*, vừa đọc vừa khen hay nức nở. Tôi tò mò đọc theo và bị lôi cuốn bởi truyện tình giản dị và thơ mộng này. Bút pháp của Doãn Quốc Sỹ quá giản dị trong sáng, tâm lý tâm trạng các nhân vật cứ như trong chuyện thần tiên, rất hợp với lứa tuổi mới lớn. Vài năm về sau, tôi đã trưởng thành hơn, đọc những cuốn sau của Doãn Quốc Sỹ, tôi không còn tìm thấy những sự quyến rũ đầu tiên nữa. Và phải nhiều năm, rất nhiều năm về sau, mới có một cuốn khác của tác giả này làm tôi đọc một cách thích thú, đó là cuốn *Vào Thiền*. Dĩ nhiên, đã có rất nhiều biến đổi, nhiều nước chảy qua chân cầu giữa hai cuốn sách với hai lần đọc này.

Trong khoảng thời gian này, đã có rất nhiều điều xảy ra. Trước hết, sau hai năm dạy Lý Hóa Vạn vật ở trường Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho và trường trung học Kiến Hòa (Bến Tre), tôi đã trở lại với Đại học thành phố Sài Gòn, nhưng theo học ngành Văn. Trở thành giáo sư Văn sau đó, tôi đã quen với Doãn Quốc Sỹ với tư cách đồng nghiệp trẻ, gặp gỡ nhau khá nhiều trong các kỳ thi hàng năm. Và tôi cũng đã bắt đầu viết văn, do đó có thêm thân thiết với Doãn Quốc Sỹ. Sau cuộc đảo chánh bất thành của binh chủng dù năm 1960, bị Công an lùng bắt vì tội có tham gia cuộc binh biến này, tôi đã xuống Hà Tiên sống mấy ngày với mục đích vượt biên sang Cao Miên rồi từ đó qua Pháp học tiếp với sự trợ giúp của linh mục Cras, thày dạy thân thiết với tôi ở Đại học Văn Khoa. Lúc đó tôi biết Doãn Quốc Sỹ đang làm hiệu trưởng trường trung học nơi này, nhưng tôi không muốn tới thăm, sợ làm liên lụy tới anh. Trong thời gian vài ngày tại quê hương

của người hùng văn võ kiêm toàn Mạc Thiên Tứ, và nhà thơ nghiêm túc cổ kính Đông Hồ, tôi lang thang cùng bạn bè thăm các thắng cảnh quá êm đềm, xinh nhỏ và hòa bình ở đây. Rồi một buổi tối, ngồi một mình với ly cà phê trong một quán nhìn ra hồ phẳng lặng dưới ánh trăng mờ nhạt, tôi đã suy nghĩ lại rồi quyết định không đi Cao Mên. Con đường khoa cử với giấc mơ đỗ tiến sĩ không còn hấp dẫn tôi nữa. Với tuổi trẻ lý tưởng hồi đó, tôi cho rằng tôi ở lại trong nước để phục vụ dân tộc mình coi bộ hữu ích hơn. Vả lại, những gì đã viết ra, tôi tin tôi có thể trở thành một nhà văn như anh Duy Lam tôi, như các bác các chú Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam trước đây.

Quyết định như vậy rồi, tôi đến bên cửa hàng bán đồi mồi gần đó, lựa mua một chiếc nhẫn đồi mồi để mang về tặng Thi làm nhẫn đính hôn. Tình yêu của hai đứa đã đến chân tường, lửa cháy nóng hun hai đứa tối đa. Nếu tôi trở lại Sài Gòn thì hai đứa chắc chỉ còn cách nhẩy qua bức tường ấy - để trở thành vợ chồng mà thôi. Từ khi gặp Thi và yêu Thi, tôi đã ý thức rõ ràng đó là người con gái duy nhất trên cõi đời này tôi muốn lấy làm vợ. Và hơn thế nữa, tôi ý thức tôi và Thi sinh ra là để lấy nhau, yêu nhau từ cuối bãi đầu ghềnh đến sơn cùng thủy tận, từ tuổi trẻ tới tuổi già, từ vinh quang và quyền lực đến đọa đầy và lao tù nghèo khó. Lúc đó tôi mới 25 tuổi, quá trẻ với quá nhiều lý tưởng, chưa muốn lập gia đình. Nhưng mọi sự xẩy ra sau đó đẩy đưa tôi như một định mệnh: Lệnh động viên đã ban hành và căn cứ vào hạng tuổi, tôi biết chắc chắn sẽ thuộc khóa 14 hay 15 của trường Võ Bị Thủ Đức. Dĩ nhiên tôi không thể tưởng tượng được làm thanh niên trong một nước mà lại trốn lính... Chiến tranh chờ đợi không xa, một thời để yêu và một thời cho cuộc chiến.

Hai đứa tôi thành vợ chồng khi tôi đang dạy học ở Ban Mê Thuột và Thi đang theo học ở viện Đại học Đà Lạt. Hai đứa sinh kịp con trai đầu trước khi cuộc chiến 30 năm chụp lên tất cả. Thi là con gái đầu lòng của giáo sư Nguyễn Huy Dương, giòng dõi của Nguyễn Huy Tự viết Hoa Tiên ngày xưa. Một buổi sáng tôi dậy trễ vì nghỉ phép, đang nằm dài thoải mái trên chiếc giường nhỏ kiểu con gái của Thi - sau khi nhập ngũ, tôi mang con và Thi gửi về bên vợ - tôi bỗng dưng thấy tiếng Thi vui vẻ chào hỏi "Chú Sỹ" ngoài sân. Tôi đi ra, thấy ông già vợ và Thi đang nói chuyện vui vẻ với Doãn Quốc Sỹ. Sỹ quay lại thấy tôi, ngạc nhiên hỏi: "Anh làm gì ở đây vậy?". Tôi cười trả lời, giơ tay chỉ giáo sư Đương và Thi: "Tôi làm rể ông này và làm chồng cái cô bé này ở đây!"

Trước năm 1954 ông già vợ tôi là hiệu trưởng trường học thành phố Nam Định, và Doãn Quốc Sỹ đã dạy nơi này với tư cách một giáo sư lớp trẻ. Anh đã đến nhà Thi nhiều lần, và dĩ nhiên Thi vẫn kêu anh là *Chú* xưng *Cháu*. Di cư vào Nam, hai bên vẫn cứ giữ quan hệ thân hữu. Dĩ nhiên Doãn Quốc Sỹ đã biết cô cháu xinh xắn năm xưa anh

đã từng bế trên tay nay đã lớn và đã lấy chồng. Và với tư cách bạn văn của tôi, anh biết tôi cũng đã lấy vợ và sinh con. Nhưng mãi tới buổi sáng hôm đó anh mới biết là tôi đã lấy cô cháu gái Thi của anh... Anh ân cần mời vợ chồng tôi lại chơi nhà anh ở đường Thành Thái. Bọn tôi đã nhận và tới nhiều lần căn nhà trong hẻm này. Nhưng bây giờ Thi leo thang, không gọi DQS là *chú* nữa, mà kêu theo tôi là *anh Sỹ*, theo luật bất thành văn trong giới cầm bút là luật bạn vong niên, không tính tới tuổi tác xưng hô bao giờ. Nhưng dù có thế, tôi để ý mỗi khi gặp Thi, dù DQS có kêu bằng *chị Uyên*, nhưng giọng nói cũng như thái độ bao giờ cũng vo vẻ che chở ân cần, y hệt như một cô cháu mình.

Trong một lần gặp gỡ, tôi có nhắc tới thời kỳ tôi sống ở Hà Tiên dự tính vượt biên. Anh tỏ ý hối tiếc là biết tin quá trễ, không kịp kiếm ra tôi để hai đứa lang thang các thắng cảnh vùng này. Khi nghe tôi giải thích đã không kiếm anh vì sợ làm phiền nhau, thì anh cười cho biết cùng lắm anh bay chức hiệu trưởng. Và đối với anh, cái chức hiệu trưởng hay một chức nào to hơn cũng chẳng nhằm nhò gì, có mất vì giúp bạn cũng chẳng sao. Lúc đó, tôi đã khá thân với anh để hiểu rằng anh nói thật. Anh có một tâm hồn rất kẻ sĩ Đông phương, trọng nghĩa khinh tài. Đối với anh chữ nghĩa khí và tình bằng hữu là hoàn toàn có thật... Anh mang những sách đã xuất bản ra tặng tôi, nhưng tôi chỉ coi qua và bầy trang trọng trong ngăn tủ. Văn anh bây giờ đã trở thành chất phác, quá giản dị để lôi cuốn tôi. Ngay cả bộ trường thiên tiểu thuyết *Khu Rừng Lau* cũng vậy, tôi chỉ đọc kỹ có mỗi phần nói về chế độ học tập cải tạo tư tưởng của cộng sản Việt Nam mà thôi. Và rất nhiều năm về sau, khi lâm vào cảnh cải tạo trên rừng, những kiến thức tôi thu thập được từ *Khu Rừng Lau* đã giúp ích cho tôi khá nhiều trong việc đối phó với cuộc tấn công tư tưởng của các quản giáo đại diện cho Đảng trong trại.

Tình bạn của tôi và DQS cứ thế tồn tại với năm tháng. Không quá thân thiết và cũng không lơi là, trong khi trên thực tế, đường lối của nhóm Sáng Tạo và của nhóm Thái Độ mỗi ngày một dị biệt. Bởi thế với các thành viên khác của Sáng Tạo, tôi ít quen ai. Thí dụ như một Thanh Tâm Tuyền, mặc dù bị động viên cùng khóa 14 Thủ Đức, cũng chẳng ai muốn nói chuyện với ai. Chỉ sau này, đời sống quân đội và cuộc chiến khốc liệt mới làm tôi và TTT thân thiết hơn, gặp nhau vui vẻ nói chuyện. Cùng là nhà văn cùng thế hệ, cùng chia sẻ thân phận làm lính, và sau 1975, cùng chia sẻ thân phận cải tạo dài dặc trên cõi rừng núi xám. Có thân thiết nhau hơn cũng là tự nhiên. Đối với Mai Thảo cũng vậy, gặp nhau khá thường nhưng chỉ bắt tay, vài câu chuyện loanh quanh rồi thôi.

Có một lần nhà in đòi tôi lấy cuốn sách mới in về gấp vì thiếu chỗ tồn kho, tôi đang lúng túng kiếm xe thì gặp DQS. Anh đề nghị để anh

chở giùm vì đi tu nghiệp ở Mỹ về, anh có mua được một chiếc Daihatsu khá tốt. Thế là hai đứa, DQS và tôi khênh sách lên xe, từng bịch từng bịch một đưa đến nhà phát hành cũng như đưa về nhà. Gần mười hai giờ trưa mới xong, cả hai đều mệt và đói. Tôi đề nghị ghé vào một quán cà ri Ấn Độ khá nổi tiếng đường Nguyễn Trãi. Dĩ nhiên đó là một bữa ăn rất vui. Ăn xong, chia tay trong thoải mái. Doãn Quốc Sỹ là một con người như thế đấy: tốt, chân thật, chí tình với bạn bè. Tôi chơi khá thân với anh chỉ vì con người anh là như vậy.

Từ khi đi Mỹ về, anh biên khảo nhiều hơn, thiên về cổ tích và văn học dân gian. Những truyện có tính cách thần thoại của anh phải kể vào hàng xuất sắc. Cái giản dị chất phác và mộng mơ của anh đã không giúp anh thành công trong thể loại truyện sáng tác - truyện *Sầu Mây* chẳng hạn - thì lại rất hợp với loại dành cho thanh thiếu niên này. Lúc đó, cả hai chúng tôi không ngờ rằng một thần thoại anh viết về con cáo chín đuôi, con hồ ly chín đuôi hại dân hại nước, đã làm đảng CSVN hận thù anh kinh khủng. Họ cho rằng anh đả kích bản thân Hồ Chí Minh, người mà Đảng đã thần thánh hóa trở thành một đấng tối cao, cao hơn cả Thích Ca, chúa Ki Tô lẫn giáo chủ Mahomed. Anh về sau đột nhiên viết một cuốn làm tôi chú ý và đọc một cách thích thú là cuốn *Vào Thiền*, ghi chép lại một số công án của thiền sư Nhật Bản Muju. Nhờ cuốn này, tôi mới biết càng cao tuổi, anh càng thiên về Phật Giáo, xa dần những ảnh hưởng văn hóa Âu châu mà anh thu nhập thời tuổi trẻ.

Những năm chót trước năm 1975, một phần tôi quá bận bịu - vừa làm lính vừa dạy học vừa viết vừa lo xuất bản, chưa kể vài nỗ lực đấu tranh khác - một phần vì Thi cho rằng chị DQS không cảm tình với nàng cho lắm, tôi ít ghé lại chơi tại nhà anh hơn thời kỳ trước. Và anh chị cũng không hề giữ bọn tôi lại ăn cơm gia đình lần nào. Rút cục, hai đứa tôi bạn bè với nhau đã gần mười năm rồi, rút cục tình bạn vẫn cứ lãng đãng thế thôi.

Sau 30 tháng 4 năm 1975 vài ngày, tôi có biết anh đã ở lại Việt Nam cùng gia đình. Tôi chẳng hề ngạc nhiên về chuyện đó vì đa số các nhà văn nhà thơ của miền Nam đã chọn ở lại với dân tộc, với quê hương mình. Số di tản 1975 chỉ là thiểu số. Tôi không ngạc nhiên về sự kiện này bởi vì đã hiểu từ lâu một người có thể trở thành nhà thơ nhà văn thường là con người có tình cảm liên đới với đồng loại với dân tộc với quê hương hơn những người trung bình khác. Hơn nữa làm nhà văn nhà thơ mà rời quê hương thì giống như cái cây bị bứng rễ. Đã lưu vong thì một là hết sáng tác, hai là có tiếp tục được thì khó khăn vô cùng. (Nhưng đó là nói về thời 75. Bây giờ, sau 12 năm, đa số các nhà văn thơ miền Nam lại ở hải ngoại thì là do đi về sau này, kể cả tôi.)

Năm 1976, tôi đang ở trại cải tạo Ka tum thì được Thi lên thăm

nuôi lần đầu tiên. Lợi dụng khoảng khắc làm thủ tục nhập trại tiếp tân, chỉ có hai đứa gần nhau ngoài sân, Thi cho biết Đảng CS đã mở một chiến dịch bắt hầu hết nhà văn nhà báo và trí thức đại học nào mà chưa bị bắt đi cải tạo tháng 6, 1975. Thi cũng cho biết thi sĩ Vũ Hoàng Chương cũng bị bắt,và sau một thời gian giam giữ, đã suy kiệt. Cũng tương tợ như trường hợp nhà văn Tuấn Trình Nguyễn Tấn Phát (đi cải tạo với tư cách cựu đại tá), Đảng muốn tránh tiếng sát hại nhà văn, phút chót công an tha cho cả hai người trở về chết trong gia đình vài hôm sau. Tin tức này làm tôi buồn và ngậm ngùi. Vũ Hoàng Chương đã từng là thầy dạy Văn của tôi năm lớp 11. Khi đã thành nhà văn, tôi thỉnh thoảng có gặp ông và chỉ gọi là anh theo cách xưng hô vong niên của giới cầm bút. Tôi quí ông và biết ơn ông vì những vần thơ của ông đã tạo biết bao nhiêu cảm xúc, hào hứng cho lớp trẻ hậu sinh như tôi. Tôi buồn không phải chỉ về cái chết buồn của ông mà còn vì hầu hết bạn bè của tôi như vậy đi tù hết. Tôi còn nhớ mãi cái ngày sau 30 tháng 4, 75. Hội Văn nghệ Giải phóng mời tất cả giới cầm bút miền Nam đến dự buổi họp do chính quyền mới tổ chức tại Tòa Đại sứ Đại Hàn cũ gần dinh Độc Lập. Tôi gặp khá nhiều bạn bè ngoài khuôn viên, nên vào phòng khách khá trễ. Không còn một chỗ ngồi, ngoại trừ một chiếc ghế bành nhỏ ra phía trước. Không lẽ đứng suốt buổi họp không biết dài bao lâu, tôi đã len lỏi ngồi đại vào chiếc ghế đó. Ngồi an vị, mới thấy người ngồi đối diện tôi bên kia chiếc bàn nhỏ là nhà thơ Cung Trầm Tưởng, tóc bạc trắng xóa. Hai đứa bắt tay nhau, hoàn toàn không thể ngờ đó là lần, tôi không muốn gọi là lần chót vì nhà thơ này chưa chết, mà sau đó không biết bao giờ mới gặp lại nhau trong cuộc đời này. Tôi rút bao thuốc ra châm hút thì có tiếng gọi ngay gần. Đó là Ninh Chữ, nhà thơ kiêm thợ may Can nổi tiếng đường Tự Do. Sau khi châm thuốc cho ông bạn vui tính này, tôi lại nghe một câu nói nhỏ nhẹ: "Anh Uyên cho em một điếu..." Tôi đưa bao thuốc lại phía đó trước khi nhận ra người ấy là Trần Dạ Từ. Buổi họp khai mạc với người giới thiệu là nhà báo Thế Nguyên của tạp chí Trình Bày.

Sau đó các cán bộ thay nhau lên tiếng, nói những điều ngọt ngào nhưng mơ hồ về tương lai. Sau đó họ mời một vài người lên phát biểu. Nhà văn Nguyễn Thị Vinh được mời đầu tiên. Đứng trước máy vi âm, mặt chị buồn hiu. Sau cùng chị lên tiếng, cũng thật khôn khéo trình bày rằng Cách Mạng vào đột ngột quá làm chị bàng hoàng không biết nói gì. Rồi chị đi xuống. Kịch gia Trần Lê Nguyễn bị gọi lên, đã đi một đường rất kịch tính. Anh chắp hai tay lại phía trước như bị trói, rồi nhỏ nhẹ: "Này bạn bè ngoài khu về, nói thật nhau đi. Bao nhiêu năm,bao nhiêu năm..." Tất cả những người ngồi dưới đều hiểu anh muốn nói là *bao nhiêu năm tù*. Không khí căng thẳng hẳn lên. May mắn thay một tài tử kiêm ca sĩ nổi tiếng của giới cải lương

phóng lên oang oang ngâm một bài thơ mới sáng tác để ca tụng "bác Hồ"*. Quả thật giới cầm bút lúc đó nói chung chưa hề muốn đụng độ với chế độ mới, ai cũng chờ xem chính sách của Đảng CS sẽ ra sao đã rồi mới tính.

Nhưng bây giờ, trên bãi cỏ hoang ven suối bìa rừng Ka Tum, tôi hiểu mọi sự thế là hết. Chính sách của Đảng dứt khoát là theo cả đường lối của cả Staline lẫn Mao Trạch Đông. Với chính sách này, tất cả người cầm bút cũ đều bị coi là kẻ thù của chế độ, ít hay nhiều, nặng hay nhẹ mà thôi. Thi cũng mang lên cho tôi tờ *Văn Nghệ*, cơ quan chính thức của hội Văn Nghệ Trung ương hồi đó, trong có bài của Chế Lan Viên mang đích danh bốn nhà văn ra kể tội: Vũ Hoàng Chương, Doãn Quốc Sỹ, Phan Nhật Nam và tôi. Trong phần kết tội Doãn Quốc Sỹ, Chế Lan Viên còn trách DQS cái tội bất hiếu là bỏ vợ anh (nhà thơ Tú Mỡ) chết mà không thèm tới đưa đám. Nhiều năm về sau khi gặp lại nhau ở Sài Gòn, tôi có hỏi DQS về chuyện này thì anh cho biết Chế Lan Viên đã mạt sát anh một cách tiểu nhân vì lúc Tú Mỡ chết thì công an đã bắt nhốt anh rồi. Làm sao mà đưa đám cho được.

Bài này của Chế Lan Viên làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Trong bốn người bị kể tội đích danh, đã chết mất một. Hai đi cải tạo với tư cách sĩ quan từ 75 là Phan Nhật Nam và tôi. Còn có mỗi DQS bị bắt nốt. Tôi hiểu ngay rằng nếu tôi không khéo léo giữ gìn mồm miệng, không biết đường nhịn thở qua sông, không biết đi một đường Hàn Tính Câu Tiễn Phạm Lãi, thì chắc tôi sẽ vùi thây làm mồi cho mối nơi gốc rừng hoang nào đó của đất nước này. Hơn nữa, tôi vừa thấy gương hiện đại của Pasternak, của Solezenitsin... Chế độ Staline ghê rợn như thế mà chẳng còn triệt được, nữa là...

Sau khi được tha về Sài Gòn, tôi duyệt lại một vòng bạn bè trong giới cầm bút, thấy chẳng còn được bao nhiêu kẻ chưa đi tù. Hầu hết bị nhốt vào trại cải tạo K.1 gần Pleiku. Còn được tự do (hiểu theo nghĩa tương đối) bên ngoài chỉ có vài ba người: Nguyễn Thị Vinh, vợ chồng Nhật Tiến-Đỗ Phương Khanh, Minh Quân, Lệ Hằng, Nguyễn Mộng Giác, Huỳnh Phan Anh... Cũng cần ghi thêm lúc đó Nguyễn Mộng Giác, Dương Nghiễm Mậu cũng đều mới được tha ra khỏi tù chưa được bao lâu. Còn Lệ Hằng, con người nổi danh với truyện tình *Thung Lũng Tình Yêu*, năm đó chưa đi tù thôi - về sau chị cũng bị bắt vì tội mưu toan vượt biên. Tôi theo bè bạn đến câu lạc bộ của Hội Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, lúc đó Vũ Hạnh còn giữ được chức Tổng Thư Ký, la cà cà phê thuốc lá nơi này. Sơn Nam là người được cử thay mặt Hội nói chuyện tào lao với anh em, và chưa chi ông nhà văn của khai hoang, của miệt vườn đã phê bình chính sách của Đảng một cách ngay thẳng. Tôi chẳng dại về hùa với anh vì dù sao Sơn Nam còn có cả MTDTGPMN ủng hộ, coi như gà nhà, đâu sợ công an chính trị Bắc-kỳ-quốc, của miệt Đàng Ngoài. Còn tôi, thân phận cải tạo

được tha về đâu có khác thân phận paria, intouchable bên Ấn Độ. Hở sườn một chút, là lãnh cái cán búa ngay. Ngay Nguyễn Mộng Giác, vốn người Bình Định kín đáo và *thành hậu* (xin dùng đỡ từ của Võ Phiến) tiến thoái thận trọng, đôi khi còn biết cả vài đường lăng ba Vi bộ nữa, vậy mà cũng đi tù lần thứ hai chỉ vì vài lời phát ngôn trật khớp lệch chìa trong một buổi họp văn nghệ ở vùng cư xá Thanh Đa năm 1980 do báo Tin Sáng tổ chức. Dĩ nhiên lý do chính thức công an đưa ra không nhắc tới lý do chính. Cũng cần nói thêm ông bạn cố tri này của tôi còn chịu khó đi tù một lần nữa cho đủ quá tam ba bận trước khi vượt thoát được ra nước ngoài. Ngay cả vợ chồng Nhật Tiến anh em ruột thịt ngoài Bắc hơi đông, nhưng nếu không cùng Dương Phục Vũ Thanh Thủy phóng chạy ra nước ngoài, thì trước sau cũng bị bắt mà thôi. Phe giáo điều trong Đảng CSVN đã chủ trương bắt hết, bắt gọn, bắt sạch, bắt không sót một ai trong giới văn học báo chí miền Nam để trấn áp, để diệt cho bằng được. Rút cục ai cũng đi cải tạo hay đi tù ít nhất một lần, mới được coi là "đạt chỉ tiêu".

Đi tù thì đi. Ai cũng đi thì ta cũng đi. Từ trại mít mùng miền U Minh đến chân núi Hoàng Liên Sơn ngoài Bắc. Nhưng nếu Đảng CS có thể nhốt được bản thân người cầm bút, họ lại thất bại trong việc bẻ gẫy ngòi viết, câu thúc tâm hồn con người của văn học. Nhà văn nhà thơ nhà báo đi tù bao giờ cũng đông bạn bè, và cứ ai sao ta vậy, ngày tháng cứ trôi qua, rồi cũng đến lúc được tha về, dù là sau 12 năm như Duy Lam, hay chẳng biết bao giờ như Phan Nhật Nam. Nhưng đi lâu hay chóng, không ai làm điều gì đáng chê trách, cứ tà tà một người như mọi người. Nhưng cũng có vài ba người đi một đường sĩ khí đầy trời, khí tiết kiểu sĩ phu Cần Vương hay Đông Kinh Nghĩa Thục, như Duy Lam, Phan Nhật Nam và Doãn Quốc Sỹ.

Tin tức từ giới chính quyền cộng sản lộ ra ngoài cho biết công an phụ trách hỏi cung đã rất bực dọc với thái độ "ngoan cố" của DQS, nhưng đồng thời cũng thán phục thái độ ngay thẳng chính trực của nhà văn này. Khi biết những chuyện đó, cũng như biết tới thái độ của Duy Lam và Phan Nhật Nam, tôi chỉ biết thở dài. Tôi không đồng ý với mấy nhà văn ấy về một thái độ "làm cây thông đứng giữa trời mà reo", rồi muốn-tới-đâu-thì-tới. Đảng CS đã để cho công an kẹp nát hai mắt cá chân của Duy Lam ở trại cải tạo Phú Khánh. Nếu các con gái không dựa vào nguồn thuốc men tiếp tế của các thân nhân nước ngoài, chắc chắn nhà văn này đã chết vì nhiễm trùng nơi vùng núi khô cằn của phần rừng núi miền Trung. Còn Phan Nhật Nam thì bị áp tải từ trại cải tạo về Sài Gòn, đưa ra trước *Toà án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh* lãnh cái án khổ sai chung thân. Nhưng nếu tôi không cho cái thái độ cứ nhất định làm "cây thông" là khôn ngoan - theo tôi, phải là cây tre tốt hơn -, nhưng thán phục thì vẫn cứ thán phục. Thời nào, lúc nào cũng cần có vài ba người như thế làm biểu tượng cho sĩ

khí truyền thống của dân tộc Việt.

Sau khi được tha về, tôi và Thi hay lui tới nhà Doãn Quốc Sỹ hơn xưa. Vài ba bốn năm cuộc đời không dài gì, nhưng dư đủ cho một bé gái mới ngày nào còn nhẩy lò cò vừa hát véo von trước hiên nhà biến thành một thiếu nữ xinh tươi. Đó là trường hợp của con gái lớn của Doãn Quốc Sỹ. Cháu Ngọc Thanh bây giờ đã thành một thiếu nữ xinh tươi, vươn lên, nở bung ra như một cánh hoa. Chị Doãn Quốc Sỹ ngày càng ít nói với bao nhiêu gánh nặng chồng chất, nên càng tới chơi, Thi và tôi càng thân với cháu Thanh. Chẳng mấy lúc, tôi thấy tôi có thái độ ân cần trìu mến đối với Thanh, y hệt như thái độ của Doãn Quốc Sỹ đối với Thi bao nhiêu năm về trước. Hơn nữa, Thanh thông minh, chịu khó đọc nên chú cháu gặp nhau không hề thiếu điều để nói. Tôi rất thích những lần Thanh lại chơi, không biết những lúc khác có ăn mặc như thế không, nhưng mỗi lần lại nhà tôi trong cư xá Chí Hoà, Thanh hay mặc y phục Tây Phương. Khi thì áo T-shirt với một quần Jean, khi thì thoải mái trong mini-robe với cái túi xách tay rất hippy.

Khi tôi nạp đơn xin từ chức giáo sư Đệ Nhứt Cấp ở trường Phú Lâm vì lý do đã xin xuất ngoại để đoàn tụ gia đình, khẩu phần gạo đã bị cúp ngay lập tức. Không biết làm gì hơn, hai vợ chồng tính mở một quán café tại nhà để sinh nhai. Vốn không có một đồng, Thi lại đau bệnh, chưa biết ngày mai lấy đâu ra gạo nấu cơm thì cứu tinh xuất hiện ngay ngoài cổng. Anh họ lớn tuổi nhất, cũng là nhà văn Tường Hùng,đã xin phép từ Pháp về thăm quê nhà. Trong họ tôi, anh nổi tiếng tốt và hào phóng, và cũng rất là văn nghệ nên cũng chẳng giàu. Nhưng khi anh ra đi cũng để lại cho một khoản đủ mua bàn ghế ly tách tối thiểu để bọn tôi có thể mở quán Cây Bông Giấy -quán được gọi như vậy vì bàn ghế bày ngay dưới cành lá um tùm của cây bông giấy cành đan kết như mãng xà trườn trên núi đá. Nghe tin này, dì Lan gửi về cho một coffee-maker mà bà con quê nhà gọi tắt là cái *phin điện*. Nhờ trợ giúp căn bản này, quán Cây Bông Giấy khởi sắc, giúp bọn tôi sống qua ngày tháng.

Phía gia đình Doãn Quốc Sỹ cũng không khá gì hơn. Một hôm nghe tin cháu Thanh đã mở một chỗ bán rau má xay ở vỉa hè gần Ngã Bảy, hai vợ chồng tôi ghé đến. Thanh vẫn linh hoạt vui vẻ, pha cho hai ly rau má. Dĩ nhiên lần này cô gái chỉ mặc một đồ bộ giản dị cho thích hợp với vai trò một cô hàng sinh tố vỉa hè. Thanh kể cho bọn tôi nghe là nàng đã có người yêu - chuyện tất nhiên thôi. Những thiếu nữ xinh xắn và duyên dáng, theo kinh nghiệm riêng của tôi, thường đắt chồng hơn là các giai nhân. Thanh cũng kể là DQS bây giờ hay tọa thiền trên trại cải tạo K.1. Tin tức này làm tôi băn khoăn. Thời kỳ tôi ở trại cải tạo Trảng Lớn, tôi đã chứng kiến một sĩ quan ngày nào cũng tọa thiền ngoài sân nắng. Trên danh nghĩa, là anh đang tu Phật đấy. Nhưng nhìn thân hình trần trụi bóng nhẩy mồ hôi, dù mắt nhắm nghiền,

nhưng các bắp thịt cứ như nổi gồng lên, tôi có cảm tưởng như anh đang đi một đường vận khí để đối phó tới nơi tới chốn với cán bộ. Không hiểu sao tôi e ngại DQS cũng đang tọa thiền như thế. Và như thế thì dám ở lại quét trại cải tạo đến lúc tuổi già xế bóng mất. Tôi dặn Thanh là trong chuyến thăm nuôi sắp tới, hãy nói với ông bố là *thiền* không phải ở *toạ* mà là ở trong lòng. Dĩ nhiên là anh không nghe tôi rồi, như những gì xảy ra sau này sẽ chứng tỏ.

Một hôm ghé thăm phía nhà Doãn Quốc Sỹ, sau khi thưởng thức một lối cắm hoa mới trên bàn - gia đình này, dù bao nhiêu năm khó khăn, cũng vẫn giữ được truyền thống bao giờ cũng có một bình hoa cắm theo ảnh hưởng của Nhật Bản - tôi được cô cháu tâm sự rằng sắp theo chồng chưa cưới làm một chuyến vượt biên. Tôi không ngạc nhiên về chuyện đó vì hầu hết mọi gia đình miền Nam đều rán hết sức đầu tư số vốn cuối cùng, và những thùng quà thân nhân nước ngoài gửi về, để gửi cho được một đứa con ra hải ngoại. Đứa con này có nhiệm vụ mở đường, và nhất là gửi tiền, quà về cứu nguy toàn thể gia đình. Tôi chúc Thanh thượng lộ bình an. Vợ chồng tôi theo dõi kết quả, và biết chuyến đi xuông xẻ tốt đẹp, Thanh đã cùng người chồng chưa cưới lập nghiệp bên xứ Úc tít mù Nam bán cầu. Dĩ nhiên đôi trẻ lấy nhau thôi, và cô cháu Thanh đã sinh con với tốc độ khá nhanh, một đứa rồi hai đứa, đúng như lời cụ xưa đã nói: *Những người thắt đáy lưng ong, Vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con.* Và dĩ nhiên coi hình gửi về, cô Thanh mảnh mai đã biến thành một thiếu phụ trẻ phát triển đầy đặn hơn xưa nhiều.

Doãn Quốc Sỹ được tha về khá sớm. Sớm đây là so với các bạn văn bị bắt cùng thời kỳ mà thôi, chứ khó có thể bảo gần 6 năm cải tạo là ít ỏi được. Vợ chồng tôi đến thăm anh tại đường Thành Thái, vẫn căn nhà khiêm tốn tít trong hẻm. Hai đứa trao đổi ít kinh nghiệm trong cõi "quần đảo Goulag", nhắc tới vài người bạn chung. Có hai người được nhắc tới với đôi chút ngậm ngùi là Nguyễn Sĩ Tế và Thế Viên. Trong các nhà văn của nhóm Sáng Tạo, Nguyễn Sĩ Tế là người hiền lành, viết cũng hiền lành, vậy mà Đảng lại chụp cho anh những cái tội nặng nhất. Tôi có thể khẳng định được tính hiền lành của anh vì khi còn nhỏ, tôi đã là học trò môn Văn của anh khi học lớp 8 Chu Văn An Hà Nội. Anh hiền đến độ học trò trong giờ anh ai muốn nghe thì nghe, ai muốn nói chuyện cứ việc nói. Chẳng bù với Vũ Khắc Khoan (tôi học văn ông lớp 10) thì đố có học trò nào dám dỡn mặt. Người thứ hai được nhắc tới là nhà thơ Thế Viên. Khi tôi bắt đầu văn nghiệp thì anh ngưng sáng tác, chẳng hiểu tại sao vì anh lớn tuổi hơn, lại ít thân với tôi. Anh bị bắt chỉ vì hôm công an xông vào nhà bắt Doãn Quốc Sỹ, anh đang ngồi uống cà phê cùng chủ nhà. Doãn Quốc Sỹ kể Thế Viên cũng bị giam ở K.1, cùng phòng giam và vẫn vui vẻ, không hề oán hận gì về chuyến bị bắt oan ức như thế.

Trong lúc hàn huyên, khi bàn về chủ nghĩa Mác-Lênin và các chính sách, Doãn Quốc Sỹ có nói một điều làm tôi chú ý: "Những người cộng sản đã vận dụng tận cùng chủ nghĩa và đẩy mọi lý luận tới ranh giới cuối cùng. Sau đó chẳng còn là gì hết..." Sau đó một thời gian, Doãn Quốc Sỹ đến thăm quán Cây Bông Giấy của vợ chồng tôi. Anh chọn bàn ngoài cùng sát lộ, nên khi tôi tiến ra ngoài đón bạn, ánh nắng buổi sáng chiếu sáng toàn thể nửa trên thân hình, làm khuôn mặt anh hiện ra rõ rệt trong khoảng khắc. Bây giờ mỗi khi nhớ lại anh, tôi vẫn còn nhớ rõ khuôn mặt dưới nắng này hơn mọi hình ảnh khác. Sau khi cùng cạn ly cà phê, bằng những lời lẽ thận trọng để những thực khách chung quanh có nghe cũng không hiểu được, Doãn Quốc Sỹ và tôi đồng ý rằng cả hai đứa đều là những *con vật đen* của chế độ, luôn luôn bị canh chừng để đề phòng mọi kết hợp. Sự thận trọng này có thể là khó hiểu đối với những người Việt di tản 75 và những người ngoại quốc khác, còn đối với những người đã đi tù, đi cải tạo hay đã sống nhiều năm với chế độ cộng sản, thì biện pháp này chỉ là sự phòng thủ thụ động tối thiểu. Nếu có đấu tranh, chống đối thực sự rồi thất bại mà đi tù, thì cũng được đi. Chúng tôi không hề muốn chỉ vì một bá cáo xuyên tạc của một công an hạng bét, chỉ vì dăm câu nói sơ ý trong lúc ngà ngà hơi men, mà đi tù mút mùa chuyến nữa. Nhất là một trong các chiến thuật sở trường để củng cố nền chuyên chính của Đảng mà công an chính trị hay dùng là tạo ra *Phục Quốc giả, Kháng Chiến giả.* Họ tung ra một nhóm cò mồi đóng vai trò chống đối, ai ghét Đảng sẽ xáp lại gần như ruồi thấy mật... Khi nào thấy đủ một mẻ lưới thì công an tóm gọn trong một đêm, cho đi cải tạo từ năm tới bảy năm. Đảng CSVN dùng thủ đoạn này khá nhiều nên bà con cũng biết. Đến độ một câu chuyện do một sĩ quan cảnh sát cải tạo kể đã được biến thành một giai thoại khá phổ biến trong giới sĩ quan công chức chế độ cũ:

Tại Ngã Ba Nguyễn Thiện Thuật và Phan Đình Phùng, một sĩ quan học tập cải tạo về đang ngồi uống cà phê thì một màn kịch diễn ra. Hồi 1: Truyền đơn Phục Quốc tung ra như bươm bướm. Sĩ quan cải tạo ngồi tại chỗ, tiếp tục uống cà phê. Hồi 2: Bà con túa ra nhặt truyền đơn, sĩ quan cải tạo vẫn tiếp tục uống cà phê. Hồi 3: Ông già Tàu bán bánh mì nhặt hai tờ truyền đơn,dấu dưới xấp giấy gọi một tờ, đưa một tờ cho cải tạo bảo: "Chú đọc đi, của Phục Quốc đấy." Cải tạo lắc đầu, tiếp tục uống cà phê. Hồi 4: Một hiệu lệnh được ban ra, công an đủ loại mai phục từ lâu chung quanh túa ra bắt những người đã nhặt truyền đơn. Một công an chĩa súng vào ông già bánh mì, quát: "Đưa tờ truyền đơn dấu diếm ra đây!". Ông già hết cãi, bị còng tay liền. Hồi 5: Một hiệu lệnh mới, các ông an áp tải những người phạm tội nhặt truyền đơn, đi ngay lập tức. Ngã Ba trở lại yên tĩnh *và sĩ quan cải tạo về vẫn tiếp tục ngồi uống cà phê.*

Dù không khí ngột ngạt như thế, DQS và tôi vẫn gặp nhau ít nhất

hai lần trong Tết Nguyên Đán và Lễ Vu Lan tháng bảy ở một phần đất khá trung lập là chùa Giác Minh. Một phần vì sư trụ trì Thích Đức Nhuận đã từ lâu là bạn bè khá thân - tương quan giữa thầy và tôi giống như tương quan giữa nho sĩ và thiền sư thời trước - một phần khác chùa này từ lâu vẫn được coi là chùa của gia đình cũng như dòng họ. Mộ Nhất Linh, ông cụ tôi, ông anh cả của Nhất Linh, cũng như mộ của bà Hoàng Đạo, Thạch Lam, và nhiều người thân cũng đều để ở nghĩa trang Giác Minh thuộc chùa này. Những lần gặp gỡ ấy rất thoải mái, cả hai đứa tôi đều mang theo vài ba đứa con để chúng cùng khua đũa ăn cơm chùa (hiểu theo nghĩa đen nghĩa bóng đều đúng) một bữa. Nhưng rồi sóng gió lại nổi lên cho văn giới miền Nam một lần nữa. *Vụ án Hồ Con Cua* bỗng dưng bùng nổ.

Vụ án này phát sinh do hai nguyên nhân. Một nguyên nhân từ văn giới, một nguyên nhân khác do chính sách củng cố chuyên chính vô sản kiểu Staline/Mao của Đảng CSVN. Nguyên nhân phía nhà văn: Một khoảng thời gian trước, Tổng Thơ Ký của Văn Bút Việt Nam hải ngoại là Trần Tam Tiệp có nhắn về là Hội có quyên góp được một ngân khoản của bà con nước ngoài, có thể dùng khoản này để giúp các nhà văn nào đang đói rách ở quê nhà mỗi người một chút. Sau khi được một bạn văn cho địa chỉ, tôi viết thư cho Trần Tam Tiệp xin được giúp đỡ. Trước 75, Tiệp và tôi chưa gặp mặt nhau nhưng khá biết nhau. Thời kỳ bên Không Quân cho ra đời tập san Lý Tưởng, Trần Tam Tiệp có phụ trách tòa soạn và chính Cung Trầm Tưởng đã đến mời tôi hợp tác. Tôi chỉ gửi đăng có một bài và được trả tiền nhuận bút khá cao... Trần Tam Tiệp trả lời vui vẻ, nhận lại bạn bè và dĩ nhiên tôi bắt đầu nhận được những gói thuốc nhỏ, khoảng chừng 2 lbs. Ngoài tôi, khoảng 20 nhà văn nhà thơ khác cũng được tương trợ như vậy, trung bình mỗi người hai gói. Riêng tôi, vì Tiệp và tôi trở thành bạn bè qua thư từ trao đổi nên về sau, khi ngân khoản của Hội đã cạn, anh đã lấy tiền riêng gửi cho tôi hai lần nữa và hai lần này là những gói nặng ký hơn.

Chuyện Văn Bút Hải ngoại tương trợ văn hữu quê nhà này, không một ai nghĩ rằng sau này sẽ bị coi như tội phản quốc và gián điệp cho ngoại bang cả. Bởi thế không ai che giấu gì nội vụ. Phía công an cộng sản dĩ nhiên phải biết từ lâu vì gia đình nào muốn lãnh quà và tiền của thân nhân nước ngoài, đều phải xin chính quyền hai cuốn sổ lãnh tiền, lãnh quà, trong đó khai rõ những người ở nước ngoài thường gửi cho mình. Chỉ nhận tiền gửi chui, *gửi đen* mới bị coi là phạm pháp thôi. Nhưng Đảng lúc đó lại đặt vấn đề khác hẳn. Và thời gian này, các sĩ quan và công chức chế độ cũ được tha về khá đông đảo, trong đó có nhiều nhà văn nhà thơ. Thanh Tâm Tuyền, Ninh Chữ, Duyên Anh, Thế Viên, Dương Hùng Cường, Duy Trác và nhiều người khác nữa. Đó là một mối lo cho Đảng. Mặc khác, một số sĩ

quan được tha về đông đảo lại tạo một mối lo to lớn hơn. Mặc dù mọi biện pháp khắc khe nhằm triệt hạ uy tín cũng như bao vây kinh tế đưa thành phần này xuống đất đen của chế độ, Đảng CSVN vẫn không thành công. Mà hậu quả còn ngược lại. Đảng càng gây khó khăn cho các cải tạo trở về, dân càng thương. Trong mấy năm đầu, dân còn oán trách các sĩ quan VNCH về tội đánh nhau quá dở, để xập tiệm chế độ, để cộng sản tràn vào làm dân khổ. Nhưng với thời gian, chế độc CS càng tệ hại, cán bộ càng tham nhũng thì dân lại càng thương các sĩ quan công chức cũ của mình. Rút cục, vào lúc xảy ra *vụ án Hồ Con Cua*, thì cải tạo trở về được bà con đón tiếp niềm nở. Đến độ một sĩ quan được tha tít mù ngoài Quy Nhơn, chỉ cần xưng mình là sĩ quan cải tạo được tha về, thì được bà con nuôi ăn, xe đò chở không lấy tiền vé, cho tới khi về tận cửa nhà - dù nhà có ở tít mù tận Long Xuyên. Cải tạo trở về sống trong dân như cá trong nước, được dân thương yêu và che chở, trong khi cán bộ đảng viên ngày càng trở thành giống các quan lại tham ô thời Pháp thuộc, đi đến đâu dân cũng ghét.

Trung ương Đảng rất sợ các nhà văn sẽ kết hợp với giới sĩ quan cải tạo về, mặc dù sự quản chế những người này rất kỹ, Đảng vẫn lâu lâu ngụy tạo ra các vụ án phản động tiêu biểu, để dằn mặt mọi thành phần chống đối. Dĩ nhiên chẳng cải tạo nào muốn biến thành con dê chịu tội trong loại vụ án ấy. Họ thủ rất kỹ. Thành thử công an phải vơ bèo gạt tép để tạo những vụ án dằn mặt, thí dụ như một vụ xử ở Sài Gòn năm 1985. Theo bản án đăng tải trên báo chí, một hạ sĩ nhất bị truy tố về tội làm Chủ Tịch Phong Trào Phục Quốc với phó chủ tịch là một trung tá mới được tha về. Tin ngoài hành lang cho biết chẳng qua ông hạ sĩ này vốn là *đệ tử cũ* của ông trung tá. Hạ sĩ thì chế độ không chấp, dễ kiếm sống nên ông này cũng kiếm ra tiền. Gặp *ông thầy* cũ mới được tha về đói rách, bèn kéo đi nhậu một bữa với bạn bè. Rượu say thì coi trời cũng bằng vung, nữa là Đảng! Ông hạ sĩ tự phong mình làm chủ tịch Phong Trào Phục Quốc, phong ông trung tá làm Phó Chủ tịch. Thế là thầy trò cứ ngất ngưỡng mà soạn ra cương lĩnh với thông điệp. Mặc dù ông hạ sĩ khóc ròng trước toà, khai vì quá chén nên làm vậy thôi, Tòa vẫn xử tử hình. Còn ông trung tá lãnh 15 năm tù. Tuổi đã gần 60, lãnh án 15 năm thì kể như không thấy đường về.

Đối với các nhà văn thì không thể đạo diễn thô sơ như vậy được. Đảng dư biết vô cớ nhốt nhà văn sẽ gặp phản ứng bất lợi trong nước cũng như ngoài nước. Một sĩ quan công an cao cấp của bộ Nội Vụ liền đưa ra ý kiến xài lại bài bổn *Vụ án Hồ Con Cua* 1976 (vụ án ngụy tạo này đã đưa hầu hết các người cầm hút và trí thức khoa bảng miền Nam vào tù). Dĩ nhiên lần này đạo diễn công phu hơn. Trần Tam Tiệp được tấn phong làm một nhân vật cao cấp của CIA, được cấp cho những ngân khoản khổng lồ để mua chuộc các nhà văn miền Nam

viết bài chống cộng sản đăng ở nước ngoài. Những gói thuốc gửi về chính là tiền nhuận bút, là tiền mua chuộc. Để tạo thêm vẻ xác thực, công an đưa ra nhân vật Nguyễn Thị Nhạn, nhân viên bưu điện Sài Gòn, kẻ được coi là tay sai của CIA Trần Tam Tiệp ở Việt Nam. Ở đây cần nói thêm là các nhân vật như Nguyễn Thị Nhạn đã có hơi nhiều và từ lâu. Lý do tại chương trình ODP. Muốn xin đoàn tụ với thân nhân trong nước, thân nhân hải ngoại phải nộp giấy tờ chứng minh quan hệ ruột thịt họ hàng, và với INS của Hoa Kỳ, thì đòi hỏi rất kỹ, đòi đến cả hình 4x6 của những người được bảo lãnh để đề phòng sự đánh tráo người (cũng đã từng xảy ra). Thân nhân ở Việt Nam phải sao gửi khai sinh, giá thú, sổ gia đình cũ... một hồ sơ khá dày nếu gia đình đông người. Nhưng khi gửi qua bưu điện thì mười hồ sơ này bị công an bưu điện vứt vào sọt rác tới 9. Bà con phải xoay xở gửi bằng những cách khác (thí dụ như gia đình người viết bài này đã phải gửi bất cứ giấy tờ gì, hình ảnh nào của gia đình mình ít nhất là 3 lần, gửi thẳng tới Mỹ, gửi qua Pháp, gửi qua Đức... để may ra có một lần tới tay người nhận). Và cách hay nhất vẫn là chi tiền cho nhân viên bưu điện để những người này dùng thủ thuật chia chác sau cho các thư dày cộp giấy tờ đó khỏi bị vứt vào xọt rác. Nguyễn Thị Nhạn chỉ là một cô gái trẻ mới được đi làm bưu điện chưa lâu, nhưng thuộc loại nhận tiền bà con để miễn vứt thư vào thùng rác này. Có vậy thôi. Nhưng bây giờ do nhu cầu đạo diễn, Nguyễn Thị Nhạn bị bắt và được gán cho một vai trò tối ư quan trọng trong hệ thống "gián điệp quốc tế" này (Trần Tam Tiệp ở Pháp).

Công an căng một màn lưới tỉ mỉ và rất kiên nhẫn theo dõi để lập một danh sách những người cần phải bắt. Dĩ nhiên những nhà văn thơ của miền Nam không ai đề phòng gì cả. Ngay cả tôi và Doãn Quốc Sỹ cũng vậy. Cả hai đứa đều đi cải tạo vài ba niên trở lên cả, biết khá rõ những gì cộng sản có thể làm được, nhưng không thể nghĩ nổi là Đảng CSVN đã thoái hóa suy sụp yếu đuối đến độ lợi dụng đến cả việc tương trợ giữa các bạn bè thân hữu lúc đói thiếu ăn ốm thiếu thuốc men để tạo dựng một vụ án chính trị như vậy. Trước 1980, Đảng CSVN "hùng" hơn, có tư cách hơn nhiều. Theo tôi được biết, việc Doãn Quốc Sỹ, (đã được cấp giấy xuất cảnh cùng vợ đi Úc đoàn tụ gia đình với cháu Thanh), được gọi đi phỏng vấn và khám sức khoẻ, đã bật đèn xanh cho vụ án mà bà con hay gọi là *Vụ án Con Cua*. Ngành công an đã hao tổn công phu cỡ hai năm rồi, nếu để Doãn Quốc Sỹ đi thoát, thì uổng công quá. Phần tôi, không hề biết đèn xanh đã bật, nên khi nghe tin anh chị Doãn Quốc Sỹ đã đi khám sức khoẻ để ra đi, đã rủ Thi đến thăm để liệu đường giã từ nhau. Bọn tôi đến vào một buổi chiều, căn nhà nhỏ trong hẻm Thành Thái đông văn giới. Đủ cả Thanh Tâm Tuyền, Dương Hùng Cường, Thế Viên, và một số người nữa. Tôi hỏi thăm Thế Viên về vụ bị nhốt trên sáu năm chỉ vì đã đến

đây uống một ly cà phê với chủ nhà, thì anh cười rất hào sảng trả lời anh chỉ tiếc một điều là chưa kịp uống ly cà phê cháu Thanh pha mang ra. Phin chưa chảy hết thì công an đã ập vào. Thế Viên buông một câu: "Giá được uống cạn ly cà phê đó rồi mới bị còng thì cuộc đời không còn gì để hối tiếc!" Tất cả những người có mặt đều cười vui vẻ vì câu nói đó... Khi tiếng cười đã dịu xuống, con trai lớn của Doãn Quốc Sỹ buông ra một câu nhận xét: "Hôm nay các chú tới đông vui quá há! Chẳng khác gì họp Bút Việt..."

Thi vốn là người có một trực giác tinh tế. Nhiều lần nhờ thứ trực giác này, nàng đã gỡ tôi ra khỏi những hoàn cảnh khó khăn mà lý trí của tôi không thể tính ra được. Nàng hích tôi: "Về lẹ đi anh. Em thấy bất an." Bọn tôi cáo từ bạn bè, bắt tay vui vẻ từng người một. Dương Hùng Cường tiễn bọn tôi ra cửa, nói nhỏ: "Tôi đang lo lắm. Nói riêng với anh chị thôi là tôi sợ phút chót họ không cho cụ Sỹ lên máy bay đâu". Tôi không hỏi thêm tại sao, chỉ bắt tay từ giã. Đó là lần cuối cùng tôi gặp những người bạn ấy. Hai đứa dắt xe đi bộ ra ngoài hẻm thì gặp anh chị Doãn Quốc Sỹ đi khám bác sĩ trở về. Anh chị cho biết thủ tục đã xong, mặc dù phải chụp tới lui hai lần. Anh hẹn tôi chiều hôm sau trở lại nói chuyện nhiều. Tôi y hẹn. Nhà anh khá đông người thuộc lớp trẻ, hoa lá tưng bừng và có hai cậu đang dượt lại dương cầm và Tây Ban Cầm ồn không thể chịu nổi. Doãn Quốc Sỹ bèn rủ tôi đi uống cà phê. Hai đứa đi không xa, ngồi ngay quán vỉa hè đường Thành Thái. Buổi chiều đã tắt nắng, con lộ trước mặt cũng thưa xe. Hai đứa bàn về tương lai và Doãn Quốc Sỹ bày tỏ một sự hăng hái như thời thanh niên, làm tôi hơi khựng lại. Tôi nhẹ nhàng góp ý kiến là khi mới tới Úc, thế nào báo chí cũng phỏng vấn, đề nghị anh nên dè dặt trong những lời tuyên bố để khỏi kẹt cho các anh em còn ở lại. Tôi không tiện nói với anh là trong túi áo tôi cũng đã có một giấy xuất cảnh đi Mỹ -từ những năm tháng dài trên rừng trước đây, tôi đã học được nhiều điều để tồn tại trong chế độ cộng sản, trong đó điều quan trọng nhất là kín đáo về mình. Doãn Quốc Sỹ ngẫm nghĩ một chút rồi trả lời: "Anh nói đúng. Vả lại tôi cũng phải lo cho các cháu còn ở lại." (Cháu Thanh chỉ đủ điều kiện bảo lãnh cho cha mẹ già thôi)...

Hai đứa tiếp tục ngồi nói chuyện lặt vặt khác nữa, trong thân hữu và thoải mái vô cùng. Chơi với bạn già, bạn cố tri có cái thú vị như thế. Tôi chỉ đứng dậy từ giã khi phố đã lên đèn. Hai đứa đồn ý đây là lần gặp nhau lần chót trước khi Doãn Quốc Sỹ lên máy bay. Tôi rất ngại đưa tiễn không phải vì lúc tiễn đưa, mà vì lúc máy bay cất cánh rồi, khi mình trở về, mới thực là ngao ngán -tôi đã kinh nghiệm một lần về kiểu tiễn đưa này nên tự hứa chẳng bao giờ tiễn ai ra nước ngoài thế nữa. Tôi bắt tay anh rất thân hữu và nhẹ nhàng như bao lần rồi dắt xe xuống lòng đường. Khi tôi châm điếu thuốc lá cuối cùng Doãn Quốc Sỹ mua cho, thì anh đã xoay người bắt đầu đi vào ngõ

hẻm.

Ngay đêm đó *Vụ án Hồ Con Cua* nổ bùng. Bởi thế đó là lần cuối cùng tôi gặp Doãn Quốc Sỹ. Những gì diễn ra sau đó thật gay cấn và toát mồ hôi lạnh. Và vào những lúc khủng khiếp nhất, tự do cuối cùng của tôi mong manh như sợ tóc, tôi vẫn hay mỉm cười nói với Thi: "Dù thế nào chăng nữa anh cũng sẽ hơn được anh Thế Viên ở điểm anh đã được uống cạn ly cà phê của Doãn Quốc Sỹ!"

Tháng 6.88.

NHA Y SĨ

DƯ THỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

Chữa bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

Phạm Quốc Bảo

Nhớ về một trường hợp

Đã lâu tôi nhiễm lối đọc sách không có vẻ trân trọng chút nào nữa. Có lẽ đời sống nơi đây tan biến vào công việc trong sở, sinh hoạt trong gia đình và di chuyển trên đường phố xa lộ. Thời gian còn lại bao nhiêu thường dành hết cho lười biếng nghỉ ngơi. Giờ đọc sách là một thứ xa xỉ nhất, chỉ vào lúc khuya khoắt. Và tôi nằm đọc sách. Nằm đọc sách mất đến gần hết vẻ trang nghiêm của chữ nghĩa thánh hiền rồi. Dĩ nhiên viết lại hiếm quí hơn nữa. Từng chữ từng câu va vào đời sống, cọ xát với hiện tượng, làm nảy ra những phong phú mỗi lúc mỗi mới lạ từ cuộc sống. Bao nhiêu suy tư thắc mắc lý trí đều lẫn vào thái độ, hành động và sự kiện hết. Chữ nghĩa nhẩy tọt xuống vui vầy với những cảm nhận của giác quan, gần gũi và thân thiết hẳn.

Đến như nhớ về thì quả là ít khi lắm. Mỗi lần được dịp nhớ về, không những râu ria bị mất hút trong tiềm thức mà cả một khối kỷ niệm còn bị cắt xén và rời rạc đến độ trong giây phút chưa chắc nối kết lại được. Mà nối kết làm gì nhỉ? Hãy cứ để chúng tuôn ra một cách thô sơ đi. Chúng sẽ gần và thân với mình hơn bao giờ hết.

*
**

Về tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ, tôi nhớ rằng người ta thường nói đến bộ trường thiên tiểu thuyết Khu Rừng Lau của ông. Có thể vì ông đã dành nhiều nỗ lực hơn hết để viết ra và bộ ấy cũng chứa đựng sở nguyện nhiều nhất của ông nên người ta đã chú trọng đến bộ này tới độ khiến tôi có ý nghĩ rằng chỉ cần đề cập đến Khu Rừng Lau là đủ nói lên trọn vẹn một Doãn Quốc Sỹ. Tôi tôn trọng người khác.

Riêng tôi, nói đến Khu Rừng Lau là một hình ảnh tiêu biểu hiển hiện trước mặt: Người thanh niên trên đường từ chiến khu về thành. Tới vùng vòng đai trắng, người thanh niên ngỡ ngàng rồi chua xót

nhìn những thanh niên nam nữ khác từ thành hăm hở ra khu chiến. Mặc dù ngay lúc đó, người thanh niên trong lòng cũng ngổn ngang chán nản, không biết mình "dính tê" rồi cuộc đời sẽ trôi giạt đến đâu trong đám bùn lầy trước mặt. Thực tế khu kháng chiến cho anh thấy lý tưởng của mình đã bị phản bội.

Hình ảnh cùng đường trên khiến người khác suy ngược lên nguồn cội là nó phát xuất từ nếp suy nghĩ bị động, tù mở kiến thức xưa cũ không tiến bộ đồng thời với trào lưu chung của thế giới và biến chuyển của thời cuộc đất nước, bỏ quên mất đi nguyên tắc mềm dẻo mà quật cường của sức sống lau sậy. Ý nghĩa đó có từ Khu Rừng Lau.

Tôi cảm thấy hình ảnh cùng đường cứng ngắc đó toát ra vẻ ngập ngừng rồi thành giải thoát trong từng cuốn của bộ trường thiên tiểu thuyết Khu Rừng Lau. Và thái độ thụ động đó ngự trị lớp thanh niên suốt hai mươi năm ở miền Nam Việt Nam.

Nhớ lại như vậy không có nghĩa chỉ có Doãn Quốc Sỹ, nhớ như vậy là Doãn Quốc Sỹ đã đại diện cho lớp thanh niên thời ông có thái độ như trên trước thời cuộc đất nước. Nhớ lại như vậy cũng không có nghĩa kết án một ai, một thế hệ nào ở cận đại lịch sử nhưng là để nhìn cho rõ trong quá khứ một lần để thảnh thơi bước vào tương lai. Viva piano, va lontano.

Ngược lại, với những truyện như "Chiếc chiếu hoa cạp điều", "Trăng Sao" vân vân..., Doãn Quốc Sỹ đi thẳng tuột vào con người của tôi những bước chân son hoa gấm tuyệt vời của con người Việt, qua gia đình, xã hội và lịch sử. Với những truyện này, tôi mỗi lần nhớ về luôn luôn cảm thấy mình như một cô bé ngây thơ vì mải mê bắt bướm mà lại lạc vào vườn hoa rực rỡ những tinh tuyền của dân tộc.

Khốn nỗi những truyện như thế so với toàn bộ tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ chỉ như mấy chặng hiếm hoi để thái độ thụ động chán nản kia tạm bợ trốn tránh trong chốc lát, không được bằng đụn cát để con đà điểu sợ hãi chui đầu vào.

*
**

Không biết thực sự tôi có gặp Doãn Quốc Sỹ, đến nhà ông chơi một lần nào ở khu Thành Thái và Trần bình Trọng hay chăng? Hoặc do bạn hữu kể lại, do đọc tác phẩm Sầu Mây của ông rồi lâu nay tôi cứ đinh ninh là biết ông, nhận ra căn nhà gia đình ông trú ngụ? Hoặc tôi bị lây bệnh tâm lý "thấy kẻ sang bắt quàng làm họ"?

Mặc kệ. Tôi cứ đinh ninh như thế. Bởi một lý do duy nhất tôi biết rõ. Ông là một trong vài nhà văn sau năm 1954 tôi quý trọng.

Con đông, ông đã sống nghèo, đơn giản và tự nhiên với đồng lương khiêm tốn của nghề giáo. Lớn tuổi rồi, ông vẫn nỗ lực học hỏi nghiêm túc khi được đi tu nghiệp tại nước ngoài. Sau khi đi tù Việt Cộng về, văn chương ông bớt đi vẻ óng chuốt cũ nhưng ngòi bút ông vẫn sử dụng sắc bén, thâm trầm và có vẻ đằm thắm hơn trước.

Rồi một số bạn văn ra khỏi nước sau này kể lại rằng ông vẫn thường tổ chức công khai những sinh hoạt văn nghệ tại nhà ông. Rằng khi bị bắt giam lại, ông vẫn nói thẳng những gì ông làm, những gì ông nghĩ, và sống an nhiên tự tại qua nhiều nhà giam khác nhau. Cho đến bây giờ, cho đến phút giây tôi đang viết đây, ông vẫn còn bị giam cầm.

Ông đã trung thực với ông trong bộ trường thiên tiểu thuyết Khu Rừng Lau khi diễn tả tâm trạng ông, của lớp thanh niên thời thập niên 1940-50 và tiếp tục trung thực cả cuộc đời mình sau năm 1975, giữa sống và chết.

Ông luôn luôn trung thực với chính mình, trong đời sống lẫn trong tác phẩm. Ông xứng đáng tiêu biểu là một nhà văn suốt đời chiến đấu trung thực bằng vũ khí của nhà văn thuần túy, bằng ngòi bút và bằng thái độ sống của chính mình.

*
**

Nhưng sao tôi mường tượng thấy qua tác phẩm và thái độ sống của Doãn Quốc Sỹ cái chất lãng mạng của nhân vật Dũng trong "Đôi Bạn". Và riêng quãng đời của ông từ khi đi tù lần thứ nhất về đến lúc bị giam lại năm 1984 có đường nét phảng phất hành động tuẫn tiết của Nhất Linh năm 1963.

QUÍ ĐỘC GIẢ DÀI HẠN LƯU Ý

*Trên bì gửi báo, Văn Học có đóng dấu đỏ nhắc nhở quí vị khi đã tới gần hết hạn mua báo hoặc đã quá hạn. Trên nhãn địa chỉ, dòng số đầu tiên (ví dụ 967-13-24) thì số đầu tiên là số thứ tự của quí vị trên danh sách độc giả dài hạn, hai số sau có nghĩa là hạn báo từ số 13 đến số 24. Quí vị có thể xem vào đó để biết lúc nào hạn hết báo để gia hạn cho kịp thời. Sau khi nhắc 2 lần mà chưa nhận được tiền gia hạn, tòa soạn xin mạn phép ngưng gửi báo.

*Trong phiếu gia hạn, xin quí vị đề thêm hai chữ "gia hạn" để ban trị sự khỏi lầm với độc giả mới.

*Quí vị đổi địa chỉ, xin ghi luôn vào thư thông báo số thứ tự và địa chỉ cũ để tòa soạn dễ tra cứu.

Cám ơn.

Văn nghệ sĩ lại bị khủng bố!

Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy bị Hà Nội bỏ tù gần 10 năm !

Bài của Nguyễn Nam Phong

PHÁP TẤN XÃ.- Trong một bản tin từ Hà Nội gửi đi, đã xác nhận một sự kiện người Việt ở năm châu bốn biển đã biết từ hồi cuối tháng Tư vừa qua: việc nhà văn Doãn Quốc Sỹ, tác giả trường thiên tiểu thuyết *Khu Rừng Lau*, và mấy cây bút tên tuổi khác đã bị nhà cầm quyền Hà Nội bỏ tù nhiều năm.

Doãn Quốc Sỹ là ai? Tại sao bị bắt? Tại sao lại bị đưa ra trước vành móng ngựa ở một nước chẳng cần phải tòa án cũng có thể bỏ tù người ta mút mùa? Quan trọng hơn nữa, tại sao Hà Nội lại đi dùng guồng máy Tòa Án Nhân Dân để đàn áp mấy nhà văn miền Nam nổi tiếng vào lúc lải nhải nói toàn chuyện Đổi Mới và Khai Phóng?

Trước khi trả lời những câu hỏi như thế, chúng tôi xin phép được dịch hầu bạn đọc nguyên văn bản tin tiếng Anh của Pháp tấn xã hôm mồng 6 tháng Năm vừa qua. Bản tin đó là như sau:

HÀ NỘI, 6-5-88 (AFP)-- Doãn Quốc Sỹ, một trong những tiểu thuyết gia hàng đầu ở miền Nam Việt Nam trước kia, đã bị nhà cầm quyền Cộng sản bỏ tù chín năm vì tội hoạt động phản cách mạng, theo lời một phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao ở Hà Nội.

Như Hồ Thị Lan, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao, đã tuyên bố trong một cuộc họp báo ở Hà Nội hồi hôm qua thì "cách đây ít ngày" ông Sỹ, năm nay 61 tuổi, đã bị một tòa án ở Thành phố Hồ Chí Minh -- trước kia gọi là Sài-gòn -- bỏ tù cùng với năm "thành phần chống đối" khác.

Thị Lan còn nói rằng ông Sỹ đã bị kết án tù vì "hoạt động phản Cách mạng".

Trong một tuyên ngôn công bố cách đây ít bữa, Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã nói rõ thêm là vụ án đã cử hành hôm 27 tháng Tư vừa qua.

Từ mấy tháng nay, nhà cầm quyền Hà Nội đã có lần xác nhận rằng ông Sỹ bị bắt từ hồi tháng Năm năm 1984 sau khi -- như họ nói -- ông lại có hành vi phản cách mạng. Trước đó, ông đã bị cầm giữ suốt bốn năm và chỉ được phóng thích vào năm 1980.

Ông Sỹ đã bị bắt lần đầu tiên vào năm 1976, tức là khoảng một năm sau khi phe cộng sản lên cầm quyền ở Sài-gòn. Theo quan chức Cộng sản thì ông "bị bắt là vì tham gia hoạt động phản Cách mạng...chứ không phải chỉ vì làm nghề văn sĩ phản động dưới chế độ cũ."

Như một số nguồn tin Úc ở Hà Nội còn tiết lộ thì mấy ngày trước khi bị bắt lại năm 1984, ông Sỹ đã được cấp chiếu khán đi đoàn tụ gia đình tại Úc.

Nữ phát ngôn viên Bộ Ngoại giao ở Hà Nội còn đã liệt kê tên tuổi năm người khác cũng đã lãnh án tù trong dịp này, là như sau: Hoàng Hải Thủy, tám năm tù ở; Nguyễn Thị Nhạn, sáu năm tù ở; Nguyễn Thị Phước Lý, năm năm tù ở; Khuất Duy Trác, bốn năm tù ở; và Trần Ngọc Tự, bốn năm tù ở.

Thị Lan không chịu xác nhận hay phủ nhận những lời tố cáo của Hội Văn Bút nhưng như hội này đã nói, thì hai ký giả kiêm nhà văn Dương Hùng Cường và Nguyễn Hoạt đã kiệt lực và chết trong tù trước khi bị mang ra xét xử."

Đấy...bản tin Pháp tấn xã chỉ có thế! Một bản tin vỏn vẹn có khoảng 300 chữ mà sao nó hàm chứa bao nhiêu là đau thương, khổ lụy!

Nó súc tích như bài thơ Đường ngắn gọn nhất nhưng nó cũng ghê gớm như cáo trạng đọc ở các phiên Tòa Án Nhân Dân tổ chức trong khung cảnh đấu tố. Nó làm độc giả rụng rời chân tay như khi phải chứng kiến cả trăm cánh tay giơ lên hoan hô những án lịnh đẫm máu của các anh cán ngố được đôn lên làm chánh án trong những đợt "Cải cách điền địa" trước kia.

Nó còn làm người ta đương nhiên phải nghĩ đến vụ Nhân văn -- Giai Phẩm cách đây ba chục năm hơn, khi nhóm văn nghệ sĩ tài ba này bị kết tội phá hoại, một người như cụ Phan Khôi mà còn bị mắng là "ăn cháo đái bát", một thiên tài thi văn như Trần Dần bị ghép tội "phản động", và ngay Văn Cao -- tác giả quốc ca và hầu hết chiến đấu ca một thời Việt cộng chỉ "mần cách mạng" trong câu hát nơi đầu đường xó chợ -- một người công lao như thế mà còn bị lên án là một "con người phản phúc" và "một tên phù thủy toàn dùng âm binh để chọi nhau với Đảng."

Cứ xem những đoạn vừa trích và những việc cá nhân các cán bộ

Cộng sản đã làm gần nửa thế kỷ vừa qua thì thử hỏi thằng nào mới là đồ ăn cháo đái bát nhỉ? Thế rồi lại cứ nhìn những việc tập thể Cộng sản đã làm khiến cho nhân dân phải trở lại sống như "vượn", như Nguyễn Chí Thiện đã viết trong *Hoa Địa Ngục*, thì bọn nào mới là một phương "phản động" nhỉ?

Và rồi cuối cùng, chỉ cần nhớ lại những trò Hồ Chí Minh và Công ty đã bầy đặt từ năm 1945 đến giờ -- nhất là những lời thề ước chẳng bao giờ được họ giữ như chuyện dân chủ tự do, chuyện cơm áo thuốc men, chuyện xây dựng đất nước mười lần tươi đẹp hơn, chuyện hòa hợp hòa giải dân tộc, chuyện khuyên bảo các thành phần quân cán chính miền Nam đi "học tập cải tạo từ vài ngày đến một tháng", chuyện hứa không trả thù người miền Nam, vân vân -- thì thử hỏi tập đoàn nào mới gồm toàn một phường giá áo túi cơm, một lũ phù thủy phản phúc chuyên môn dùng những thủ đoạn ma giáo bẩn thỉu?

Đã đành là Doãn Quốc Sỹ đã biết câu trả lời cho những câu hỏi vừa kể. Tác giả *Khu Rừng Lau* thì còn lạ gì chuyện đó: ông đã biết tong Việt Minh, Việt Cộng từ hồi chúng còn ở trên rừng cơ mà...

Doãn Quốc Sỹ sinh ngày mồng 3 tháng Hai năm 1923 tại Hà Nội. Sau Hiệp định Giơ-Neo phân chia đất nước, ông di cư vào Sài-gòn, dạy ở Đại Học Văn Khoa và chủ trương Nhà Xuất Bản Sáng Tạo. Ông đã sáng tác nhiều và đều: năm nào ông cũng trình làng một hai cuốn, nhưng chỉ xin kể *Sợ Lửa* (1956), *Dòng Sông Định Mệnh* (1959), *Vào Thiền* (1970), và đặc biệt nhất là trường thiên tiểu thuyết nhiều tập *Khu Rừng Lau*.

Năm Ất Mão, miền Nam sụp đổ, nhân dân cả nước đổi đời...Doãn Quốc Sỹ mất việc dạy học, Nhà xuất bản Sáng Tạo bị bức tử. Chẳng biết gia đình họ Doãn làm sao mà sống...

Nhưng còn sống thì Doãn Quốc Sỹ còn giữ thiên chức của người cầm bút. Từ tháng Tư Đen 1975, ông vẫn sáng tác trong âm thầm, tuy không biết ngày nào gặp lại độc giả trong thơ văn. Bị Việt Cộng nhốt suốt bốn năm, từ năm 1976 đến năm 1980, ông bị chúng đầy lên vùng ma thiêng chướng khí -- Trại Gia Trung ở Gia Lai Công Tum -- ông vẫn nung nấu được một số cốt chuyện. Bị hành hạ đủ kiểu, bị bắt phải viết bản tự kiểm thảo từ hồi phát động nhóm Sáng Tạo, ông vẫn giữ nguyên khí thế của kẻ sĩ phu, nhất quyết không chịu đầu hàng một bọn người máy. Vừa ra tù, ông đã mau chóng viết xong một số tác phẩm, trong đó phải kể *Dấu Chân Cát Xóa*, một tiểu thuyết luận đề được Công an xem là đặc biệt có hại cho chế độ. Có dư luận cho rằng Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Thị Phước Lý, và Trần Ngọc Tự đều có ý tìm cách giúp ông gửi bản thảo sang vùng tự do nên mới bị vạ lây.

Cũng nên biết rằng trong khi Doãn Quốc Sỹ bị nạn ở trong nước thì mấy người con và bạn hữu ở nước ngoài đã vội rung nhiều hồi chuông báo động với thế giới. Tại Úc Đại Lợi, chẳng hạn, ái nữ Doãn Ngọc

Thanh cùng nhiều bằng hữu đã đến tận Tòa Đại sứ Cộng hòa XHCN Việt Nam phản đối. Đoàn đấu tranh sau đó đã đến quốc hội và được nhiều dân biểu nghị sĩ cấp liên bang tiếp kiến và mời tham gia một phiên họp của Hạ viện về chuyện bảo vệ nhân quyền ở các nước.

Ở các nơi khác, mấy tổ chức bảo vệ nhân quyền nhận đỡ đầu cho ông Sỹ. Tổ chức Ân Xá Quốc Tế và Hội Văn Bút Quốc Tế tìm cách can thiệp cho ông. Đặc biệt là Văn Bút Pháp đã nhiều lần yêu cầu nhà cầm quyền Hà Nội để cho một luật sư của họ, luật sư Mario Stasi, sang Việt Nam bào chữa cho ông. Như Luật sư Stasi còn cho biết thì ông đã yêu cầu Hà Nội cho ông qua bào chữa cho cả những người sau đây: (1) Thượng tọa Thích Đức Nhuận, tục danh Đồng Văn Kha, một lãnh tụ Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; (2) Đại Đức Thích Tuệ Sỹ, tục danh Phạm Văn Thương, Biên tập viên Đại Tự điển Bách khoa Phật giáo Việt Nam; (3) Doãn Quốc Sỹ; (4) Thích Nữ Trí Hải, tục danh Công Tằng Tôn Nữ Phùng Khánh, nhà văn; (5) Trần Dạ Từ, tục danh Lê Hà Vinh, thi sĩ; (6) Đại Đức Thích Trí Siêu, tục danh Lê Mạnh Thát, Biên tập viên Đại Tự điển Bách khoa Phật giáo Việt Nam; (7) Phạm Thiên Thư, thi sĩ; (8) Cô Nguyễn Thị Nghĩa, cán sự xã hội; (9) Hoàng Hải Thủy, nhà văn kiêm nhà báo; (10) Đại Đức Thích Nguyên Thể, GHPGVNTN; (11) Khuất Duy Trác, ca nhạc sĩ; (12) Đại Đức Thích Nguyên Giác, GHPGVNTN; (13) Dương Hùng Cường, nhà báo; (14) Thượng Tọa Thích Quảng Độ, một vị cao tăng đang bị đầy ải ra Bắc; (15) Thượng Tọa Thích Huyền Quang, một vị lãnh tụ Phật giáo đang bị đi đầy ở Quảng Ngãi; và (16) Đại Đức Thích Thông Bửu, đang bị đi đày ở Phú Khánh...Lời yêu cầu của Luật sư Stasi đã bị Hà Nội bác vì lý do ông không phải là một luật sư Việt Nam.

Nhưng người Pháp-lan-sa chỉ có lòng chứ chưa hiểu tâm ý và chính trị Cộng sản Việt Nam. Cộng sản xử dân còn chẳng xử theo luật lệ gì cả nữa là xử những thành phần chúng mệnh danh là "Biệt kích Văn hóa". Còn thế nào là "Biệt kích Văn hóa" ư? Tôi chẳng sao có thể trả lời được câu hỏi đó là vì Việt Cộng thì làm gì có "văn hóa" mà người ta phải "kích" chúng về mặt đó! Nhưng riêng mấy chữ "Biệt Kích Văn hóa" thôi cũng chứng tỏ chúng là một phường vô văn hóa...

Thực vậy, hai chữ *Biệt kích* và *Văn hóa* là hai chữ hoàn toàn mâu thuẫn với nhau. *Biệt kích* bao hàm chuyên "tấn công" mà tấn công theo kiểu biệt động, tức là đánh vào một mục tiêu nào đó rồi khuấy nát chỗ đó ra rồi rút đi ngay. Ngược lại, *Văn hóa*, không bao giờ nhằm mục đích tấn công hay phá hoại. *Văn hóa* chỉ nhằm biến cải, biến cải một cách uyển chuyển, những cái đang có, đưa nó theo một hướng đi lên. Một nhà văn hóa lại kiêm nhà giáo như Doãn Quốc Sỹ không đời nào thèm làm chuyện đánh đánh "biệt kích" theo kiểu đặc công Việt cộng. Chỉ tiếc cho Cộng sản là ông có ý khai hóa cho chúng mà chúng

không biết! Nhưng có lẽ chính vì vậy mà thay vì cứ im lìm bỏ ông vào tù, chúng mới phải đánh trống khua chiêng, họp "tòa án" để chính thức đưa ông vào khám.

Theo ý người cầm bút, trường hợp Doãn Quốc Sỹ có lẽ còn đã xảy ra như vậy là vì giới văn nhân nghệ sĩ trong nước -- kể cả bọn "con Đảng cháu Bác" -- hồi này đang có nỗ lực xét lại toàn diện vai trò của họ trong cuộc sống xã hội, kinh tế và chính trị của đất nước. Thực vậy, chỉ cần theo dõi một vài cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản và các tổ chức phụ thuộc trong độ hơn một năm qua, ta cũng có thể đoán biết phần nào một cuộc tranh luận đã khá ráo riết trong hàng ngũ văn công và nghệ sĩ tạo hình.

Trong tạp chí *Sông Hương*, số Xuân Mậu Thìn (1988), chẳng hạn, họa sĩ Bửu Chỉ đã đoan quyết: "Đã từ lâu rồi, tôi vẫn nghĩ và tin rằng quê hương của nghệ thuật là Tự do, và nghệ thuật đích thực phải thoát thai từ những con người sáng tạo có đầy đủ quyền làm người cùng tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội của họ, và lớn hơn nữa đối với Con Người..." Nói cách khác, Bửu Chỉ đã bảo với chúng bạn văn nghệ sĩ là họ chưa có Tự do, chưa có đủ quyền làm người, mà cũng chưa có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và bản thân."

Dương Thu Hương còn đi xa hơn một bước. Trong tờ *Đất Nước*, số 54, nữ tác giả này đã thẳng thắn cáo giác: "Khi các cán bộ Đảng tự cho phép mình đóng vai trò khủng bố, răn dạy văn nghệ sĩ và trí thức...thì họ chỉ sẽ tập hợp được những tên lính đánh thuê, những tên nô lệ cho danh vọng và cái dạ dày của mình, những kẻ ngụy trá văn nghệ sĩ và trí thức, thực chất là lớp công chức thuộc địa".

Ở một đoạn sau, Dương Thu Hương còn đã phẫn tỉnh thật cay đắng: "Thực sự là trong một thời gian dài vừa qua, đại bộ phận trí thức chân chính, những người tôn trọng lẽ phải và sự thật, đã im tiếng. Sự thật là những ai thấu hiểu sứ mạng chân chính của văn nghệ đều không thể nào chấp hành những ngôn từ giả trá nhằm dựng trên bề mặt của tờ giấy một trạng thái lạc quan ngụy tạo để che đậy đời sống thực của dân tộc đầy biến động và hiểm nguy. Sự thực là những dòng chữ lừa mị cũng gây nên tội ác đối với đời sống chung của nhân dân đứng như những bản thống kê kinh tế mà và những bản báo cáo thành tích gian dối."

Dương Thu Hương kết luận: "Nửa cái bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng nửa sự thực không phải là sự thực".

Nhưng nói chung thì văn nghệ sĩ XHCN vẫn chỉ là một bọn văn công, làm việc theo "cảm hứng Nhà Nước" (chữ của báo Văn Nghệ). Chiến sĩ Nhân quyền Võ Văn Ái, trong *Thư Ngỏ gửi các Anh Chị Văn nghệ sĩ thuộc Nhà Nước XHCN*, đã dùng ngay văn chương chữ nghĩa của tập đoàn văn công XHCN để mô phỏng những thắc mắc, lo âu,

dằn vặt của họ trong lúc này. Thực vậy, tuy đã rõ chủ trương của Đảng bây giờ là tìm cách Đổi Mới, họ vẫn chỉ có thể viết:

"Do điều kiện chiến tranh, trong văn học nghệ thuật, ta đã thường chỉ nói một chiều. Chỉ nói thắng lợi không nói thất bại; chỉ nói thành tích không nói tổn thất; chỉ nói sự đúng đắn không nói sai lầm...tuy ai cũng biết rằng mỗi thắng lợi trong cuộc chiến tranh đều đã phải trả giá bằng biết bao nhiêu tổn thất, hi sinh, thất bại, và cả sai lầm cay đắng...Điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh cũng dễ dẫn đến khuynh hướng đồng nhất tất cả với chính trị. Cả giáo dục, cả văn học nghệ thuật, thậm chí cả những phạm trù khoa học như sử học, đạo đức học, tâm lý học...đều nhất loạt bị đồng nhất với chính trị...Quyền suy nghĩ là quyền của cấp trên." (Nguyên Ngọc, bài "Cần phát huy đầy đủ Chức năng Xã hội của Văn học Nghệ thuật", *Văn Nghệ* số 44).

Về cái gọi là "văn học minh họa", Nguyễn Minh Châu đã viết:

"Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu ninh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can, ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn..." (Nguyễn Tuân cũng đã nói: "Thì ra cái nét chung của chúng ta lúc này là cái nét sợ, các ông ạ. Sợ đến cả những cái chẳng đáng sợ nữa...Sĩ khí nhà văn chúng mình...Buồn quá!"

Nhưng có lẽ một nhà thơ, ông Văn Long, mới đã giải bày tâm sự rõ nét hơn cả. Trong bài "Nghĩ về Thơ hôm nay", ông đã viết:

"Mình như con gà công nghiệp, quen ánh sáng nhân tạo, quen thức ăn tổng hợp, nay thả ra thì bay không biết bay, bơi không biết bơi."

Nói cách khác, văn nghệ sĩ XHCN đã bị Đảng "điều kiện hóa" hoàn toàn, bây giờ chẳng khác gì con chó của nhà khoa học Nga Pavlov. Nhà nước XHCN muốn cho họ viết gì thì họ sẽ viết cái đó. Trăm kỳ mười họa, cũng có lúc họ bị lương tâm cắn rứt và muốn làm "một cái gì khác", nhưng nghĩ đến vỡ óc cũng không ra. Văn chương miền Nam trước kia cũng gọi họ là gà nhưng là "gà nuốt dây thun".

Trong số những người chính thức làm nghề viết văn ở Cộng hòa XHCN trong lúc này, có lẽ chỉ có vài người là chưa đến nỗi đầy ruột dây thun. Hoàng Phủ Ngọc Tường, kẻ một thời "ăn cơm quốc gia, thờ ma Cộng sản" nên còn tiềm nhiễm một chút tự do tư tưởng, là một trong mấy người đó. Trong bài "Lẽ Công bằng" đăng trên báo *Văn Nghệ* số đầu năm nay, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã cả gan khuyên chúng bạn đừng đồng hóa Cách mạng Cộng sản và tất cả những gì văn nghệ sĩ nói riêng và nhân dân nói chung mong ước. Tường viết: "Đã đến lúc chúng ta cần chấm dứt cái niềm tin ngây thơ rằng hễ cứ giải phóng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội là Cách mạng đã mang đến sự công bằng như món quà tặng vĩ đại nhất để trao cho nhân dân".

Người thứ hai còn dám nghĩ, dám nói, là Dương Thu Hương. Bà đã viết: "Một dân tộc muốn tồn tại và hoàn thiện, không chỉ cần có

khả năng chống đỡ ngoại xâm. Dân tộc đó còn phải có khả năng tạo dựng và vận động để mỗi lúc mỗi tự hoàn thiện mình."

Trong cả ngàn văn nhân nghệ sĩ ăn lương của Nhà Nước XHCN, chỉ Hoàng Phủ Ngọc Tường và Dương Thư Hương là đã hơi bấm mạch được bịnh tình con bệnh Việt Nam. So với những văn nhân nghệ sĩ miền Nam, những người đã bị tù đầy, những người đang chính thức bị treo bút, treo đàn, treo đồ nghề hội họa hay tạc tượng nhưng vẫn viết, vẫn đàn, vẫn vẽ, vẫn tạc tượng -- cơ khi phải viết, phải đàn, phải vẽ, phải tạc tượng trong óc, trong tim -- thì họ chỉ là những đứa học trò lớp Năm, lớp Ba.

Thực vậy, một nhà văn kiêm triết gia như Doãn Quốc Sỹ, một dịch giả như Hoàng Hải Thủy, một ký giả cỡ Nguyễn Tú, một nhạc sĩ như Nguyễn Đình Toàn, một nghệ sĩ điêu khắc như Nguyễn Thanh Thu (tượng Thương Tiếc), và nhất là một họa sĩ cỡ Nguyễn Hải Chí (tự "Chóe") mà được tự do tư tưởng, tự do sáng tác, tự do hành nghề thì những vấn đề liên hệ đến Khai Phóng, Đổi Mới Tư Duy, Cải tổ Cơ cấu sẽ được đem ra tranh luận nồng nhiệt ngay! Cùng với hàng trăm hàng ngàn những người ẩn dật ở đâu không kể xiết, những vị vừa được chúng tôi nêu tên tuổi có tham gia vào cuộc thảo luận, tham gia cả bằng sự hiện diện tại thảo trường lẫn sự có mặt ở văn đàn và bằng tác phẩm, thì những vấn đề nan giải của đất nước mới được phân tách đâu ra đấy, để rồi một giải pháp hợp tình thuận lý có thể trồi nở với sự tán đồng của quần chúng. Không có sự đóng góp của những thành phần ngay Hồ Chí Minh còn phải gọi là "Kỹ sư của tâm hồn", thì tập đoàn cầm quyền Hà Nội vẫn chỉ mãi mãi là một bọn du thủ du thực, một lũ ăn cướp may mắn được làm vua. Và vì xuất thân du thủ du thực, chúng chỉ quen một phương pháp trị nước, là dùng võ lực áp đảo những người chưa chịu tôn phù chúng.

Nguyễn Văn Linh và tập đoàn đang ngự trị ở Bắc bộ phủ vẫn chưa thoát được nếp sống, nếp nghĩ của một bọn thảo khấu chỉ sợ mất mồi ăn, nên chúng không thể chấp nhận bất cứ ai không suy nghĩ rập khuôn như chúng.

Doãn Quốc Sỹ và các bạn đã bị bỏ tù chỉ là vì họ còn giữ được ngọn lửa Tự do cháy trong tâm can, còn giữ được chút sĩ khí của người cầm bút, còn sáng tác được những văn phẩm đầy nhân tính trong một cuộc sống đầy bất trắc, hiểm nghèo. Những người như Doãn Quốc Sỹ mà còn chưa bị hoàn toàn bịt mồm bịt miệng thì những tác phẩm của họ, dù phải trốn chui trốn nhủi, cũng sẽ được quần chúng tìm đọc. Trầm trọng hơn nữa, những tác phẩm đó sẽ được bọn văn công lùng kiếm, hi vọng học hỏi được ở nơi đó một số bí quyết không làm sao tìm thấy trong mấy nghị quyết Đảng. Và rồi sẽ có lúc, dù muốn dù không, những tay làm văn nghệ trong chế độ Cộng sản cũng sẽ khám phá ra là

Tự do, Sĩ khí, và Nhân tính là những cái Đảng không làm sao cho họ được. Những việc đã xảy ra bên Trung Quốc và Liên Xô – như vụ bỏ tù Ngụy Kinh Sinh (1) mười mấy năm và vu hạ ngục người chủ tương Liên Xô phải có đảng đối lập (2) -- chỉ chứng tỏ cho họ rằng những người như Doãn Quốc Sỹ chính là biểu dương rõ rệt nhất của Tự Do, Sĩ Khí và Nhân Tính....

NGUYỄN NAM PHONG
Úc, ngày 28 tháng Năm 1988

---

(1) Ngụy Kinh Sinh là một thanh niên Trung quốc đã bị một tòa án Bắc Kinh bỏ tù 15 năm vì tội "tiết lộ bí mật quốc phòng". Nhưng tội của anh không phải là thế. "Tội" của anh chỉ là đòi hỏi chế độ Cộng sản Trung Hoa phải cho nhân dân được hưởng thêm tự do, dân chủ. Như anh viết trong báo *Thám Sách* thì chương trình Bốn Hiện đại hóa sẽ chẳng mang lại kết quả gì nếu Trung quốc không có một chế độ chính trị tự do dân chủ hơn.

(2) Như Ngụy Kinh sinh, các thành phần đang đòi hỏi thêm tự do dân chủ ở Liên Xô cũng bị ghép những tội như thế. Theo tin tức từ Liên Xô gửi đi trong mấy tuần lễ vừa qua thì nhân dân nhiều địa phương cũng đã đòi cái này cái kia và trong hiện tình chính trị trong nước, chưa bị đàn áp. Nhưng người ta vẫn ngài ngại giới hạn chủ nghĩa khai phóng của ê kíp đang cầm quyền.

Nhưng đùng một cái, Sergei Grigoryants bị Công an bắt bỏ tù. "Tội" của ông là xuất bản một tờ báo lậu tên là *Glasnost ("Khai phóng") chủ trương Liên Xô phải có một chế độ lưỡng đảng thì chính trị Nga mới có ngày cởi mở và kinh tế Nga mới có ngày thoát khỏi những ràng buộc xiết cổ nó.*

Quỳnh Giao

Nhạc trong văn Doãn Quốc Sỹ

Tôi đọc Doãn Quốc Sỹ từ khi còn ở Trung học, bắt đầu bằng "Dòng Sông Định Mệnh". Tôi bị lôi cuốn ngay bởi giọng văn trong sáng, lãng mạn, bởi câu chuyện tình thơ mộng và thánh thiện đó.

Đa số bạn tôi lúc bấy giờ đang hâm mộ "Yêu" của Chu Tử, và "Vòng Tay Học Trò" của Nguyễn Thị Hoàng.

Ngày nào cũng vậy, vào giờ ra chơi, chúng nó bàn về mối tình chú Đạt — cháu Diễm, về chuyện tình cô giáo và cậu học trò...như một vấn đề thời sự nóng bỏng vậy. Thường thường thì tôi im lặng vì chẳng biết bàn bạc gì.

Có hôm, một đứa hỏi:

— Bồ thích đọc ai?

Tôi lúng túng:

— Doãn Quốc Sỹ!

Cả bọn nhìn tôi ngạc nhiên. Rồi một đứa buông ngay lời phê bình:

— Cổ lỗ sĩ!

Cũng nhà phê bình đó, đặt câu hỏi:

— Tại sao?

Tôi bị lúng túng. Ở cái tuổi mười bẩy, mình chỉ cảm nhận được ý thích của mình, mà không giải thích được. Nhất là với lũ bạn gái Gia Long tinh quái và nghịch ngợm ấy. Rồi như một phản xạ tự nhiên, tôi vớ lấy cái phao — như một ánh chớp — lóe trong đầu tôi ngay lúc đó, tôi bật lời:

— Tại vì ông ấy hay viết về nhạc.

*
* *

Câu chuyện năm xưa trở về trong ký ức tôi hôm nay. Tôi không ngờ, hai mươi mấy năm sau, khi đọc lại ông qua bao nhiêu tác phẩm,

câu trả lời chớp nhoáng, bất ngờ và thẳng thốt đó chính là sự thật.

Nói như thế không có nghĩa là tôi yêu mến văn Doãn Quốc Sỹ chỉ vì ông hay viết về nhạc. Trước hết, phải nói là tôi yêu mến văn tài của ông, và yêu cả cái đạo đức, cùng phong cách một nhà giá, ở ông.

Sự nghiệp lẫy lừng của ông qua các tác phẩm giá trị, đã đưa ông đến ngôi vị ưu tú nhất văn đàn Việt Nam. Theo thiển ý của tôi, thì Doãn Quốc Sỹ và Võ Phiến là hai nhà văn hàng đầu về tư tưởng và triết lý sống kể từ 1954. Cõi văn của Doãn Quốc Sỹ luôn luôn có đủ hai khía cạnh: Văn chương và tư tưởng. Đọc Doãn Quốc Sỹ không phải để giải trí, càng không phải để mộng mơ xa rời thực tế, hoặc chán chường cuộc đời. Đọc Doãn Quốc Sỹ xong, càng thấy suy nghĩ, cảm thấu, càng thấm nhuần lòng nhân bản, yêu đời, yêu người, dù trong dạ có xót xa, đau đớn. Luôn luôn tôi tìm thấy ở tác phẩm của ông một bài học về tình thương. Từ những cuốn viết từ khi ông còn trẻ (Dòng Sông Định Mệnh, Gìn Vàng Giữ Ngọc) cho đến lúc tuổi đã xế (Sầu Mây, Đi) cho chúng ta nhận rõ con người trong sáng, đôn hậu và bình dị của ông. Cách thế chống Cộng chân phương và hiền lành ở Doãn Quốc Sỹ, có hiệu lực gấp vạn lần những biểu ngữ, truyền đơn đao to búa lớn.

Viết về ông quả là điều khó, ngay cả đối với những người cầm bút thực sự. Bởi vì kích thước quá lớn của ông, người ta không thể viết bằng một bài tạp bút được. Trong ý nghĩ đó, tôi chỉ xin được viết về một khía cạnh nhỏ, nhưng rất sâu đậm trong những tác phẩm của ông, đối với riêng tôi: Lòng yêu nhạc của Doãn Quốc Sỹ.

Doãn Quốc Sỹ hay viết về nhạc. Nhạc mà ông nói đến không phải để làm dáng. Cũng không phải để làm tăng cái tính chất thơ mộng cho không khí của câu chuyện như một loại musique de fond. Ông nói về nhạc như một người hiểu biết, sành sõi, nói lên sự rung động chân thành của mình về bài nhạc, về người viết nhạc, và đôi khi về cả xuất xứ của bản nhạc. Ông đặc biệt yêu nhạc classique. Đọc những đoạn viết về nhạc của ông, tôi có cảm tưởng ông đã hé cửa cho chúng ta thấy cái tính chất ủy mị, lãng mạn mà cao quý đằng sau bề mặt uy nghi dũng cảm.

Có lẽ tôi khó lòng ghi lại hết tất cả cảm tưởng của mình qua hầu hết những đoạn văn viết về nhạc của ông, bởi lẽ ông viết đến nhạc nhiều quá, hầu như cứ vài đoạn lại thoáng thấy có nhạc, như những nét nuances của một bài nhạc vậy.

"Dòng Sông Định Mệnh" là tác phẩm đầu tiên tôi đọc của Doãn Quốc Sỹ. Nó gây một ấn tượng rất mạnh trong đầu tôi. Tôi yêu mối tình của Thiệu và Yến. Yêu đến nỗi (lúc bấy giờ) tôi mơ ước sau này khi lớn lên, sẽ có người yêu tôi như Thiệu yêu Yến. Mối tình ấy trong sáng quá. Đó là một thứ *tình yêu thánh hóa* rồi. Yêu nhau đằm thắm mà không một lần dám trao hôn. Thanh khiết đến thế là cùng. Và vì

thế mà họ hẹn nhau (trong ý tưởng):

"Kiếp sau em làm vợ anh, tình chúng ta chân thành, nhất định kiếp sau em là vợ anh".

Và đây, đoạn nhạc đánh dấu sự hội ngộ của Thiệu và Yến, sau bao nhiêu đổi thay, từ mối tình trong sáng tự thuở ấu thơ cho đến lúc di cư vào Nam, Yến đã góa chồng và có hai con!

"Nhiều lúc Thiệu cất tiếng hát khe khẽ, tiếng hát thoát ra tự cõi vô thức vì chính Thiệu, Thiệu không ngờ rằng mình hát. Giọng chàng âm thầm lắm thì phải, chàng hát bản "Tình Ca Không Lời" (Romance Sans Parole, của Mendelssohn)...

Có ai đã từng yêu và trải qua trạng thái này mà không "thông cảm" với Thiệu! Khi yêu, người ta điên rồ lắm, và làm nhiều chuyện bất ngờ. Hát vang lên mà không ngờ mình hát, Thiệu đáng yêu quá trong sự ngông cuồng đó.

Vào giữa truyện, Thiệu được học bổng đi du học về mỹ thuật. Tạo, bạn thân nhất của Thiệu, đã đàn bản "Marche Funèbre" của Beethoven tặng Thiệu trước khi Thiệu lên đường với ý tưởng: *"Nghe khúc này, người ta có cảm tưởng như cùng đám tang đi vào mầu hồng rực. Tôi nghĩ rằng cậu đương đi vào tương lai mầu hồng của sự nghiệp, nhưng mang theo một cái tang trong lòng* (xa Yến)"

Doãn Quốc Sỹ đã viết như vậy, để phân biệt với "Marche Funèbre" của Chopin có nét ảm đạm, và màu xám thê lương của cái chết.

Về sau, Thiệu kết hôn cùng Suzanne, một giáo sư dương cầm. Thiệu yêu Suzanne vì nàng mang hình ảnh của Yến, nhất là mái tóc.

Đây là đoạn nhạc của giây phút tỏ tình giữa Thiệu và Suzanne, sau khi Thiệu hoàn tất những croquis về tiếng đàn của Suzanne:

— *"Zizi có thấy không...lúc đó nàng chơi bản Valse le Désir của Beethoven. Chàng họa sĩ nhắm mắt lại nghe tiếng đàn thoạt nhỏ rồi lớn dần lên, để sau cùng tới một tiếng kêu thất thanh, như người con gái trong đôi tay tình nhân thoạt mơn man rồi điên dại. Chàng họa sĩ đâu có vẽ kỳ quặc, người con gái đâu có mất thăng bằng. Nàng nằm trong tay người tình nhân vô hình!"*

Đọc đoạn này, tôi có cảm tưởng ông bị ảnh hưởng của "Sonate à Kreutzer" của Tolstoi.

Trường thiên tiểu thuyết "Khu Rừng Lau" của Doãn Quốc Sỹ là tác phẩm tôi yêu thích nhất. Theo tôi, nó có cái không khí của "La Guerre et la Paix" của Leon Tolstoi. Tất cả những thảm kịch của cuộc đời, của chiến tranh và những diễn biến của nó được Doãn Quốc Sỹ lồng vào khéo léo trong bối cảnh lịch sử. Trong truyện chúng ta bắt gặp và chứng kiến những tình mẫu tử thiêng liêng, tình vợ chồng bền chặt, tình bạn cao quý, tình anh em đằm thắm, cùng với những hận thù chất ngất, những căm hờn ngùn ngụt, những đê tiện, xấu xa, lừa bịp của cái gọi là chủ nghĩa...

Mối tình của Kha và Miên khác với Thiệu và Yến. Miên là một thiếu nữ thùy mị, trong trắng. Kha là một thanh niên từng trải, đã trải qua một mối tình tan vỡ. Kha yêu Miên dịu dàng, độ lượng như yêu một người em gái. Mẫu đàn ông trong truyện của Doãn Quốc Sỹ luôn luôn độ lượng và cao thượng.

Có hai lần, trong tập I (Ba Sinh Hương Lửa) Doãn Quốc Sỹ đem nhạc vào truyện để làm tăng cái cảm xúc đến tột độ cho độc giả. Nhạc ở đoạn này không là nhạc cổ điển Tây phương, mà là những bài hát đại chúng thôi.

Đoạn thứ nhất, như sau:

"Liệt, một thanh niên rất xấu trai: đầu trọc tếu một cách khôi hài, khuôn mặt dài rất nhiều trứng cá, nước da mai mái hơi ngả sang vàng khè của những người bị sốt rét kinh niên, cặp môi dầy...Thế mà khi Liệt hát, giọng hát Liệt rất trầm, ấm dịu nên đã gợi được hết tình ý buồn thảm của lời ca, hơn nữa Liệt hát với tất cả sự say mê của một nghệ sĩ phụng sự nghệ thuật, vẻ hề của Liệt biến hẳn, không để lại một vết tích nhỏ, dưới ánh điện yếu ớt của toa tầu, khuôn mặt Liệt như co rúm lại trong một niềm thống khổ trang nghiêm. Bài hát Liệt trình bày là "Nguyễn Thái Học" một bài ca buồn thảm, do một nhạc sĩ vô danh sáng tác.

Liệt còn hát bài này, một lần nữa, vào nửa đêm thanh vắng, sau khi trong ngày đã chứng kiến vụ bức tử của một chiến sĩ quốc gia.

Lần thứ hai, Doãn Quốc Sỹ dùng một bài hát để gợi kỷ niệm thương đau của đôi bạn nhỏ Đồng và Uy, nạn nhân của một sự lừa bịp tàn khốc. Khi Đồng tự sát mở màn cho cả một chiến dịch tự sát sau này, Uy ngồi nhớ bạn. Đoạn ấy như sau:

"Uy ngồi dưới bàn viết với ánh đèn leo lét. Có tiếng hát từ xa vọng lại.

Bà...Bà mẹ ơi!

Bà đến cho đời thêm tươi...

Một kỷ niệm âm thanh đã gợ lên những kỷ niệm của hình bóng. Uy khẽ nói: "bài hát của Đồng" rồi gục mặt xuống bàn.

Đồng không bao giờ thuộc hết một bài hát nào. Trong những buổi sinh hoạt, mỗi khi đồng ca, Uy thường mỉm cười nhìn miệng Đồng "a...a". Nhưng đặc biệt bài "Mẹ Nuôi Chiến Sĩ" thì Đồng thuộc cả điệu lẫn lời từ đầu đến cuối và hát nghe thật nhẹ nhàng, thanh thoát, lột hết được sự rung động thành kính. Uy hiểu rằng âm điệu và ý nghĩa bài đó gợi lên mối tình mẫu tử xa xôi, chính là những điều mà Đồng hằng khao khát trong tiềm thức.

Tác động mãnh liệt của nhạc đối với những kỷ niệm của Uy (hay chính là đối với tác giả) đem đến sự xúc cảm đến nghẹn ngào cho độc giả.

Cuốn "Sầu Mây" Doãn Quốc Sỹ viết vào năm 1970 sau khi đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ, lần này nói đến nhạc và Thiền. Cũng năm 1970, giữa những tao loạn cùng cực của chiến tranh, tư tưởng về đạo Thiền đã được phổ biến ở Saigon, Doãn Quốc Sỹ đã viết "Vào Thiền" một tùy bút có thể không được phổ biến bằng những tác phẩm khác mà ông đã viết trước và sau đó, nhưng con người thánh thiện và đầy dũng cảm này đã thực sự vào Thiền.

"Sầu Mây" là một tác phẩm viết về đời sống và tâm tư của một thanh niên Việt Nam ở Hoa Kỳ. Trong truyện, Huy, chàng thanh niên Việt, cảm mến và yêu Crys, một thiếu nữ Mỹ học nhạc, yêu nhạc và yêu dân tộc Việt Nam. Ở tác phẩm này, Doãn Quốc Sỹ không chỉ nhắc tên bài nhạc, ông còn phân tích tỉ mỉ, cảm tưởng của mình nữa.

Đây là một đoạn phân tích:

"Beethoven chỉ cho mình nghe thòm thèm rồi lập tức để nó chạy trốn vào đám âm thanh tít mù. Đôi khi mình có bắt gặp chúng thấp thoáng ẩn hiện ở một vài bè khác như một bóng ma đương tự dẫn lối mà đi để hoàn tất lấy giai điệu khao khát trong tâm tưởng. Thực khác hẳn với Handel chẳng hạn, giai điệu tròn trình như những luống cầy có đầu có cuối vuông vắn, hay với Mozart giai điệu vừa tròn trình lại vừa uyển chuyển như én liệng ngày xuân."

Và sau đây là Nhạc và Thiền, trong một đoạn Crys viết cho Huy:

"Anh biết không, tuần vừa rồi em có phần trình diễn độc tấu trên sân khấu. Thưởng thức nghệ thuật là vươn lên với Thượng Đế, sáng tác nghệ thuật là đồng hóa với Thượng Đế."

Huy cũng có lần nói:

"Tôi vẫn yêu tiếng Cello, thoạt yêu vì cầm, nhưng rồi nhiều khi buồn nản về cõi thế, về tình hình đất nước, tôi nghiêng dần thương mến về Cello. Tiếng đàn trầm đó nhiều khi như thủ thỉ ngỏ lời tâm tình, nhiều khi như dìu tư tưởng tôi đi vào chiều sâu của tâm tư.

Gần đây nhất, tôi đọc "Đi" của Hồ Khanh, mà theo giới hiểu biết là biệt hiệu khác của ông. Vẫn với giọng văn đôn hậu, nhân ái, và đôi lúc dí dỏm, cả câu truyện cho thấy tình yêu thương vợ con đằm thắm của ông. Tôi đặc biệt yêu nhân vật Bích ở trong truyện, cháu gái của ông, được mô tả là một thiếu nữ hồn nhiên, "gà tồ", và có ngón đàn rất hứa hẹn. Bích "tồ" đã đàn được Sonate pathétique của Beethoven rất vững, khiến hai bác trai xoa đầu mà rằng *"Bác nghe dĩa Arthur Rubinstein chơi bản này cũng chẳng hơn cháu là bao!"*

Tôi yêu Bích tồ vì tôi liên tưởng đến một số học trò nhỏ của tôi. Những đứa trẻ càng hồn nhiên, thơ ngây và thẳng thắn thì càng có khiếu về nhạc. Dường như bản chất thơ ngây đó khiến trực giác và sự cảm nhận bén nhậy hơn. Từ sự tự nhiên, hồn hậu, ý nhạc được diễn tả chân thật mà trở nên có hồn. Trẻ khôn ngoan quá, đôi khi làm "lố" điều cần thiết, sự truyền đạt (interpretation) trở nên giả tạo.

Tập truyện ngắn "Gìn Vàng Giữ Ngọc" của Doãn Quốc Sỹ không viết về nhạc, nhưng tôi rất thích thú vì những tư tưởng nhân ái về cuộc đời ở ông. Nhất là hai truyện ngắn "Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều" và "Gìn Vàng Giữ Ngọc". Tôi không quên câu nói

"Ở thế giới thực dân tư bản, người ta tung vật chất để giam lỏng linh hồn, ở thế giới thực dân cộng Sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành. Thấy tôi hằng kiềm chế được nóng giận và nhất là vẫn mỉm cười, khi ứa nước mắt, các bạn bè thân thương khen tôi có thái độ hồn nhiên của Trang Chu. Các bạn có ngờ chăng thái độ hồn nhiên đó là kết quả của biết bao cảnh cơ hàn mà tôi đã trải qua".

Và tư tưởng hiền lành, nhân ái đó được bộc lộ trong "Gìn Vàng Giữ Ngọc":

"Nếu quả sống với nhau là một nghệ thuật, hãy gìn vàng giữ ngọc cho nhau, vàng ngọc của tâm hồn. Hãy dừng lại nơi thiện chí chân thành của nhau, hãy giúp nhau thổi thêm ánh sáng vào những lúc hồn chợt lóe bình minh, để cùng chia vui giây phút thiên thần."

*
* *

Điều làm tôi thắc mắc, thật tình thắc mắc là con người đôn hậu Doãn Quốc Sỹ, với ngòi bút chân phương và hiền lành đó, làm sao phản ảnh được cái tiêu cực một cách trọn vẹn — phải viết là cái xấu xa tột cùng — của chế độ Cộng Sản, đến nỗi bị giam hai lần, và lần thứ nhì bị tù bốn năm rồi mới được đem ra xử, tuyên án rõ rệt tù chín năm? Tôi thiển nghĩ, rất đơn giản, là Doãn Quốc Sỹ có ghét ai, cố tình bôi đen nói ác cho ai thì cũng khó thuyết phục được người đọc. Văn ông trong sáng quá, ý tưởng của ông thanh cao và lương thiện quá. Ngòi bút của ông thực sự không có cái đanh ác, tai quái, cái phân tích tỉ mỉ để vạch ra những xấu xa đê tiện của xã hội ông đang sống đến độ "hiện thực" theo kiểu xã hội chủ nghĩa.

Sự thánh thiện ở ông, giữa những so đo tính toán, những độc ác nham hiểm của chế độ là một sự lạc lõng. Vì chính sự thanh cao, chừng mực, vì những điều thánh thiện ông viết ra, vì những ý tưởng bình dị, đôn hậu đó mới làm nổi bật cái quay quắt tàn khốc của đời sống con người, khi bị đẩy vào đời sống của loài thú.

Mấy năm về trước, tôi có được nghe câu chuyện kể lại từ một người bạn. Câu chuyện được nhà văn Nguyễn Hoạt ghi nhận về Doãn Quốc Sỹ ở trong tù, lần thứ nhất. Họ bắt ông khai lại lý lịch, vì trong tờ khai đầu tiên, Doãn Quốc Sỹ đã viết về nghề nghiệp của ông: "Nhà văn chống Cộng" Trả lời câu hạch hỏi của Việt Cộng, ông nói: *"Đã là nhà văn, muốn viết sự thật, thì phải là nhà văn chống Cộng, chứ làm sao khác."* Họ còng tay ông giải lên Công an, hỏi ông câu "Ai thắng ai." Ông trả lời, có khác gì một đoạn văn trong liệt truyện của Sử Ký Tư

Mã Thiên:

— *"Chúng tôi thắng. Chúng tôi chống các anh trên bình diện tư tưởng. Các anh phải năm người có vũ khí, còng tay tôi rồi mới dám hỏi câu này. Các anh thua rồi!*

Con người thánh thiện đó, trước bạo lực, đã có những trả lời đơn giản mà ghê khiếp như vậy. Tôi không thể không nghĩ đến cái DŨNG của bậc đại trí.

Viết về Doãn Quốc Sỹ, về "nhạc tính" trong các tác phẩm của ông, mà không nói đến thực tại ông đã và còn đang trải qua, tôi vẫn thấy mình thiếu sót. Sự trong sáng của tâm hồn Doãn Quốc Sỹ giải thích sự mẫn cảm đầy hiểu biết của ông đối với bộ môn nghệ thuật song hành với bộ môn văn chương. Sự trong sáng đó đến từ một tâm hồn thánh thiện, và một nghị lực dũng cảm phi thường. Ở Doãn Quốc Sỹ, điều này giải thích điều kia. Ở Doãn Quốc Sỹ, văn tài, đạo đức và sự thuần khiết của cái Tâm vững chãi...tất cả đều là một, không thể tách rời, không hề xa cách.

Tôi thường nghĩ là mỗi bộ môn nghệ thuật, khi đi tới tột đỉnh của nó, đều gần gũi với Thiền.

Nghệ thuật viết và sống của Doãn Quốc Sỹ đã đi tới đỉnh cao của nó. Ông có viết về Nhạc và Thiền, điều đó thật thích hợp với lối sống của ông, một lối sống rất Thiền, rất bình thản trước mọi chông gai, thử thách.

Tôi không hiểu là rồi đây, người Cộng Sản sẽ còn làm gì để xử trí một trường hợp đơn giản mà lại khó hiểu đến như vậy. Họ sẽ làm gì khi tiếng xiềng xích loảng xoảng ở chung quanh vẫn không át được tiếng nhạc âm vang từ trong tâm ông?

Doãn Quốc Sỹ vẫn là người tự do, khi đứng giữa sự độc ác mà vẫn giữ cho tâm mình được thơm lành, giữ cho lòng mình không oán hận, giữ cho tiếng nhạc thiều vang dậy trong tim...

12 tháng 7, 1988
QUỲNH GIAO

Điểm sách

"Những tên biệt kích cầm bút"

Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội xuất bản

Do một sự tình cờ tôi được đọc cuốn sách "Những tên biệt kích cầm bút". Nhân cách đây không lâu tôi đến thăm một người bạn, gia đình có người mới qua Pháp đoàn tụ, trên bàn nhà anh ta có để cuốn sách đó, tôi đọc thấy tên sách lạ lùng và nhìn đến tên nhà xuất bản, tôi cầm lên giở vài trang thấy tên những nhà văn đang bị cộng sản cầm tù như Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, v.v. tôi chăm chú đọc. Thấy tôi chú ý đến cuốn sách, anh bạn cho tôi mượn và nói rằng của người nhà mới qua Pháp mang sang. Tôi cảm ơn mang về.

Tôi đã đọc một mạch hết cuốn sách đó, cuốn sách mang tên "Những tên biệt kích cầm bút" của "nhà xuất bản Công an Nhân dân" xuất bản năm 1986 hay đầu 1987 (vì không để ngày xuất bản) và do hai tác giả Minh Kiên và Nam Thi cùng viết. Sách dày 175 trang, in trên giấy xấu loại giấy sản xuất ở trong nước. Toàn bộ cuốn sách nói về việc bắt giam các nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, và Khuất Duy Trác và đặc biệt nhấn mạnh vào Doãn Quốc Sỹ.

Cốt chuyện cuốn sách đó tóm tắt như sau:

Đầu năm 1982, Công an An ninh cộng sản nhận thấy có những sách báo xuất bản ở Pháp đăng những bài được ghi chú là do những nhà văn ở trong nước viết gửi ra ngoài, với những bút hiệu mới như bài *"Nếu chàng Trương Chi đẹp trai"* ký tên Lão Húc, những bài thơ ký tên Công Tử Hà Đông, đăng trong báo *Nhất Việt* xuất bản ở Paris tháng 2 tháng 3-1982, và một số bài ở sách báo khác.

Chỉ huy trưởng ban An ninh Công an thành Hồ giao những tờ báo

chống cộng xuất bản ở hải ngoại cho Tư Tuân, chỉ huy đơn vị chống phá hoại tư tưởng để nghiên cứu, điều tra và đặc biệt lưu ý Tư Tuân về bài báo đăng trong tờ *Kháng Chiến* ký tên Trần Tam Tiệp, Tổng Thư ký hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, đòi thả những văn nghệ sĩ đang bị cầm tù ở Việt Nam.

Tư Tuân giao cho Kiên Trinh nghiên cứu những bài báo đó.

Một tuần sau, Kiên Trinh báo cáo: *"đã đọc 21 bài ký tên 14 tác giả khác nhau cho rằng có ít nhất 15 bài do bốn tên từ trong nước gửi ra, nhưng lấy nhiều bút hiệu, qua xác định văn phong. Trong số 15 bài có hai truyện ngắn, bốn bài thơ, ba phóng sự, hai nghị luận chính trị văn học và bốn bài phiếm luận. Tất cả đều loại chống cộng có cỡ"* (trang 74).

"Bài 'Nếu chàng Trương Chi đẹp trai' *(Ghi chú: đăng trong* Nhất Việt *số 3 tháng 3-82 Paris) chắc tác giả thuộc nhóm* Hòa Bình *do Anh Quân chủ trương, sau cả nhóm về báo Độc Lập. Hiện nay ở thành phố ta còn vài ba tay trong cái nhóm đó thôi. Còn những bài ký tên "Công Tử Hà Đông" (Ghi chú:* Nhất Việt *số 2 tháng 2-82) tôi nghĩ đến Hoàng Hải vì tên này quê quán ở Hà Đông vốn là công tử bột* (trang 74).

"Tư Tuân nói... nhưng địch đâu chỉ hoạt động chiến tranh tâm lý? Nhiều khi chiến tranh tâm lý chỉ là những thứ hỏa mù để che đậy cho những hoạt động ngầm khác... Gần đây, lại có thêm đài phát thanh của bọn được mệnh danh là "phục quốc" đặt ở biên giới Thái Lan cũng léo nhéo phát trên sóng nhiều bài tin của bọn này (trang 75).

"...Hơn thế, chống Cộng là hái ra tiền... Trần Tam Tiệp cũng vậy thôi. Có khác chăng là hắn nhân danh hoạt động văn hóa để tổ chức quyên góp và nhận tài trợ của bọn phản động các nước để "cứu tế" văn nghệ sĩ trong nước. Giờ đây, nếu nằm im không "lên tiếng" bằng cách này hay cách khác thì mọi được tiền của ai, nhất là bọn chủ của chúng cũng chẳng phải là lũ ngu ngốc cứ tung tiền mà không thu lại được gì. Đám văn nghệ sĩ phản động còn lại trong nước đối với chúng vẫn còn có tác dụng trong việc gây lung lạc quần chúng trong ngoài nước. Bọn này bị tóm tư? Chẳng lỗ lã gì đối với bọn quan thầy. Thậm chí, chúng sẽ vịn vào đó để mở chiến dịch vu cáo cộng sản khủng bố tù đầy văn nghệ sĩ (trang 76).

"Tư Tuân: Hãy đi vào vấn đề cụ thể là làm thế nào chúng có thể gửi đều đặn các bài viết ra ngoài? Hẳn chúng có đường dây ổn định. Nghĩa là có một tổ chức hẳn hòi một thứ "tòa soạn tại chỗ" để đặt hàng và trả tiền cho bọn bồi bút đó. Cái tòa soạn bí mật đó là đối thủ trực tiếp của chúng ta" (trang 77).

Trần Tam Tiệp bắt liên lạc được với Nguyễn Thị Yến nhân viên phòng Ngoại dịch, Bưu điện Sàigòn. Tiệp gửi thùng hàng tặng Yến và sau đấy vì Yến làm ở phòng Ngoại dịch nên hàng nhận và hàng gửi đi

được dễ dàng không phải qua kiểm soát. Tiệp nhờ Yến nhận hàng chuyển cho những người quen và gửi hộ những thư từ của người quen ở Sàigòn sang Pháp cho Tiệp. Thư từ qua lại, hai bên cảm mến nhau và có hứa hẹn khi cô Yến vượt biển sang Pháp thì hai người lấy nhau (?)

Trần Tam Tiệp gửi quà cho Nguyễn Trí Văn, Thượng sĩ Không quân cũ, có chân trong đội bóng tròn của Sư đoàn 3 Không quân, và nhờ Văn kiếm giùm Trung úy Trần Ngọc Thụ.

Trần Ngọc Thụ, sau khi học tập cải tạo về, vượt biển mấy lần không thoát, sống lang bang ở Sàigòn. Được Văn móc nối, T.T.Tiệp gửi quà và máy ảnh, phim màu cho Thụ nhờ Thụ chụp ảnh sinh hoạt ở Sàigòn rồi gửi sang cho Tiệp. Cuối năm 1982, Tiệp gửi lên báo *Phục Quốc (?)* có đăng hình của Thụ chụp với những phụ đề chống cộng sản. Thụ đang chuẩn bị gửi phim sang cho Tiệp, Thụ sợ, đốt hết. Tiệp nhờ Thụ liên lạc và trông nom săn sóc giùm cho người yêu là Nguyễn Thị Yến làm ở guichet số 7 phòng Ngoại dịch, Bưu điện Sàigòn. Tiệp viết thư giới thiệu Thụ với Yến.

Thụ gặp Nguyễn Thị Yến nhiều lần, nhận Yến là chị dâu kết nghĩa, và mời Yến đi ăn cơm luôn luôn. Qua lời tiết lộ của Thụ, Yến biết Tiệp là Tổng Thư ký của Hội Văn bút Hải ngoại, và ngỏ ý muốn giới thiệu Yến với những người bạn văn của Tiệp và nhờ Yến lãnh hộ những thùng hàng mà Tiệp gửi giúp những người bạn ấy, vì lẽ họ là những nhà văn bị quy tội chống cộng sản nên sợ công an theo dõi không dám trực tiếp nhận lãnh. Yến nhận giúp và chuyển giùm.

Tháng sau, Yến nhận được những thùng hàng nhỏ đầu tiên của Tiệp nhờ chuyển cho Doãn Quốc Sỹ và Hoàng Hải Thủy và một đồng hồ đeo tay cho Thụ. Yến mang quà đến tận nhà trao trả và họ nhờ Yến gửi cho Tiệp những lá thư, những món quà nhỏ hương vị quê hương. Một hôm Yến phát giác ra những bản thảo viết tay hay đánh máy trong những gói quà nhỏ mà Thụ mang đến nhờ gửi cho Tiệp. Yến tò mò đọc.

Năm 1983, Thụ nhờ Khuất Duy Trác tổ chức một buổi họp tại nhà chị, bà Kiều Trang. Có mặt Hoàng Hải Thủy, Doãn Quốc Sỹ, Dương Hùng Cường, Khuất Duy Trác và một số nhà văn khác. Khuất Duy Trác tuyên bố lý do buổi họp là do Trần Tam Tiệp nhờ cậy. Khuất Duy Trác đọc bức thư của T.T.Tiệp:

"Thưa các văn hữu,

"Hôm nay, được sự chấp thuận của Hội, chúng tôi hân hạnh mời quý văn hữu khả kính đến cùng nhấp chén rượu mừng xuân. Do hoàn cảnh chưa cho phép chúng ta đoàn tụ đông đủ với nhau, chúng tôi phải nhờ anh bạn thân bên nhà thay chúng tôi hầu chuyện quý vị. Xin quý vị nâng cốc, coi như chúng tôi đang có mặt cùng chung vui.

"Như quý vị đều biết, tuy xa vời cách trở, nhưng anh em bên này

vẫn hướng về quê hương, luôn luôn tìm mọi cách để chia sẻ những nỗi đắng cay với quý vị, đem cả tấm lòng và sức lực đấu tranh cho một nền văn nghệ chân chính, cho sự nghiệp tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ chúng ta. Nhân dịp này, thay mặt Hội, chúng tôi xin gửi lời chia buồn với các anh chị em đang bị nhà cầm quyền giam giữ và gia đình họ. Chúng tôi hứa vận động để họ sớm được tự do và rời khỏi đất nước, nếu họ muốn.

"Chúng tôi hy vọng rằng, từ đất nước thân yêu bất hạnh, quý vị sẽ gửi đến chúng tôi những tác phẩm mới nhất, có giá trị nhất để cộng đồng người Việt hải ngoại và dư luận thế giới biết rằng những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ Việt Nam yêu tự do, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không ngừng sáng tạo nghệ thuật. Anh bạn của chúng tôi sẽ lo việc gửi bài vở thay quý vị.

"Để đền đáp lại, chúng tôi sẽ có thù lao xứng đáng. Hơn nữa, chúng tôi xin nhấn mạnh rằng những tác phẩm của quý vị sẽ làm dư luận thế giới quan tâm, trở thành sự bảo đảm tốt nhất cho quý vị đối với nhà cầm quyền.

"Trân trọng kính chào.

"Paris ngày... Trần Tam Tiệp, Tổng thư ký Hội Văn bút Việt Nam Hải ngoại".

"Khuất Duy nói: Anh Tiệp đặc biệt tỏ lòng trân trọng cụ Doãn Quốc Sỹ một trong những nhà văn lớn còn có mặt trong nước để làm nhân chứng lịch sử trong tám năm qua. Việc cụ Đoàn Quốc nhận lời mời đến với chúng tôi hôm nay là điều rất quý giá.

"Đoàn Quốc tuyên bố: Tuy ông Tiệp trước đây chưa cùng chúng tôi tham gia làng văn và ngay cả làng báo nữa, nhưng bậc trí giả bao giờ cũng biết xuất hiện đúng lúc cần thiết để 'cầm chính đạo tịch tà cự bi'. Chúng tôi đều nghe tiếng và dành sự kính trọng đối với ông Tiệp".

Tối hôm họp về, Doãn Quốc Sỹ đọc lại bản thảo cuốn truyện mà ông viết hồi 1972-74, sửa xong ngày 16-5-1975, cuốn truyện mang tên *Dấu Chân Cát Xóa* dày 200 trang. Truyện tình cảm giữa hai nhân vật là Chương, sinh viên Việt Nam du học ở Mỹ và cô gái Mỹ tên là Martha, mà sau đây là một đoạn trích:

"Tháng ngày lùi xa tít tắp như cuối trời sa mạc. Tìm lại những dấu chân mình đã bị cát xóa. Bỗng thấy bầu trời Springfield — Cánh đồng mùa Xuân ấy — mà Chương đã trở lại. Nơi ấy, những năm sau khi giải ngũ, Chương đã sang du học và tốt nghiệp Ph.D. Nơi ấy, Martha đã đến với Chương như một quà tặng của tự do 'Tôi sẽ dùng xe buýt đi dọc theo xa lộ qua các tiểu bang New Mexico, Arizona, Nevada và nhất định tôi sẽ tới Los Angeles qua thung lũng Tử Thần (Chương nhấn mạnh) Yes, Death Valley, I said' con lừa nhỏ của Tappan".

"Chàng Tappan đi qua thung lũng Tử Thần dưới ánh nắng chói

lòa trên sa mạc cát bỏng. Những tia nắng đã thực sự biến thành những mũi kim xuyên thấu da, thịt: Nhớ lúc Tappan chịu cơn bão cát giết người về đêm, chết ngất trên lưng lừa. Thế mà Tappan cũng lên được đỉnh núi tuyết rồi sống bốn mùa êm ả trên đó. Thế rồi giờ của định mệnh đã điểm. Tappan đã cứu được con lừa Janet qua khỏi cơn bão tuyết, đưa nó từ đỉnh núi băng giá xuống thung lũng mượt xanh. Con lừa được ăn cỏ và sống. Còn nó đã chết vì kiệt sức.

"Martha! Martha! Bên kia bờ sông có tiếng vọng lại "Martha! Martha! con sông tâm tưởng. Chương lúc đó đang ngồi ngửa mặt, nhắm mắt lười biếng trên chiếc xe buýt liên tiểu bang — con sông xuân tràn đầy chảy lênh láng, màu nước biêng biếc như tóc mềm (tóc Martha) gặp gió xõa trên bờ vai. Chương biến thành gió, luồn tay vào mớ tóc đó, bàn tay vô hình mơn man êm dịu... Springfield — cách đồng mùa xuân: thủ phủ của Illinois thật hữu tình và có tính cách tiền định. Đến Springfield để trả món nợ tình. Thời gian, không gian giờ đây là của hai người. Chương nghiên đầu sát tới nói thầm bên tai Martha :

— The closer I get, the better you look.

"Chàng có một cử chỉ 'nhào đại', muốn hôn lên miệng Martha...

— A...a...a...a...

"Chương tìm lại hương vị thơm đắng của cà phê trên môi Martha, một bàn tay Chương xoa lên khoảng vai, rồi ngực tròn trịa của nàng.

— Về nhà đã Chương, Martha van vỉ.

"Chương lắc đầu giữ chặt lấy nàng, không đáp. Martha cảm thấy những ánh sao lóe sáng rụng là tả...rung là tả trên khắp vùng da thịt..."

Nguyễn Thảo Phương là một giáo viên cấp hai, đã nghỉ việc chờ xuất cảnh đi Úc. Khi còn là sinh viên, Thảo Phương đã học Doãn quốc Sỹ ở đại học Vạn Hạnh. Thảo Phương thích một số tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ nhất là tập truyện ngắn "Gìn vàng Giữ ngọc". Thỉnh thoảng Phương cũng làm thơ, viết truyện ngắn, đăng nội san sinh viên.

Đoàn Quốc (tức Doãn Quốc Sỹ) bị bắt lần đầu năm 1976. Ba tháng sau khi được tha, Thảo Phương viết thư cho Đoàn Quốc rồi từ đó đi lại thăm nom giúp đỡ bán giùm những món quà mà con gái của Đoàn Quốc ở Úc và bạn bè gửi về. Thảo Phương cũng đã nộp đơn xin đi Úc đoàn tụ gia đình.

Doãn Quốc Sỹ khuyến khích Thảo Phương viết văn.

Cuối năm 1982, Thảo Phương mang đến cho Doãn Quốc Sỹ một truyện ngắn đầu tay cô ta viết mang tên là "Đường Lên Mặt Trời", dài 50 trang chép trên giấy học trò.

Cốt truyện "*nói về một cô sinh viên thầm yêu một người thầy lớn tuổi vì ái mộ văn chương của ông ta. Sau ngày Sàigòn được giải*

phóng, người thầy đi học tập cải tạo vì tội hoạt động chống cách mạng. Cô sinh viên vẫn đến trường, vẫn nhớ thầy cũ. Vài năm sau người thầy được tha về, sống cô độc vì gia đình vợ con đã trốn ra nước ngoài. Tình cờ họ gặp lại nhau... Người thầy tóc đã muối tiêu nhận được sự chăm sóc của cô học trò và cuối cùng chấp nhận mối tình "trong sáng" của cô gái. Nhưng rồi ông ta được vợ con bảo lãnh ra nước ngoài. Đêm cuối cùng, trước hôm ông ta lên máy bay, cô gái đến ở lại với ông ta và tự nguyện "trao thân" cho ông ta để chứng tỏ mối tình trọn vẹn".

Doãn Quốc Sỹ bàng hoàng khi đọc truyện của Thảo Phương, nhưng tự kềm chế được. *"Hãy dừng lại ở bờ đá cheo leo này để ngắm nhìn thung lũng típ tắp dưới kia với dòng suối uốn khúc, với triền núi xanh rì. Không nên bước tới nữa... dưới đó là vực thẳm".*

Trong một buổi gặp mặt sau, Doãn Quốc Sỹ đề nghị với Thảo Phương nên sửa câu chuyện *"Theo tôi thì không nên có đêm cuối cùng ấy, mặc dầu đó là sự kiện đầy tính bi kịch. Nên để cho mối tình ấy mãi mãi thánh thiện như Alice và Jérôme của Andrée Gide.*

"Tôi có một đề nghị, nếu Phương bằng lòng thì sẽ đưa truyện Đường Lên Mặt Trời *của Phương vào chương sau cùng của tác phẩm mà tôi đang viết. Coi như chúng ta cùng là tác giả :*

— Thầy vẫn còn viết sao? Phương gần như reo lên.

— Vâng. Tôi có một tập truyện dài viết vừa xong thì đến ngày họ chiếm thành phố. Tôi đang tiếp tục viết phần bổ sung với một nội dung truyện của Phương. "Dấu Chân Cát Xóa", *đó là tựa để tập truyện, và chương cuối cùng sẽ là* "Đường Lên Mặt Trời".

— Thầy có thể cho em xem được không? Em đã đọc tất cả sách của thầy, chỉ còn thiếu tác phẩm cuối cùng này.

— Sao cô lại nói điều xui xẻo như thế. Tôi thấy vẫn còn có thể viết một vài tác phẩm nữa sau khi "Dấu Chân Cát Xóa" *được in.*

— Em xin lỗi thầy... Nhưng viết mà không xuất bản được thì phí quá. Làm sao trong hoàn cảnh này mà có thể in tác phẩm ấy của thầy ?

— Cô lo như vậy cũng phải. Nhưng cũng may. Mới đây có một vài người bạn có lòng tốt muốn giúp tôi chuyển các bản thảo ra nước ngoài để in và tôi cũng đã gửi được một phần.

— Hay quá. Khi em được xuất cảnh mặc sức mà đọc. Hoan nghênh thầy hai tay.

— Nói khẽ chứ. Chẳng cần đợi đến lúc ấy đâu. Phương là độc giả đặc biệt — Phải nói là đồng tác giả, thì tôi sẽ gửi bản thảo cho Phương đọc trước. Được chứ ?

— Còn gì bằng. Hôm nào thầy cho em xem nhé — Thảo Phương đang phấn chấn bỗng ra chiều suy nghĩ — Biết thế này thì em đã không nghĩ đến "đêm cuối cùng" ấy.

Cô ta nhìn Đoàn Quốc và cười bằng cả hai mắt.

Thảo Phương mang tập bản thảo *"Dấu Chân Cát Xóa"* của Doãn Quốc Sỹ về, giữa đường thì bị công an bắt, Nhưng công an đã khôn khéo cho Thảo Phương hay là bị bắt vì những hộp thuốc tây và mấy thước vải cô buôn lậu mang theo, còn tập bản thảo thì công an không cho là quan trọng vì Thảo Phương khai là giấy lộn cũ Phương mua ở chợ trời.

Thảo Phương báo tin cho Doãn Quốc Sỹ biết, cả hai đều không quan tâm.

Tại trụ sở Công an Phường 3 quận 5, Trần Thi ăn mặc bẩn thỉu hôi hám, râu ria lởm chởm, bị bắt về tội đánh bạc.

Cán bộ Công an Hồng Sơn đã biết rõ về quá khứ của Trần Thi theo hồ sơ lưu trữ. Trần Thi là một ký giả năm 1968 đã sang Paris bên cạnh phái đoàn Sài Gòn để theo dõi cuộc hội đàm cùng với nhà báo Mạnh Cái (?) đàn em của Tướng Kỳ (?)

Trần Thi bị bắt là theo kế hoạch của ban An ninh, Trần Thi trở thành một đầu mối để phăng ra vụ chuyển bài ra ngoại quốc. Trần Thi có một người em trai sĩ quan cấp tá cộng sản, sau 75 đã chết ở chiến trường Tây nam (Cam pu chia?)

Hồng Sơn đánh vào tình cảm của Trần Thi và Trần Thi đã cho Hồng Sơn những tin tức bổ ích về Khuất Duy, Hoàng Hải, Đoàn Quốc và một số người khác.

"... Tôi chưa gây tội ác lớn đối với cách mạng nhưng cũng là một kẻ phản bội... ít nhất là phản bội những điều tôi đã nói với em tôi thuở ấy. Dầu sao, tôi cũng đã làm việc cho địch và điều ấy không thể cắt nghĩa được. Tôi không biết Trần Tam Tiệp, nhưng Nguyễn Ang Ca thì khá thân. Chắc nó vẫn xem tôi là "bạn". Nó có viết thư thăm tôi, khoe được bầu làm phó chủ tịch Hội Văn Bút Hải Ngoại -- Đấy, ông thấy không, tôi duyên nợ với bọn ấy thì làm sao còn là anh của một sĩ quan cấp tá của cách mạng. Tôi không dám nhìn mặt em tôi. Tôi biết chú nó rất thương tôi. Cuộc đời chú ấy cho đến khi nằm xuống, nếu không có một người anh như tôi thì còn đẹp đẽ biết bao!...

"À, tôi có biết hai việc có lẽ cần thiết cho anh. Chắc cơ quan công an đã quan tâm đến việc bọn Đoàn Quốc, Khuất Duy, Hoàng Hải và một số tên khác có liên lạc với Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Điều ấy chẳng phải bí mật gì lắm trong giới văn nghệ sĩ cũ có việc gì giữ kín được đâu. Một người biết bự khắc đến tai nhiều người khác. Chính tôi cũng đã nhận được thư của Nguyễn Ang Ca. Tôi nghĩ là nó gửi thư chỉ để thăm bạn bè cũ. Nhưng ít tuần sau khi nhận được lá thư ấy, có một gã đàn ông lạ mặt đến gặp tôi, tự nhận là người quen của Nguyễn Ang Ca và Trần Tam Tiệp. Nó bảo tôi nếu cần nhuận bút thì viết bài trao cho nó gửi hộ qua bên Tây. Trước đây tôi cũng có chút tiếng tăm trong làng báo, nó hứa sẽ trả 200 đô la một bài phóng sự ba nghìn chữ.

Một món tiền khá hấp dẫn, thế mà tôi lại từ chối. Lúc ấy em tôi mới hy sinh được mười một tháng.

— Ông có nhớ gì về người đến gặp ông không? Hồng Sơn hỏi.

— Nó đến hai lần. Tôi không muốn tiếp, nên chẳng để ý làm gì. Nhưng nó tự giới thiệu trước đây nó cũng làm báo: tờ báo quỷ quái gì đó của Không quân ngụy.

— Ông cố nhớ chi tiết hơn về gã xem.

— Ngoài bốn mươi. Cao lớn. Để râu mép. Đeo kính trắng...

— Đi xe gì? Hồng Sơn chộp ngay.

— Một lần đi bộ, một lần đi Vespa.

Hồng Sơn suýt kêu lên "đúng hắn" nhưng anh kịp kiềm chế. Chính X3, nguyên ký giả của một tờ nội san Không quân. Một tin tức hay...

— Chắc tên này cũng chỉ là loại em út thôi, Trần Thi nhận xét. Việc thứ hai, có lẽ cần cho ông hơn. Hôm qua đi uống cà phê ở đường Phủ Kiệt, tôi gặp Dương Hùng. Tên này luôn có đủ loại tin tức giật gân. Nó cho tôi biết họa sĩ Ý Nhi đã trốn đi nước ngoài từ mấy tuần rồi. Dương Hùng còn tiết lộ rằng Ý Nhi từ lâu cộng tác với Trần Tam Tiệp, chuyên gom bài vở của đám văn nghệ sĩ gửi qua cho Tiệp bằng một đường dây rất an toàn. Dương Hùng không tiết lộ đám này gồm những tên nào, mặc dù tôi có gạn hỏi..."

Công an cũng chưa bắt được người mà công an cho là liên lạc viên giữa văn nghệ sĩ trong nước và T.T Tiệp, cũng chưa biết đích xác tên tuổi người đó là ai, mặc dầu đã biết Yến là người nhận lãnh giùm những thùng hàng cho các văn nghệ sĩ.

Trần Ngọc Thụ cũng cảm thấy lo ngại nên phải thay hình đổi dạng, ít khi gặp Yến chỉ liên lạc bằng điện thoại.

Thụ sửa soạn để cùng Yến vượt biển và tìm một người khác thay thế làm công việc của Yến. Yến o bế Thu, một cô gái cùng làm ở Phòng Ngoại dịch, lần đầu nhờ mang hộ gói đồ về nhà để trao cho Thụ (mà Yến nói là "ông xã", hai người giận nhau không muốn gặp mặt).

Yến không biết Thu là Đoàn viên Đoàn Thanh Niên Cộng Sản HCM. Cán bộ công an Hồng Sơn tình cờ điều tra Thu, Thu nhận lời báo cho Hồng Sơn biết khi nào "ông xã" của Yến đến lấy đồ, và khi Trần Ngọc Thụ đến nhà Thu lấy đồ thì bị công an theo dõi.

Ngày 2-5-84 Công An bắt Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy Dương Hùng Cường, Khuất Duy Trác, Trần Ngọc Thụ và Nguyễn Thị Yến với tội danh phản cách mạng và hoạt động gián điệp.

Cuốn sách kết thúc bằng cảnh Thảo Phương và mẹ lên máy bay ở Tân Sơn Nhất để xuất cảnh thì chiêu đãi viên mang đến cho Thảo Phương một bó hoa và một danh thiếp của cán bộ công an Hồng Sơn: *"Thảo Phương, Vì bận việc tôi không thể ra sân bay tiễn chị. Mong chị thông cảm. Chúc chị và bà cụ ra đi bình an và luôn hướng về Tổ Quốc. Xin cảm ơn chị về những đóng góp vừa qua. Thân ái, Sơn."*

Tóm tắc câu chuyện kể trong cuốn sách "Những tên biệt kích cầm bút" là: Công An cộng sản thấy đăng những bài báo ở Pháp do những văn nghệ sĩ ở trong nước viết gửi ra, điều tra tìm thấy một tổ chức mà người đứng đầu ở hải ngoại là Trần Tam Tiệp, người đại diện của TT Tiệp ở Sài Gòn là Trần Ngọc Thụ. Nguyễn Thị Yến là người gửi những bài viết, những bản thảo ở trong nước ra ngoài. Bốn nhà văn gửi bài ra ngoại quốc là Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường và Khuất Duy Trác bị bắt về tội trạng phản cách mạng và hoạt động gián điệp.

Tuy trong cuốn sách có nói đến Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường và Khuất Duy Trác, nhưng chỉ có một phần nhỏ thôi, thực ra thì chú ý đến Doãn Quốc Sỹ nhiều hơn hết. Do đó, chúng ta có thể hiểu rằng cuốn sách này viết và in ra cốt để thanh minh về việc bắt ông Doãn Quốc Sỹ, tại sao, trong trường hợp nào, và cộng sản có những lo ngại gì về việc đó. Nhưng trước khi khẳng định chúng ta hãy đọc những dòng viết về đối lập tư tưởng và đối thoại giữa Doãn Quốc Sỹ và công an cộng sản như sau: Về Doãn Quốc Sỹ, qua những đối thoại hay những ý nghĩa (viết trong sách), chúng ta nhận thấy rằng từ đầu đến đuôi cuốn sách, Doãn Quốc Sỹ tuy ở trong kìm kẹp của cộng sản nhưng vẫn tỏ ra người có khí phách, vẫn không phản bội lý tưởng chống cộng, không sợ hãi, làm cộng sản phải nể vì.

Xin trích ra vài đoạn để chúng ta hiểu về con người Doãn Quốc Sỹ

1. Khi bị mỹ nhân kế mục đích để làm hạ uy tín và danh tiếng — nếu coi đó là mỹ nhân kế do công an giương bẫy, bằng cách cho Thảo Phương viết tập truyện ngắn "Đường lên mặt trời" và viết thẳng ở trong đoạn kết là muốn trao thân cho ông thầy, thì DQ Sỹ đã nói với Thảo Phương *"Theo ý tôi không nên có đêm ấy. Mặc dù đó là sự kiện đầy tính bi kịch. Nên để cho mối tình ấy mãi mãi thánh thiện như Alice và Jérôme của Andrée Gide* (Ghi chú: trong tác phẩm Portes étroites)...

2. Trang 125, nói về vấn đề xuất cảnh. Doãn Quốc Sỹ nói :

"Tôi vẫn ra đi nhưng không như những người thua cuộc, sạch túi trắng tay. Chúng tôi đã thua trận, nhưng chưa phải đã kết thúc một cuộc chiến đấu. Nghĩ cũng oái oăm, ở đây, chúng ta tìm mọi cách để ra đi, còn ở nước ngoài hiện có nhiều tổ chức, đoàn thể đang hướng về Tổ Quốc. Họ đang tiếp tục cuộc chiến đấu đấy. Chúng ta sẽ mang đến cho họ những gì? Vì vậy, chúng tôi không muốn làm một người "tị nạn" theo đúng nghĩa của nó mà cũng không ra đi chỉ để "đoàn tụ gia đình". Tôi không muốn ngửa tay để xin sự cứu vớt mà với tư thế đưa tay ra để bắt tay anh em ở hải ngoại. Tôi muốn đem đến cho họ cái mà họ đang cần...

3. Trang 127: *"Ngay từ khi bị bắt* (ghi chú: lần đầu) *Đoàn Quốc có ý định không khai báo gì cả. Sau trận chiến, kẻ bại trận bị bắt làm tù*

binh. Kẻ chiến thắng có quyền bắn giết, hành hạ gì tùy ý, nhưng không thể bắt kẻ bại trận phải từ bỏ lý tưởng và nhân cách của mình..."

4. Trang 158. Trong lúc hỏi cung khi bị bắt lần thứ hai năm 1984 :

"— *... Tôi đã bị bắt thì các ông có quyền cư xử thế nào cũng được.*

— *... Vâng, tôi thừa nhận về mặt ý thức hệ, chúng ta đối lập nhau, nhưng điều đó không có nghĩa là tôi can tội phản cách mạng hay "hoạt động gián điệp" như lệnh bắt tôi đã ghi...*"

5. Trang 160:"*... Tôi xét không có hoạt động gián điệp như lệnh bắt đã ghi. Từ chỗ có tư tưởng chống đối như tôi đến tội danh ấy còn xa lắm...*"

6. Trang 168: "*... Một dân tộc bất hạnh mắc kẹt vào khe răng của cộng sản...*"

7. Trang 170: "*... Tôi là kẻ thua cuộc, là tù binh của các ông. Tôi sẵn sàng chịu mọi hậu quả...*"

"*... Về mặt luật pháp, tôi chịu mọi hậu quả về hành vi của mình. Nhưng về mặt văn hóa, về niềm tin, tôi dành quyền phán xét cho lịch sử...*"

Sau đây là những đoạn trích về quan niệm của công an cộng sản đối với những người văn nghệ sĩ tự do :

1. Trang 67: "*Từ khi được giao phụ trách đơn vị này, anh* (Ghi chú: Tư Tuân) *đã chịu khó đọc hàng lô sách, tiểu thuyết của số "nhà văn" cũ và sách báo mới được bọn phản động lưu vong ấn hành ở nước ngoài... Rặt một lũ chống cộng cuồng si, thể hiện lộ liễu ý thức phản động cao độ.*"

2. Trang 69: *Tư Tuân: Cuộc sống nào cũng có qui luật của bọn phản cách mạng, bọn vong quốc lang thang ở các nước phương Tây. Do bản chất và chịu sự tác động của bọn chủ, chúng còn biết làm gì khác, nếu không tiếp tục chống lại tổ quốc bằng cách thò vòi kích động, móc nối những đồng bọn của chúng còn ở lại trong nước. Nếu ta chặt đứt những cái vòi ấy, chúng sẽ tịt ngòi.*"

3. Trang 72: "*Tư Tuân: Mình cũng chưa hiểu hết chúng... Chúng là thế đấy. Đến lúc này mới nắm được là quá chậm.*"

4. Trang 74: "*Kiên Trinh: Tôi đã đọc 21 bài ký tên 14 tác giả khác nhau... tôi cho có ít nhất 15 bài do bốn tên trong nước viết và gửi ra, nhưng lấy nhiều bút hiệu. Dĩ nhiên không có tên nào dại dột dùng bút hiệu cũ... tất cả đều loại chống cộng "có cỡ" cả".*

5. Trang 75: "*Tư Tuân:... Nhưng địch đâu chỉ hoạt động chiến tranh tâm lý? Nhiều khi chiến tranh tâm lý chỉ là những thứ hỏa mù để che đậy cho những hoạt động ngầm khác, đành rằng loại kẻ thù này chúng ta đã từng chạm mặt và quá quen thuộc bài bản của chúng; chúng rất "rẻ tiền" nhưng cũng rất xảo quyệt. Bọn trong nước gửi bài, tin, bọn bên ngoài cho đăng lên báo, tạp chí. Gần đây lại có thêm đài phát thanh của bọn được mệnh danh là "phục quốc" đặt ở biên giới*

Thái Lan cũng léo nhéo phát trên sóng nhiều bài, tin của bọn này..."

6. Trang 75/76: "*Tư Tuân :... Hơn thế, chống cộng là hái ra tiền. Thằng nào cũng có "mánh" riêng... Trần Tam Tiệp cũng vậy thôi. Có khác nhau chăng là hắn nhân danh hoạt động văn hóa để tổ chức quyên góp và nhận tài trợ của bọn phản động các nước để "cứu tế văn nghệ sĩ trong nước. Giờ đây, nếu nằm im không "lên tiếng" bằng cách này hay cách khác thì mọi được tiền của ai, nhất là bọn chủ của chúng cũng chẳng phải là lũ ngu ngốc cứ tung tiền mà không thu lại được gì. Đám văn nghệ sĩ phản động còn lại trong nước đối với chúng vẫn còn có tác dụng trong việc gây lung lạc quần chúng trong ngoài nước. Bọn này bị "tóm" ư? Chẳng lỗ lã gì đối với bọn quan thầy. Thậm chí chúng sẽ vịn vào đó để mở chiến dịch vu cáo cộng sản khủng bố tù đày văn nghệ sĩ. Và đây lại là một cú áp phe mới. Rồi sau đó, chúng tiếp tục tìm cách tạo dựng ra những âm binh mới để tác động, hòng gây tình hình không ổn định thường xuyên cho ta...*"

7. Trang 83: *Hồng Sơn: Cũng có thể đây là thủ đoạn "gây nhiễu" để che giấu một hoạt động khác nguy hiểm hơn... Tôi hoàn toàn nhất trí với anh "Nếu chàng Trương Chi đẹp trai" dứt khoát do một tên nào đó trong nhóm "Hòa Bình, Độc Lập" cũ viết thì kẻ "Bình thơ Nguyễn Du" chắc chắn không ai khác ngoài tay Hoàng Hải. Cái giọng bình thơ xỏ lá ấy, chỉ có hắn thôi.*

"Tư Tuân: Chuyện đó để hồi sau phân giải. Cậu trở lại vấn đề đi. Làm thế nào bọn Trần Tam Tiệp nhận được bài vở của những tên biệt kích văn hóa ấy? Và đổi lại, bọn biệt kích ở đây được trả công như thế nào? Nếu không có sơ múi gì, tôi cam đoan chẳng tên nào chịu viết một chữ. Chúng căm thù chế độ cộng sản, chống đối một cách có ý thức và quyết liệt nhưng đồng thời cũng là những tên rất hám tiền và rất háo danh."

8. Trang 85: "*Hồng Sơn:... Theo các nguồn tin nước ngoài và tin tức tổng hợp của các đơn vị, ta có thể kết luận có nhiều tên ở thành phố đã gửi thơ văn, nhạc phản động cho các cơ quan chiến tranh tâm lý của địch ở Pháp, Mỹ, Úc và nhiều nước khác. Phải gọi chúng là gì cho chính xác nhỉ? Văn nghệ sĩ chăng?*

Cũng có thể như thế đối với một vài tên cỡ Đoàn Quốc. Tuy vậy thực chất Đoàn Quốc cũng chỉ được vài truyện ngắn khá, có tiếng vang trước đây trong tập "Giữ ngọc". Còn truyện dài của hắn như "Rừng lau", "Thùy dương", "Định mệnh"... thì ngay dưới chế độ cũ cũng không ai đọc không chỉ vì tính cách phản động cao độ của tác phẩm mà còn vì văn rườm rà, ý lẩn thẩn, nhạt nhẽo. Còn nói về "thiền" ư? Hắn cũng học của người Mỹ khi qua tu nghiệp ở Hoa Kỳ và dịch một quyển sách nói về "thiền" cũng do một người Mỹ viết ra !

"Thực chất của Đoàn Quốc là như vậy. Tham vọng, cơ hội là tính cách nổi rõ ở con người này. Thế nhưng hắn chen chân được vào

"chiếu trên" trong làng văn trước đây nhờ hắn khéo léo lừa mị được nhiều người với cái bề ngoài không bê tha và khoác cái áo đạo mạo của một vị giáo sư.

Còn những tên khác chưa có thể được xem là người làm văn nghệ, dẫu chỉ là làm văn nghệ phản động. Hoàng Hải thì chuyên phóng tác các tác phẩm nước ngoài như "Đỉnh gió hú", "Kiều Giang"... Còn Dương Hùng chỉ là một tên viết phiếm luận hết sức thô bỉ trước đây. Nhận ra chúng không mấy khó khăn, nhưng phải có chứng cứ mới được. Nếu không thì ta chưa có cơ sở pháp lý..."

9) Trang 128: "Cán bộ cộng an (hỏi cung Doãn Quốc Sỹ hồi tháng 4-76): Tôi cho rằng mỗi chúng ta có quan niệm khác nhau về nhân bản..."

10) Trang 129/130: *"Cán bộ công an: Chúng tôi thừa nhận ông là nhà văn như một người có viết văn, chưa xét đến giá trị của nó. Nhưng không thể thừa nhận tính nhân bản trong văn chương của ông. Vì nhân bản không thể có bằng sự vu khống - và đối với ông - đó là sự phản bội, sự đánh đĩ lương tâm. Tôi nói điều này để ông hiểu: ông bị bắt về tội phản bội chứ không bị bắt với tư cách một nhà văn."*

11) Trang 159: *"Kiên Trinh:... Ông cho rằng chúng tôi bắt người vô cớ hay sao? Ông lại là một nhà trí thức, một nhà văn. Đâu phải chúng tôi không có sự cân nhắc, thận trọng. Chúng tôi cũng biết rõ rằng tổ chức Ân xá quốc tế và Hội Văn Bút Quốc Tế đang "bận tâm" đến việc này. Đâu thiếu những kẻ ở nước ngoài sẵn sàng bảo vệ ông sẽ vin vào việc bắt giữ ông để làm ầm ĩ với dụng ý xấu. Song họ làm sao có thể thay đổi được quyết định của luật pháp Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất muốn làm cho mọi người - kể cả kẻ thù - thấy rõ hiệu lực của luật pháp nước ta, mà trường hợp của ông là một. Tôi thành thực khuyên ông không nên đặt lòng tin ở những người bạn của ông ở nước ngoài mà hãy tự cứu mình bằng sự thành thật khai báo.*

12. Trang 170-171: *"... Rồi bỗng hắn* (Ghi chú: Doãn Quốc Sỹ) *hít một hơi thở rất sâu, mắt mở to, nhìn thẳng vào mặt Kiên Trinh giọng dõng dạc:*

— Tôi là kẻ thua cuộc, là tù binh của các ông. Tôi sẵn sàng chịu mọi hậu quả. Nếu các ông cho phép tôi sẽ làm bản tự khai.

— Ông còn nhiều thì giờ để làm công việc phải làm ấy. Năm 1976, ông đã nhận là một nhà văn chống cộng có tầm cỡ, phải không nào?

Kiên Trinh chưa nói hết ý mình đã bị Đoàn Quốc cắt lời:

— Vâng, đến bây giờ tôi vẫn xác nhận như thế.

— Tôi cũng xác nhận lại là chúng tôi không bắt một nhà văn mà bắt một công dân phạm tội phản bội Tổ Quốc. Đó là Đoàn Quốc. Kẻ phạm tội này đã làm ra, cung cấp tài liệu phản động cho kẻ thù sử dụng để tuyên truyền xuyên tạc, chống lại Tổ quốc. Ông có thừa nhận điều đó không?

— Về mặt pháp luật, tôi chịu mọi hậu quả về hành vi của mình. Nhưng về mặt văn hóa, về niềm tin, tôi dành quyền phán xét cho lịch sử!

— Văn hóa gì? Tin vào đâu? Văn hoá lịch sử nào vậy hở ông Đoàn Quốc nếu không phải là văn hóa thực dân kiểu mới, niềm tin vào thế lực phản động bên ngoài và lịch sử của bọn xâm lược?... Vậy ông có còn là người Việt Nam không?

... Kết thúc cuộc xét hỏi, trên đường về phòng làm việc, Kiên Trinh suy ngẫm: Có lẽ chưa bao giờ có một "Nền văn hóa thực dân kiểu mới" như người ta vẫn gọi mà chỉ có một cuộc xâm lược về văn hóa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới và những tên như Đoàn Quốc cũng chẳng phải là nhà văn, nghệ sĩ gì mà chỉ là bọn biệt kích trên mặt trận văn hóa, những tên biệt kích cầm bút."

Ý nghĩa cuối cùng này của Kiên Trinh đã được dùng để đặt tên cho cuốn sách "Những tên biệt kích cầm bút" mà chúng ta đang điểm đọc.

Quan niệm một chiều này của Kiên Trinh, — có thể nói là quan niệm chính thức của công an cộng sản, của chính quyền cộng sản, — chẳng làm cho văn nghệ sĩ chống cộng ngạc nhiên. Tất cả những văn nghệ sĩ chống cộng ở trong nước hay ở ngoại quốc đều đã được lên án là phản động (phản động với chính quyền cộng sản), là phản cách mạng (cách mạng cộng sản), là phản tổ quốc (tổ quốc cộng sản) và nay gán thêm từ mới "đi lính biệt kích trên mặt trận văn hóa cho thực dân mới" cũng chẳng làm cho họ trầy da sứt vẩy và cũng chẳng làm giảm giá trị họ, vì chỉ là bịa đặt.

Dòng thác cách mạng văn hóa cộng sản quá yếu để lôi cuốn những tư tưởng, những văn hóa đối lập cho nên các "chiến sĩ cách mạng văn hóa cộng sản" đã phải dùng đến bạo lực để kết án, dùng đến lời lẽ thô bỉ đặt ra để gán cho những người đối lập với mình. Phải chăng đó là dấu hiệu thất bại, cũng như sự thất bại của hai dòng thác cách mạng kia? Phải chăng đó là dấu hiệu suy tàn sụp đổ?

Chẳng lạ gì! Những kẻ suốt đời sống trong bùn lầy dơ bẩn không thể mong muốn cho người nào khác chúng sống ngoài bãi bùn lầy sình đọng hôi hám đó còn có những dòng sông trong xanh, những đồng cỏ tươi sáng, những biển cả bao la, trong đó mọi tư tưởng, mọi tình cảm được mặc sức tự do vẫy vùng phát lộ !

Chẳng lạ gì! Những kẻ suốt đời sống trong bùn lầy dơ bẩn không thể mong muốn cho người nào khác chúng sống ngoài bãi bùn lầy sình đọng hôi hám đó, dù chúng có biết rằng ngoài thế giới của chúng còn có những thế giới khác hương sắc thơm đẹp hơn !

Chẳng lạ gì! những kẻ suốt đời sống trong bùn lầy dơ bẩn quan niệm cuộc đời dơ bẩn của họ đang sống là cuộc sống lý tưởng, quan niệm mùi hôi hám của sình lầy là hương thơm bát ngát, thì khi nghe thấy ai nói lên sự thật, nói lên cái dơ bẩn của chúng, chúng vội bưng

tai bịt mắt, dùng sức mạnh thô bạo, dùng mánh khóe bỉ ổi để làm hại những người đó!

Trở lại cuốn sách "Những tên biệt kích cầm bút" do "Nhà xuất bản công an nhân dân" xuất bản. Sau khi đọc điểm qua cốt truyện, những đoạn chính, những lời đối thoại, hai vấn đề sau đây được nêu lên để cân nhắc suy xét:

Mục đích viết và xuất bản cuốn sách đó

Sau khi đọc hết cuốn sách, chúng ta nhận thấy cuốn sách này không phải là một tiểu thuyết gián điệp giả tưởng, mà là một tập hồ sơ công an chứng minh việc bắt các nhà văn nghệ sĩ Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, Khuất Duy Trác do công an cộng sản phơi bầy ra với một mục đích. Mục đích đó là gì?

Hiển nhiên không phải mục đích thương mại vì, như vừa nói, sách không phải là một cuốn tiểu thuyết. Không lẽ ở nước cộng sản lại có "Những tên công an cầm bút", không lẽ ở nước cộng sản "Công an nhân dân" lại kiêm luôn cả nhà xuất bản sách để bán lấy lời? Không lẽ hai tác giả Minh Kiên và Nam Thi lại có quyền sử dụng những tài liệu mật của công an, mật vì những nhà văn bị bắt điều tra chưa được xác nhận thì họ vẫn là những công dân vô tội, công an không có quyền kết tội trước những hồ sơ thẩm vấn liên can đến bị cáo. Hoặc giả ở chế độ cộng sản, công an là cơ quan kết án, tòa án chỉ là cơ quan đóng kịch để nhắc lại một cách công khai lệnh của công an, nghĩa là các cơ quan tư pháp đều dưới quyền điều khiển của công an? (Ghi chú: coi: L'archipel du Goulag của Soljénitsyne và phim L'Aveu do Yves Montand đóng).

Vậy cuốn sách in ra chỉ có thể với mục đích là công an cộng sản hay chính quyền cộng sản thanh minh rằng việc bắt bớ các nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường và Khuất Duy Trác là hợp pháp, vì các nhà văn ấy đã hoạt động trái với pháp luật của cộng sản, việc bắt bớ giam cầm có chứng cớ không phải họ bị bắt vì họ là nhà văn, nghĩa là cộng sản không cấm những nhà văn được viết, không bắt những nhà văn đối lập! Trong cuốn sách có hai đoạn nhấn mạnh về điểm này (Ghi chú: xem trong các đoạn trích ở trên).

Thanh minh việc đó với ai? Chắc chắn không phải cho đám dân nô lệ mà thanh minh với các cơ quan quốc tế như hội Ân Xá quốc tế, hội Văn Bút quốc tế, với các chính phủ dân chủ tự do tôn trọng các nhân quyền căn bản, với các nhà văn nghệ sĩ chống cộng ở ngoại quốc.

Ngoài ra còn có những mục đích phụ, chúng ta có thể nghĩ rằng công an cộng sản muốn bắn một phát đạn mong trúng mấy con mồi.

Đối với bác, đảng và nhà nước, công an phải tỏ ra hữu hiệu, phải khoe thành tích bắt được những "gián điệp" liên lạc với địch ở nước ngoài và công an đã phá được đường dây liên lạc của địch mặc dầu là

biết muộn (Trang 72: *Đến lúc này mới nắm được là quá chậm.")*

Đối với các nhà văn chống cộng ở trong nước, công an muốn "dằn mặt" để cho họ sợ không dám gửi tác phẩm của họ ra ngoại quốc và luôn thể "dằn mặt" những người ở ngoại quốc yểu bóng vía không dám liên lạc với văn nghệ sĩ ở nhà sợ làm liên lụy đến họ, hay đến gia đình họ vì "công an cộng sản giỏi thế đấy! biết hết cả!!!"

Việc công an cộng sản khoe khoang thành tích phá được đường dây Trần Tam Tiệp (nếu thật có đường dây đó) thì cũng chỉ là một thành tích yếu đuối, vì ngoài đường dây TT Tiệp, chúng ta còn thấy nhiều đường dây khác. Bằng cớ là, ở Pháp, năm 1981, Lá Bối đã xuất bản cuốn "Tắm mát ngọn sông Đào", ngay ngoài bìa đã giới thiệu là "Thơ văn nhạc sáng tác từ quốc nội". Năm 1983, nhà xuất bản Institut de l'Asie du Sud Est đã xuất bản cuốn Thơ Nguyễn Du do Dương Hồng Ngọc viết từ trong nước gửi ra. Và hiện nay, 1987, báo Quê Mẹ đang đăng những bài thơ do nhóm Tao Đàn Sông Hàn sáng tác từ quốc nội gửi ra. Đấy là chỉ nói ở Pháp thôi, chứ còn ở các nước khác, Mỹ, Úc, Canada, Đức chắc cũng có xuất bản những tác phẩm của văn nghệ sĩ ở trong nước, như thế thì lại có nhiều đường dây khác hơn nữa. Kết luận: Tư Tuân, Kiên Trinh và Hồng Sơn đáng phạt!

Nhưng cần gì phải nêu bằng cớ (thật hay giả), cần gì phải tự khai (khai dưới áp lực đe dọa), "lấy thúng úp voi" thì làm sao mà giấu diếm được việc đàn áp các nhà văn nghệ sĩ chống cộng không đầu hàng, chẳng may bị sống dưới chế độ độc tài của chúng, điển hình là trường hợp Doãn Quốc Sỹ! Việc đó ai cũng biết, khắp nơi trên thế giới, dù có dàn cảnh cũng vô ích, vô hiệu. *"Kẻ chiến thắng có quyền bắn giết, hành hạ gì tùy ý, nhưng không thể bắt kẻ bại trận phải từ bỏ lý tưởng và nhân cách của mình."* (NTBKCB, trang 127)

"Tốt khoe ra, xấu xa đậy lại". Đậy lại những cái gì? Nhiều lắm! Cái gì cũng cần che đậy cả! Vì vậy phải bịt mồm những kẻ nói ra, phải bẻ gẫy những cây bút viết ra và phải cầm tù những kẻ có thể nói có thể viết ra ấy. Và để che mắt quốc tế, phải khép họ vào một tội phạm nào đó để có thể công khai bịt mồm bẻ bút.

Những chứng cớ để bắt Doãn Quốc Sỹ

Căn cứ vào những tài liệu viết trong sách "Những tên biệt kích cầm bút" thì những chứng cớ để đưa đến việc bắt Doãn Quốc Sỹ là :

1). T.T. Tiệp đã gửi Trần Ngọc Thụ ba ngàn đô la mà nhà xuất bản trả tiền bản quyền cho DQ Sỹ sách in lại ở ngoại quốc. DQ Sỹ đưa cho Dương Hùng địa chỉ con gái ở Úc Châu để chuyển tiền (trang 21).

2). DQ Sỹ gửi một phần tập bản thảo truyện "Dấu chân cát xóa" ra ngoại quốc (trang 123)

3). DQ Sỹ đã liên lạc với Trần Ngọc Thụ qua Dương Hùng Cường. Trần Ngọc Thụ là người liên lạc với Trần Tam Tiệp ở ngoại

quốc.

Với những chứng cớ này do công an khám phá ra mà ai cũng thấy là chứng cớ quá mỏng manh, công an vin vào đó để kết tội DQ Sỹ là phản cách mạng, hoạt động gián điệp thì công an đã thật sự đàn áp các nhà văn đối lập.

1.– Việc nhà xuất bản ở ngoại quốc trả tiền bản quyền cho DQ Sỹ khi in lại sách của ông ta là một điều không thể vin vào đấy mà kết án tác giả được. Đó là quyền lợi của tất cả các nhà văn, các nhà văn cộng sản viết sách ra cũng có tiền nhuận bút hay bản quyền. Như vậy không phải là một tội của DQ Sỹ.

Nói rằng có nhà xuất bản đã in và trả ba ngàn đô la cho DQ Sỹ thì phải nêu danh nhà xuất bản nào, ở đâu và in lại sách gì của DQ Sỹ, nhà xuất bản đó có trả tiền bản quyền không và trả cho ai?

Nếu ông TT Tiệp với tư cách Tổng Thư Ký Văn Bút Hải Ngoại đã nhận số tiền đó để chuyển dùm thì sao phải gửi ba ngàn đô la về Sài Gòn để nhờ Trần Ngọc Thự chuyển cho DQ Sỹ, sao không chuyển thẳng cho ông ta hay cho gia đình ông ta ở bên Úc?

2. Truyện "Dấu chân cát xóa", như trong đoạn trích ở trên, chỉ là một chuyện tình giữa Chương và Martha, không thể vin vào nội dung truyện đó mà kết án DQ Sỹ là phản động, phản cách mạng, phản tổ quốc được.

Có hai trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: nếu DQ Sỹ có gửi bản thảo tập truyện đó ra ngoại quốc thì gửi như thế nào?

Nếu ông ta hay người khác (Trần Ngọc Thự) gửi qua nhà bưu điện thì DQ Sỹ không có tội gì, bưu điện chuyển đi không kiểm soát trong một nước có chế độ cảnh sát, thì đó là lỗi ở nhà bưu điện. Nội dung cuốn sách "Dấu chân cát xóa" chỉ là một truyện tình, DQ Sỹ không có lỗi.

Trường hợp thứ hai, DQ Sỹ không gửi bản thảo đó ra ngoại quốc công an bịa đặt chuyện đó ra để lấy cớ bắt ông ta.

3. Việc DQ Sỹ liên lạc với Trần Ngọc Thự qua Dương Hùng Cường. Vì cả ba cùng bị bắt và ở trong tay công sản thì không thể biết đích xác được và cũng không thể tin vào lời tự khai được vì khai trong lúc bị giam cầm, đe dọa.

Người viết bài này nghĩ rằng nếu ở một nước dân chủ thực sự có tòa án xét xử công minh, thì các ông Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, Khuất Duy Trác được quyền mướn luật sư biện hộ khi ra tòa án, và trong "vụ án" này nhân chứng quan trọng nhất phải kể đến là ông Trần Tam Tiệp. Nhưng tiếc thay, ở nước cộng sản, tự do tối thiểu bị xâm phạm trắng trợn, công lý chỉ là điều phụ thuộc của chính trị, thì quyền biện hộ nếu có chỉ là có trên hình thức. Vì vậy để cho sáng tỏ vấn đề, tôi nghĩ ông Trần Tam Tiệp phải lên

tiếng để cho mọi người, nhất là cho cộng sản biết rằng những chứng cớ nêu trên đây để buộc tội và kết án ông Doãn Quốc Sỹ có đúng hay không. Vì vậy, tôi đề nghị ông Trần Tam Tiệp cho biết về hai vấn đề sau đây:

1. Ông TT Tiệp có nhận 3000 đô của nhà xuất bản nào in sách của DQ Sỹ để gửi cho ông DQ Sỹ không?

2. Năm 1981-83 ông TT Tiệp có nhận được bản thảo cuốn "Dấu chân cát xóa" của ông DQ Sỹ không?

Đã từ lâu không được đọc một dòng nào của ông Trần Tam Tiệp, xin ông vì trường hợp đặc biệt này nói lên, như một nhân chứng, để trả lời cho công luận hai điều trên đây mà công an cộng sản căn cứ để lên án ông DQ Sỹ và các ông kia. Nhưng tôi cũng không dám phiền ông để buộc ông phải nói những điều gì ông cần giữ kín nếu có và nếu ông xét cần giữ.

Dầu sao chúng ta cũng thấy rõ chính sách độc tài đàn áp các văn nghệ sĩ của cộng sản. Gửi một tập bản thảo cuốn truyện mình viết ra ngoại quốc là bị kết án nặng nề là phản quốc! Nghe mà phát tởm! Còn đâu là nhân quyền, còn đâu là tự do tối thiểu của con người? Dù thực sự nội dung cuốn sách có nói lên những điều gì bất lợi cho cộng sản đi chăng nữa thì cũng chỉ là quyền phát biểu của một người, không thể vin vào đó để bắt người đó được. Dân chủ và nhân quyền là ở chỗ đó.

Nhưng hãy xét qua nội dung một vài bài do các văn nghệ sĩ ở trong nước viết gửi ra, có gì đáng để kết án là phản quốc, gián điệp như trên không và so sách với một số bài do những người cộng sản ở trong nước hay ngoại quốc viết xem bài nào thất lợi cho cộng sản hơn bài nào. Sau đây là

NHỮNG ĐOẠN TRÍCH NHỮNG BÀI CỦA CÁC NHÀ VĂN CHỐNG CỘNG VIẾT TỪ TRONG NƯỚC GỬI RA:

1. Bài *Hỏi Paul Lành* của Công Tử Hà Đông đăng trong Nhất Việt số 2 tháng 2/1982:

Ngồi buồn bấm đốt tính le temps
Xuân này đến nữa đã six zăng
Sáu niên, cá chậu dây còn buộc
Tám hướng chim lồng lưới vẫn giăng.
Đoạn trường rượu đắng cay đành chuốc
Vân cẩu màn phai rách cứ căng.
Não nùng vợ nát, thang cùng thuốc
Ngớ ngẩn chồng ngây, gió với trăng.

Sách đời lộn mãi đời chưa thuộc
Phép đạo tu hoài dục lại tăng
Dở dang một loài dơi với chuột
Quẩn quanh toàn chuyện phú-lơ-căng

Ra đi bơ sữa, đau không nước
Ở lại bo bo, gãy hết răng !
Future đón bạn Paul Lành hỏi
Demain toi có biết comment ?
(Làm Tết 81)

2. Bài *Nếu Chàng Trương Chi Đẹp Trai* của *Lão Húc* đăng trong Nhất Việt số 3 tháng 3-1982.

"...Tôi cũng đã hạn chế cho mình là cái truyện ký này, chỉ nên viết từ hai trăm tới ba trăm trang. Kéo dài, dài mãi thì cũng được đấy, vì tới bây giờ, chàng vô sản Trương Chi vẫn còn "quản lý" cái tài sản của nàng "tư sản phong kiến" Mị Nương, và cứ mỗi ngày, lại lòi ra một cái xấu mới. Thành ra, khó lòng mà làm một phát chấm hết truyện ký "Nếu Chàng Trương Chi Đẹp Trai..."

Khi bắt đầu vào truyện, tôi nghĩ ngay tới ngày đầu mà ông Thừa tướng cho gọi Trương Chi vào để gặp Mị Nương. Tôi dám chắc rằng, ông Thừa tướng không để cho chàng được sửa sang lại nhan sắc. Có thể lúc đó chàng đang bận một bộ quần áo bẩn nhất, rách nhất. Có thể lúc đó, chàng vừa chèo xong một chuyến đò dọc đưa "khứa" vất vả, chưa kịp tắm rửa, nên đen đủi, hôi hám.

Ông Thừa tướng cáo già, phải lựa lúc nào chàng bẩn nhất, xấu nhất, hôi nhất. Đúng cái lúc đó, cho chàng gặp Mị Nương.

Người viết truyện là tôi, thì cho cái ngày mà chàng vô sản Trương Chi gặp nàng tiểu thư "tư sản", phong kiến Mị Nương, là ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Bắt đầu câu chuyện là thế đấy anh ạ. Vậy tại sao ta lại gọi ngày 30-4-75 của ta, là ngày bại trận? Ngày Thừa tướng cho Mị Nương được gặp Trương Chi, để được thấy hết cái xấu của chàng vô sản, để rồi chê anh chàng hơi kỹ, là ngày thua của ông Thừa tướng già hay sao? Không, ngày đó ông ta thắng chứ, mà lại thắng lớn. Tiếng hát của chàng vô sản Trương Chi, từ đây không còn "ép phê" với cô Mị Nương nữa rồi.

Tôi đã được nghe một bà già ở Bến Tre, nói những câu làm mình mát lòng, mát dạ. Bến tre, quê hương Đồng Khởi đấy nhé! Bà ta nói oang oang, không một chút sợ sệt, tránh né. "Các ông có biết không, hồi xưa, tôi nuôi nhiều đứa lắm. Tôi rút nõ trái mít, khoét hết ruột, rồi đổ gạo vô cho đầy, đậy cái nõ lại, mang gạo đi nuôi chúng nó. Tôi giấu chúng nó dưới hầm kín. Nếu mà biết như thế này, thì hồi trước, gạo có dư, tôi nuôi thêm vài ba con chó. Bây giờ có chuyện gì, chúng nó trốn vào trong quần tôi, tôi cũng vén cái quần lên cho lộ cái mặt chúng nó ra." Đại khái bà già Bến Tre nói những câu như vậy.

Ấy đấy, cái ngày 30-4-75, đã làm thay đổi cả một hệ thống tư tưởng, suy nghĩ, hành động của một giai cấp được đặt lên đỉnh cao trung kiên, thì dù ai muốn nói thế nào cũng mặc, tôi vẫn cho ngày 30-

4-1975 là ngày chúng ta đại thắng.

... Nghĩ tới ngày đầu tiên Mị Nương gặp Trương Chi, là tôi nhớ tới cả một cuốn phim dĩ vãng của những ngày đầu tháng Năm lịch sử, nàng Mị Nương và chàng Trương Chi, hẳn cũng là đã xảy ra chuyện "ngôn ngữ bất đồng". Tôi cười một mình, nhớ tới mẩu đối thoại giữa cô bán thuốc lá ở trước cửa nhà tôi, và một anh bộ đội.

- Bán cho tôi bao thuốc ná...

Dạ, anh mua thuốc nào ?

- Không, bán cho tôi bao thuốc ná.

- Dạ, anh mua thuốc nào ?

(Tiếng gắt gỏng)

- Cái cô này lạ chưa ? Người ta mua thuốc ná, mà nại cứ hỏi người ta mua thuốc nào.

(Giọng trả lời vẫn dịu dàng)

Dạ, thì tôi hỏi anh mua thuốc nào? Thuốc Ru-by, thuốc Cáp-tăng, hay là thuốc Bát tô ?

"Ngôn ngữ bất đồng" là thế đấy...

3). Trích bài ***Áo vàng hoa*** của Yên Ba trong sách "Tâm mát ngọn sông Đào", Lá Bối xuất bản năm 1981, Paris:

"... Bởi vậy sau 1975 có nhiều lúc tôi thèm viết quá... Trong 1976-77 tôi đã viết và vì thế tôi đã bị tù. Một năm nay về nhà, tôi thỉnh thoảng vẫn bị bịnh nghiền viết hành hạ đến quay cuồng muốn phát điên... Không phát tiết ra thì điên mà phát ra thì khổ vào thân. Vì cứ viết tôi sẽ đi vào con đường nhất định này: hết chuyện mình sang chuyện người, hết chuyện trong nhà ra chuyện ngoài đường, từ thở than đến oán hận và sau cùng là chửi rủa, từ chuyện kể cho vui đến chuyện chính trị phản động. Và việc phải đến thế nào cũng đến. Không có con đường nào khác. Biết như vậy mà vẫn không tránh được. Tôi rất bình tĩnh và tự tin là sáng suốt khi phát hiện ra qui luật ấy và lý luận như tôi vừa lý luận. Viết là chỉ viết theo quan niệm của mình, theo cái thấy của mình, và như vậy là xuyên tạc, là chỉ nhìn thấy những cái xấu, cường điệu - thổi phồng theo danh từ cũ - những cái xấu, không nhìn thấy những cái tốt, cố ý che giấu những cái tốt, phỉ báng, bôi bác v. v... và v. v... Tôi tin rằng ngay bây giờ có ca tụng chế độ mới Xã Hội Chủ Nghĩa cũng không được, vì tôi ca ngợi không đúng. Khốn thay cho tôi, trong cuộc sống của tôi, bây giờ tôi chỉ thấy những cái xấu, những mặt gọi là tiêu cực. Tôi bi quan, tôi buồn phiền, u uất, tôi nhớ thương, tôi rung động vì nỗi buồn thương của những người chung quanh, tôi có khả năng trình bày những đau khổ ấy thành chữ và tôi có tội. Và tôi chết. Tôi mong và tin rằng các bạn sẽ không cho là tôi làm bi thảm vấn đề, hoặc tự cho mình là quan trọng hay tự đề cao. Cái lô gíc của tôi vừa kể là lô gíc chung, duy vật biến chứng hay duy tâm thần luận cũng vậy. Người cộng sản hay tư sản chắc đều thấy rằng sự

việc như tôi vừa nói nếu nó như thế tất nó sẽ kết cục như thế.

Để có thể so sánh với những đoạn trích trên đây của các văn nghệ sĩ ở trong nước viết về chế độ cộng sản, chúng ta hãy đọc

NHỮNG ĐOẠN TRÍCH SAU ĐÂY CỦA CÁC VĂN NGHỆ SĨ CỘNG SẢN HAY CỦA CÁC CÔNG DÂN CỘNG SẢN VIẾT HAY NÓI VỀ CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN:

1). Người dân trong Xã Hội Chủ Nghĩa :

"... Họ (người dân) đã mất niềm tin nặng nề vào cả Đảng và Nhà Nước, họ than phiền cảnh bần cùng, giá cả cứ leo thang, ngày nay không biết được ngày mai của mình, họ than trách nhất là nhà nước cứ tự mình lên giá trước hơn dân. Tuy rằng họ rất sợ chánh quyền và công an ta, nhưng với người hưu trí chúng tôi, họ nói thật, nói thẳng. Như ở thành phố HCM (chú thích: Sài Gòn) *nhân dân không còn phấn khởi đi họp tổ dân phố, họ chán nghe những bài nói về chính trị...*

"... Từ 1930-31 đến Nam Kỳ khởi nghĩa, đến Cách mạng tháng tám, đến tháng tư 1975, ai nuôi Đảng, nuôi bộ đội bằng của cải tài sản, kể cả xương máu của họ; ai đưa bộ đội qua sông qua đường; ai giấu cán bộ trong nhà; ai đưa đường chỉ lối cho bộ đội đặc công vào đồn đặt mìn đánh địch; ai nửa đêm gà gáy nấu cơm cho bộ đội ăn; ai đã xách tài liệu, đưa giao liên qua các trạm gác; ai đã lấy nhục làm vinh, lõa thân đi biểu tình đòi dân sinh dân chủ; ai cắt kẽm gai, ai phá ấp chiến lược? Nếu không phải là nhân dân, nhứt là nông dân. Xưa nay nói Đảng nuôi dân, thì thật sự là chưa có. Bây giờ Đảng chăm lo đời sống cho nhân dân, đó là điều tốt. Nhưng thật ra, đã mười một năm nay, chỉ lo từ hột gạo, mắm muối, thịt cá, rau cải v. v... Đảng lo chưa nổi, hiện nay đời sống nhân dân cả nước còn khổ vô cùng, nội chuyện giá cả cũng chưa bình ổn được...

"Cứ hễ nhà nước nào lo cho dân ăn, sống, học tập và sản xuất được thì họ theo. Nhà nước nào không lo được như vậy thì dân sẽ đi tìm nơi khác làm ăn, chớ không có cái gì khác nữa.

"Còn việc nữa, nếu bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9 có lên án thực dân đã đánh hàng trăm thứ thuế trên lưng nhân dân Việt Nam, thì ngày nay phải chăng thuế khóa của ta cũng còn đánh nặng vào một số người dân lao động nghèo, nhưng lại chưa đánh đích đáng vào bọn đầu cơ buôn lậu, bọn làm ăn phi pháp..."
(Trích báo Nhân Dân ngày 21-12-86 và báo Sài gòn giải phóng 8-1-87)

2). Thơ xỏ lá

Hoàng Hải Thủy bị công an cộng sản ghép vào tội làm thơ xỏ lá,

thì nay xin mời đọc những vần thơ xỏ lá của một thi sĩ XHCN, nhà thơ Bút Tre :

Núi Voi trông thật giống con voi
Voi cũng như người hăng sản xuất
Đầu thì trồng sắn đít trồng khoai.

Anh đi công tác Pơlây
Ku dài dằng dặc biết ngày nào ra.

Anh đi công tác Kămpu
Chia chiến lợi phẩm ở tù ba năm

Chị em du kích giỏi thay
Bắn máy bay Mỹ rơi ngay cửa mình.

3). Dân Chủ kiểu XHCN VN :

"... Từ lâu ở nhiều cấp, nhiều ngành, trong nhiều tổ chức đảng và cơ quan chính quyền, cũng như trong quan hệ với quần chúng, có tình trạng mất dân chủ nghiêm trọng. Nhiều cán bộ làm việc kiểu gia trưởng, độc đoán chuyên quyền, không chịu lắng nghe ý kiến quần chúng, không chấp nhận có người "dám" nêu ý kiến khác mình... Đó là biểu hiện tệ hại của bệnh chủ quan và chủ nghĩa quan liêu. Nó vùi dập những sáng kiến và kìm hãm nhiều năng lực sáng tạo. Nó khuyến khích chủ nghĩa cơ hội, thói dối trá và xu nịnh. Gắn liền với nó là tệ thích ai thì bao che, không thích ai thì trù dập. Ở những nơi thiếu dân chủ thường xảy ra bè phái, mất đoàn kết..." Trong toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý, ở tất cả các cấp, các ngành, phải đấu tranh một cách nghiêm khắc, nhằm xóa bỏ các hiện tượng vi phạm dân chủ, độc đoán, chuyên quyền, tức hiếp quần chúng hoặc dân chủ hình thức. Mở rộng dân chủ là cơ sở để tăng cường kỷ luật, lập lại kỷ cương... (báo Nhân Dân 17-8-87)

4). Sự bất lực của Đảng và Nhà Nước XHCN

"... Anh chị em nòng cốt trong các tổ chức yêu nước ngày càng gặp khó khăn để tiếp xúc với số đông, tìm cách thuyết phục về triển vọng của đất nước. Và chính trong tâm tư của những anh chị em nòng cốt này, cũng không phải là mọi người đã giữ được trọn vẹn niềm tin. Đây không phải giao động trước khó khăn khách quan mà vì thấy một số sai lầm nghiêm trọng, một số qui định quá bất hợp lý cứ kéo dài năm này qua năm khác làm cho mọi người phải đặt câu hỏi: Rồi nhà nước có thể cải tổ được không? Đảng có thay đổi phương pháp

lãnh đạo, cách suy nghĩ, cách làm ăn để đưa nước nhà thoát khỏi tình trạng nghiêm ngặt hiện nay? Anh chị em càng nóng lòng một khi thấy thế giới đang tiến lên nhanh chóng, tự hỏi biết bao giờ Việt Nam sẽ đuổi kịp...(Báo Nhân Dân 7-12-86).

5). XHCN độc tài

"... Riêng về mặt phát hiện những hiện tượng tiêu cực, trong hơn nửa năm phát động phong trào quần chúng đóng góp cho Đảng, nhân dân đã vạch ra những hành vi sai trái của một số người có quyền chức. Nhân danh ai mà họ dám thủ tiêu người phát giác, dám đày đọa hàng chục gia đình, dám đưa người không ăn cánh vào bệnh viện tâm thần hòng bịt đầu mối? Những việc đó đưa lên báo đã làm bàng hoàng không biết bao nhiêu người... Quyền làm chủ tập thể của nhân dân được nói đến nhiều, thế sao những hiện tượng tiêu cực cứ tồn tại, một số người có quyền chức cứ chà đạp lên quần chúng? Chính vì khái niệm quyền làm chủ ấy nhiều chỗ mơ hồ chưa cụ thể. Quyền làm chủ ấy chưa bao gồm cái quyền quyết định thực sự trước những hiện tượng tiêu cực cũng như chọn người lãnh đạo mình. Cần phải cụ thể hóa nó..."

6). Tự do báo chí và XHCN

"... Những thông tin mà biên tập viên thu thập được, tại sao không xuất hiện, hoặc xuất hiện rất ít trên mặt báo? Phải chăng vì người làm báo "thiếu dũng khí, không dám nhìn thẳng vào sự thật, nói sự thật và đấu tranh tâm lý?"

"Nói thật, và nói thật: oan cho chúng tôi quá. Đã làm báo, còn gì sướng hơn là nói sự thật, đấu tranh cho chân lý, lấy ngòi bút làm vũ khí "dũng cảm tiến lên"? Tại sao chúng tôi lại từ bỏ cái sướng tột cùng ấy để chuốc lấy cái khổ?

"Sự thật, ĐK cũng đã "rục rịch" mấy lần, tìm cách chuyển đổi để tờ báo làm đúng chức năng của mình. Song đổi mới quan niệm báo chí cho một tờ báo, trong khi môi trường báo chí trong nước chưa nhúc nhích, không phải là chuyện đơn giản, để dẫn tới hiểu lầm, nghi ngờ, và thực sự đã có sự nghi ngờ hiểu lầm xảy ra... Xin kể một thí dụ: bài báo "nổi tiếng" của Tre Xanh bài "Con Đỉa", mục Hương Quê từ ấy cũng phai nhạt dần, mặc dầu tác giả thừa biết rằng bạn đọc vẫn chờ đợi. Bài báo nói về vai trò của con đỉa trong đời sống nông thôn Việt Nam, và tác dụng y học của con vật ghê ghiếc ấy, dựa theo tài liệu của giáo sư Đỗ Tất Lợi; đồng thời tác giả bực bội phê phán hải quan đã ngăn chặn không cho mang cuốn sách khoa học này ra nước ngoài (trong khi nó đã thù lù nằm trong nhiều thư viện quốc tế và được đánh

giá tốt). Phê bình một việc làm sai là một việc tốt và cần làm. Nhưng sự vụng về của tác giả là đã không tách riêng lời phê bình ra thành một bài phê bình xây dựng, mà gộp chung vào một bài mang tên "Con đĩa" làm xúc phạm tới tình cảm của người trong cuộc, và dẫn tới những câu hỏi, những nghi vấn về "ý đồ" của người viết và của tờ báo. Mà trong xã hội Việt Nam, còn mang nặng dấu ấn của chế độ phong kiến phương Đông, một nghi vấn đã được nêu lên lơ lửng mà không được trả lời rành mạch, dứt khoát, thì nó cứ mãi lơ lửng, kết thành duyên nợ, mấy đời cũng chưa dễ rửa sạch! (Trích báo Đoàn kết tháng 11-86)

7). Bất công và XHCN

"... Cảnh làm ăn của chúng tôi ở dưới xã cũng vậy, ngành nghề làm ra các thứ hàng cung cấp cho thương nghiệp hoặc ngoại thương, giá gia công rất thấp, người làm ngành nghề nhiều khi không đủ sống, lại phải lấy nông nghiệp bao cấp nuôi người làm ngành nghề. Các ông ấy xuất ra nước ngoài giá cả bao nhiêu chúng tôi chẳng hề biết, cũng chẳng bao giờ ngửi thấy mùi ngoại tệ, chỉ thấy đời sống người làm ra sản phẩm thì quá eo hẹp, nhưng đến nhà mấy ông vẫn về đây liên hệ đặt hàng, lấy hàng, nhà ông nào cũng giàu. Đúng là dân làm cho mấy ông ấy xơi, công sức mình bỏ ra là chính, từ trồng ra nguyên liệu rồi làm ra hàng hóa lại khổ vẫn khổ, đúng là kiếp con sáo sậu, cho nên những ông chuyên lợi dụng mồ hôi, nước mắt chúng tôi, bà con gọi là tu hú"...

8). Dân đói và XHCN

"... Tôi vừa đọc báo cáo gửi ngày 15-7-86 của một đồng chí theo đoàn cán bộ của tỉnh ủy Cửu Long điều tra bốn huyện trong tỉnh. Báo cáo nêu rõ năm xã, mỗi xã có khoảng 3.000 đến 5.000 người thiếu ăn ba tháng giáp hạt một năm; báo cáo nêu rõ ba huyện, mỗi huyện có khoảng trên hai vạn người thiếu ăn ba tháng giáp hạt một năm, có huyện báo cáo ghi rõ khoảng 1.000 hộ không có gì bán để ăn. Dân ở một số xã không có mùng (màn) tới gần 50%, áo quần rách rưới, nhiều em không được đi học vì cha mẹ không có tiền mua sách vở... Một số nông dân Cửu Long thiếu ăn, thiếu mặc, bao nhiêu phần trăm vì hạn hán, sâu rầy, vì đất đai phèn mặn, vì chính sách không phù hợp với thực tế địa phương, vì những phiền hà sách nhiễu...(Trích báo Đại Đoàn Kết ngày 27-8-86).

9). *LA NOMENKLATURA XHCN VN*

"... Họ hàng nhà tôi đều có công to kếch xù với cách mạng. Bố, mẹ,

chú, bác, cô, dì và anh chị em tôi đều "ngồi" ở những cái ghế cao. Bố tôi quen cả nước, cho nên tôi đi thi không được quyền rớt.

Một lần, tôi đã mừng hụt vì nguồn tin từ hội đồng chấm thi tốt nghiệp phổ thông trung học cho biết rằng tôi chỉ có 17 điểm, nghĩa là rớt thẳng đứ đừ. Bố tôi cau mày, gọi điện thoại thế nào đó mà tôi lại đậu với 24 điểm. Ngày thi vào đại học, tôi "quay" bài, khoai không ra khoai, ngô chẳng ra ngô. Bố tôi viết mấy chữ, chỉ mấy chữ thôi nhé. Tôi lại cứ đậu.

Tốt nghiệp đại học, tôi tin mình sẽ đi miền Tây. Nhưng không. Đồng chí hiệu trưởng cho biết tôi sẽ đi nước ngoài, mà hỡi ơi, cái nước ngoài này tôi phải tự chọn. Thiệt là khổ trăm bề. Mẹ tôi muốn tôi sang Matxcơva, nơi tụ hội những bộ óc thông thái của khoa học tiên tiến . Anh cả tôi muốn tôi sang Praha, vì nơi ấy thành phố đẹp tuyệt vời. Chị ba tôi cười và mô tả khung cảnh của thủ đô Varesava rực rỡ trong màu nắng hạ. Bố tôi ngồi im. Cuối cùng ông bảo rằng tôi đi đâu, học hành thế nào, rồi thì "tiến đồ" tôi cũng kèm theo học vị tiến sĩ hay phó tiến sĩ. Than ôi ! Tôi sẽ trở về nước với một mảnh bằng to như... cái rổ và nặng hơn cái cối.

Tôi sẽ lại ngồi ghế cao cho mà xem. Đời tôi chỉ có lên chứ không thể đứng ỳ ra một chỗ. Mà muốn đứng ỳ cũng không được vì diệt khoát người ta sẽ phải cõng tôi lên, sẽ ẵm tôi lên... Bố tôi nói "trẻ hóa" bộ máy, nếu không là tôi được "trẻ hóa" thì còn là ai nữa? Thôi thế thì tôi đành cố gắng hy sinh vậy.

Tôi ghen tức với các bạn vừa ra trường vì được lội bì bõm trong sình lầy. Tôi ghen với các bạn sinh viên, học sinh ăn uống thiếu thốn, học như gõ mõ mà đi thi vẫn được quyền rớt và lại rớt một cách vinh quang! Đời quả thật bất công với tôi.

Xưa có người kiếm sĩ tuyệt luân chết trong nỗi cô độc vì đi tìm suốt đời mà không có kẻ địch nào đánh một đường kiếm đưa ông ta về thế thủ. Tôi cũng mong nếm được mùi thất bại một lần, mong có một người nào đó bảo thẳng rằng tôi bất tài vô tướng, cơ hội chủ nghĩa, dựa thế gia đình, thì đời tôi đâu đến nỗi buồn phiền, quạnh quẽ trong sự thành đạt dễ dàng như trở bàn tay... (Trích báo Tuổi Trẻ Cười tháng 12-86)

10). Xã Hội XHCN

...Cần lưu ý

Lời thật thà có thể đem ra xử tội, lời nịnh hót dối lừa có thể được tuyên dương.

Đạo đức giả có thể thành dịch tả, lòng tốt lơ ngơ có thể lạc đường

Cần lưu ý

Có cái miệng được chế thành cái bẫy, sau nụ cười là lởm chởm

răng cưa

Có cái môi mỏng ráp hơn lá mía, hôn má bên này bật máu má bên kia

Có trận đánh úp nhau bằng chữ nghĩa, khái niệm bắn ra không biết lối thu về

Cần lưu ý

Có lắm sự nhân danh lạ lắm, mượn áo thánh thần che đậy lốt ma ranh

Nhân danh thiện tâm làm điều ác đức, rao vị nhân sinh để bán món vị mình.

Cần lưu ý

Có lắm nghề lạ lắm

Nghề mánh múng cửa cổ bóp hầu nhau

Nghề chửi đổng, nghề ngồi lê, nghề vu cáo

Nghề ăn cắp lòng tin và chẹt họng đồng bào

Có cả nghề "siêu nghề" gọi là nghề "không làm gì cả"

Thọc gậy bánh xe cũng một thứ nghề...

(Thơ Nguyễn Duy)

Tới đây chấm dứt những đoạn trích từ lời viết của các nhà văn nghệ sĩ hay dân chúng cộng sản hay không cộng sản nói về Xã hội chủ nghĩa, vì nếu tiếp tục thì chẳng bao giờ hết.

Qua những đoạn trích này, độc giả cũng đã nhận thấy sự cách biệt rộng lớn giữa những bài viết của Công tử Hà Đông, Lão Húc, Yên Ba với những đoạn trích của những văn nghệ sĩ hay những công dân cộng sản viết hay nói trong thời gian 1986-87 vừa qua.

Những lời đả kích chế độ XHCN của những nhà văn nghệ sĩ không cộng sản chỉ là những lời nói bóng gió xa xôi đến những cái dở của chế độ, lẫn với những lời than thân trách phận vì bị tù đầy, vì bị mất tự do.

Trái lại, những lời đả kích chế độ của những nhà văn nghệ sĩ và công dân cộng sản thì lại là những lời "chống cộng" cực kỳ mạnh bạo, phản động, moi móc, vạch ra những cái dở, cái xấu, cái sai lầm, cái lạm dụng, cái bất lực, cái bất công, cái độc tài của chủ nghĩa xã hội, của cán dân bộ đảng và của nhà nước XHCN.

Ấy thế mà những văn nghệ sĩ không cộng sản đã bị bắt giam và kết tội là phản động, phản cách mạng, gián điệp, phản tổ quốc!!!.

Như vậy, chẳng phải là đàn áp những văn nghệ sĩ đối lập thì là gì ?

Ngay cả những người thân cộng cũng thấy hành động đó của chính quyền XHCN VN là lố bịch. Một Việt kiều thân cộng ở Paris đã phải viết rằng: *"ví dầu có một số nhỏ đã từng tỏ ý chống đối đường lối, chính sách nọ kia, thì bây giờ ta thấy họ cũng có cơ sở không hoàn toàn vô lý, cứ căn cứ vào tình hình tự phê gần đây (Đoàn Kết số 387*

tháng Giêng 1987, trang 12).

XHCN Việt Nam đổi mới tư duy trong Đại Hội VI, đồng thời XHCN Nga Sô theo chính sách *"glasnot"* và *"perestroika"* (trong suốt và tái tổ chức cơ cấu), con đường mở ra cho XHCN VN vừa là con đường đổi mới vừa là trong suốt và tái tổ chức cơ cấu. Những người như Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường và Khuất Duy Trác có to mồm to miệng đến đâu cũng chẳng tai hại cho XHCN bằng một phần nhỏ những bài báo hay những lời tuyên bố mà ít lâu nay thấy đầy dẫy trên các báo cộng sản ở trong hay ngoài nước, nhất là những lời tuyên bố hay viết trên sách của Tổng Thư Ký đảng CS Nga Sô. Những văn nghệ sĩ không cộng sản là những người đã dám nói lên từ lâu những cái dở, những cái xấu của XHCN. Nhà nước XHCN VN phải thành khẩn mà nhận rằng những lời họ nói, dù là chống đối, cũng là những lời nói đúng, vì vậy một cử chỉ cởi mở của nhà nước XHCN VN đối với những người đó cũng chỉ là một cử chỉ tự nhiên chuộc lại nhầm lẫn cũ trong tình trạng "đổi mới và trong suốt" này.

*
* *

Để kết luận, việc bắt bớ giam cầm các nhà văn nghệ sĩ Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường và Khuất Duy Trác, là một sự đàn áp rõ rệt văn nghệ sĩ của chế độ XHCN VN. Quyền tự do sáng tác đã bị cấm đoán, văn nghệ sĩ đã bị khủng bố, giam giữ, tù đầy.

"Lấy thúng úp voi" giữa đô thành Sài gòn để che đậy việc bắt giam Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường và Khuất Duy Trác là một lỗi lầm lớn của chế độ XHCN VN và là một hành động vô hiệu, khắp thế giới đã vì đó mà biết thêm về những sự chà đạp nhân quyền, tiêu diệt tự do tối thiểu của con người ở Việt Nam, do đó uy tín của chế độ XHCN VN đã bị giảm xuống tới mức độ thấp nhất trên đường bang giao quốc tế.

Người viết bài này nghĩ rằng Doãn Quốc Sỹ, hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường và Khuất Duy Trác phải được trả tự do tức khắc và được tự do cùng với gia đình xuất cảnh và yêu cầu các nước trong thế giới nhất là nước Mỹ trong các cuộc giao thiệp với XHCN VN phải đặt vấn đề tự do và tự do xuất ngoại cho các văn nghệ sĩ Việt Nam hiện đang còn bị kẹt ở trong nước.

T.V. (Paris)

Cao Xuân Huy

Cửa Việt

Bút ký đăng nhiều kỳ

Lời Toà soạn : *Cao Xuân Huy là cựu trung úy Thủy quân lục chiến VNCH, người đã từng trực tiếp chống giữ mặt trận phía Bắc suốt hai năm cuối cùng của cuộc chiến tranh Việt Nam.*

Bằng chính kinh nghiệm xương máu của mình, Cao Xuân Huy đã viết và cho xuất bản cuốn "Tháng Ba gãy súng" hai năm trước đây, một tác phẩm vừa có giá trị sử liệu vừa có giá trị văn chương rất được bạn đọc tán thưởng.

Gần đây, nhà văn Cao Xuân Huy đã viết lại kinh nghiệm của mình, của các đồng đội mình trong thời gian sắp có hoà ước ngưng chiến năm 1973, nhất là trận Cửa Việt.

Bằng lối viết giản dị và trung thực tới tối đa, những lời Cao Xuân Huy viết, theo nhận định của Văn Học, chắc chắn còn khả tín hơn các bộ hồi ký do các nhân vật cao cấp viết ra nhằm biện minh cho những sai lầm của mình trong quá khứ.

Vì vậy, Văn Học trân trọng giới thiệu cuốn bút ký thứ nhì của Cao Xuân Huy với bạn đọc.

Cùng xuất viện như nhau, nhưng "xuất viện tái khám" nghe dễ thương làm sao, còn "xuất viện hành quân" chán bỏ mẹ. Cũng xuất viện vậy, nhưng một đằng được tà tà ăn chơi ở thành phố, còn một đằng... Tôi nhận giấy xuất viện ra hành quân, mặc dầu vết thương ở chân chưa đủ lành để tôi có thể đi đứng một cách bình thường, nhưng không sao, nào chỉ có mỗi mình tôi phải xuất viện sớm đâu, trước tôi còn bao nhiêu người và sau tôi chắc chắn sẽ còn rất nhiều người nữa. Bọn thương binh chúng tôi thằng nào mà chẳng biết rằng - nói lén sợ đụng chạm đến tự ái nghề nghiệp của mấy vị lương y như từ mẫu - bác sĩ chỉ là những chuyên viên chữa thương, còn việc thương binh ra hành quân bất kể vết thương đã lành hay chưa không nằm trong thẩm

quyền của bác sĩ, nhất là đối với đám thương binh sĩ quan, mà do lệnh ở một nơi nào đó phía trên. Dĩ nhiên không phải là tất cả, con số thương binh sĩ quan bị đưa ra hành quân tính theo một tỷ lệ nào đó, các y sĩ điều trị cứ theo cái tỷ lệ mơ hồ đó mà cho xuất viện hành quân, ưu tiên cao nhất là những tay gần khỏi nhất. Mà nào có phải vì nhu cầu chiến trường, vì đơn vị thiếu sĩ quan cho cam, quân số bổ sung tới tấp, đại đội nào mà chẳng dư vài ba sĩ quan dự bị được gọi là đi OJT. Bố ai mà hiểu nổi là tại sao, ngoại trừ chính những người ra lệnh và những người thân cận.

Ông xếp tôi, trung úy Dương Tấn Phước bị thương vào đầu, chẳng hiểu thần kinh còn tốt hay hư hỏng ra sao mà ra đến hành quân người lúc nào cũng cứ lắc lư như thằng say rượu, nhằm nhò gì. Chưa khỏi thì rồi cũng phải khỏi, mà chắc gì còn sống nổi được vài tháng tại mặt trận Quảng Trị trong mùa 72 này, chữa cho khỏi hẳn rồi chết hay vẫn còn ngật ngừ mà chết có khác gì nhau, đằng nào mà chẳng chết, chết trong tình trạng sức khoẻ như thế nào mà chẳng là chết. Đợi chữa cho khỏi hẳn vết thương, vừa xuất viện ra hành quân đã lại bị thương hoặc chết có phải là phí công , phí cơm, phí thuốc của nhà thương không. Công đó, cơm đó, thuốc đó để dành để "chi tiêu" vào "việc khác" có phải là có lợi hơn không. Đã có thiếu gì thằng vừa xuất viện ra hành quân được vài ngày đã lại nằm trên băng ca hoặc quấn trong poncho rồi cơ mà!

Thương binh nằm bệnh viện cũng giống như đám tân binh thụ huấn trong quân trường, huấn luyện cho mày rành rẽ mọi thứ rồi cũng chỉ sống được ít ngày tại mặt trận có phải phí đi không, rút ngắn thời gian huấn luyện, chỉ cần cho mày biết "đánh vần" hai chữ "bóp cò" là đủ rồi, cho đỡ tốn phí của cải của quân đội một cách vô ích, cho nên vì "nhu cầu chiến trường" người ta rút lại còn rất ngắn thời gian huấn luyện. Biết bóp cò là đủ rồi, còn mọi thứ khác, nếu có huấn luyện cho hết những điều trong tài liệu huấn luyện của tổng cục Quân huấn, ra đến mặt trận cũng chẳng ai "xài" được thứ gì. Tài liệu huấn luyện được phiên dịch hoàn toàn từ tài liệu của quân đội Mỹ. Không phù hợp một tí gì với chiến trường Việt Nam, không phù hợp một tí gì với người lính Việt Nam. Từ những chiến thuật cơ bản nhất là đội hình cấp tiểu đội, nào là hàng dọc, nào là hàng ngang, nào là quả trám, nào là nấc thang phải, nấc thang trái..., trên lý thuyết nghe cũng có vẻ hợp lý lắm, nhưng đã có bao giờ áp dụng ngoài chiến trường ngoại trừ đội hình hàng dọc và hàng ngang. Đã có một thời gian tôi làm huấn luyện viên chiến thuật, tài liệu tôi phải nghiên cứu để soạn bài giảng là cách ngụy trang và di chuyển qua một cánh đồng... tuyết. Phải chăng đây là bước chuẩn bị để quân đội ta sẵn sàng đủ khả năng đánh đến tận Tây Bá Lợi Á.

Tôi thông cảm hoàn toàn với "tinh thần tiết kiệm" cả về cứu

thương lẫn huấn luyện của các cấp chỉ huy lớn của quân đội, đất nước của chúng ta nghèo mà - nhưng dĩ nhiên không cần phải tiết kiệm xương máu hay sinh mạng của lính tráng, những thứ này thì thừa mứa mà lại khó kiếm thành hiện kim - nên tôi không có một tí ấm ức gì khi nghe y sĩ điều trị quyết định "xuất viện hành quân". Tuy nhiên, tôi cũng cố vớt vát may ra kiếm thêm được một tuần sa đà ở Sài Gòn, và cũng để cho tình trạng đi đứng được bình thường - trước khi lại lao đầu vào những trận đánh trong những ngày tháng cuối của năm 72. Nhưng, nói theo kiểu của bác sĩ Nguyễn Đỗ Hạnh, ông y sĩ đẹp trai này đã phán nhẹ một câu khi tôi nại lý do cưới vợ để xin thêm một lần xuất viện tái khám. Với một giọng rất nhẹ, không được chút mỉa mai hay khôi hài nào trên mặt, như thể ông phải trả lời những cầu xin kiểu này quá nhiều lần: "vác ba lô ra Quảng Trị mà cưới". Tôi suýt phì cười vì cái lý do dở ẹc của mình. Ai mà chẳng biết tổng một nguyên tắc bất thành văn rất chó má nhưng rất chính xác là "tất cả mọi lý do đều không được chấp thuận vì lý do nào mà chẳng hợp lý". Ở trong một đơn vị hơi nhiều các anh chị bự, những tay trật búa, nếu cứ thỏa mãn tất cả mọi "xin xỏ" căn cứ theo lý do "hợp lý" được đưa ra thì đơn vị chỉ còn toàn quân bất khiển dụng. Thôi thì ra hành quân.

Thế là một chân còn cà nhắc, tôi bèn ba lô lên vai và hát câu "Ra biên cương, ra biên cương..." Không có lòng gái thiết tha nâng khăn hồng để mà đưa chân anh hùng ra ngàn phương vì tôi có phải là anh hùng mẹ gì đâu - tụi tôi chỉ là một thứ hủi của thành phố - mà chỉ có những cái khăn mùi xoa được buộc vào cái mở nút chai của mấy em bia ôm vẫy lên vẫy xuống túi bụi - không phải tiễn đưa - mỗi lần nghe tiếng "bốp" của cái nút bần văng ra khỏi chai bia, và tôi chỉ là thằng lính cò đi khập khểnh ngật ngừ sau cơn say leo lên máy bay cùng với những nét mặt đưa đám của lính đồng hành.

Hình ảnh đầu tiên tôi trông thấy khi cái bửng của chiếc C130 hạ xuống tại phi trường Phú Bài là những chiếc GMC chở đầy quan tài phủ cờ đã xếp hàng sẵn, đợi chúng tôi xuống hết là chuyển những chiếc quan tài vào lòng phi cơ. Sát ngay phòng chờ của phi trường cũng là những đống, những dãy quan tài nằm đợi đến phiên được bốc về Sài Gòn. Tôi nghĩ bụng, trong đống quan tài này cũng có ít ra là vài cái trong bụng chỉ toàn là đất, vì những người lính đã mất tích hoặc những cái xác đã không lấy về được, người ta phải cho đất vào quan tài để mang về giao cho thân nhân họ chờ, thậm chí đôi khi còn cho đại xác của địch vào để "thế chỗ". Những chàng thương binh băng tay bó chân hoặc nằm trên băng ca cũng đợi để được chuyển về Lê Hữu Sanh, Thủ Đức chung với chuyến phi cơ tải xác. Những thằng sắp lên phi cơ mặt mày tươi rói, hí hửng, vì kể ra những tay bị thương nhẹ nhất trong đám thương binh được tải về Sài Gòn tối thiểu họ cũng xa lánh được cái vùng "tử quy" này vài tháng trời để về vùng "sinh ký",

được gặp gỡ gia đình, lại còn được sa đà ăn nhậu, nhìn ngắm và cả bốc hốt nữa đã đời trong những lần xuất viện tái khám. Ôi, sung sướng thay cái nơi "sống gửi" đó! Một người bạn tôi đã có nhận xét: "Tất cả những mùi thơm, mùi thối tạo thành mùi Sài Gòn. Sung sướng thay những thằng sắp được thở hít cái mùi Sài Gòn đó. Ngược lại, chúng tôi, những thằng vừa từ phi cơ bước xuống, chỉ trừ những tay trong cùng một binh chủng nhưng phục vụ tại những đơn vị không tác chiến, đi công tác vài ngày rồi trở lại hậu cứ, còn hầu hết, không một thằng nào vui cho nổi. Vui thế chó nào được khi mà chúng tôi phải bỏ lại đằng sau đầy ắp thú vui của một thành phố thối thơm hỗ lốn để bước chân vào vùng chỉ có mùi tử khí cũng đầy ắp những bất trắc của súng đạn.

Đám tân binh bổ sung cho mặt trận mặt mũi đang háo hức đợi để được nếm mùi "sống khùng sống dại" bỗng ồn ào, náo loạn chạy ngược trở vào lòng phi cơ khi Việt Cộng chào đón ngày tôi trở lại chiến trường bằng những quả đạn tầm phào nổ uỳnh, oàng không chính xác gần hàng rào phi trường. Kể cũng tội nghiệp cho những anh lính mới này, chưa gì đã được chào đón tuy chưa lấy gì gọi là vồn vã cho lắm nhưng cũng đã tạm đủ cho những bước chân đầu tiên tập tễnh muốn trở thành "trai thế hệ". Đám tân binh này, tôi dám chắc chắn một điều là có đến quá nửa trong bọn họ chưa đầy mười tám tuổi. Đừng có nhìn thấy những thằng mặc đồ bông đồ bệt nghênh ngang, coi trời bằng vung ở thành phố mà ham, mà nổi máu anh hùng húc đầu vào, mà "hăng hái tòng quân", mà "đi quân dịch là thương nòi giống", mà chưa đủ tuổi cũng phải có xoay sở cho được một cái khai sinh của người khác cho đủ tuổi để đi nạp mạng cho những toán tuyển mộ - xin mách nhỏ là tại ngay toán tuyển mộ đã có sẵn một số giấy khai sinh hợp lệ. Cái giá phải trả cho mơ ước được đội mũ nồi xanh, mặc đồ bệt sóng biển, lon cầu vai trắng muốt để nghênh ngang vài ngày ở thành phố là một cái giá đắt khủng khiếp, cái giá mà rất ít người dám mua, mà cho dù có mua rồi, giá đã trả rồi vẫn chưa được nửa phút nghênh ngang. Rất nhiều tay đã chết vẫn chưa được biết cái cổng hậu cứ của tiểu đoàn mình trắng đen như thế nào, rất nhiều tay đã chết vẫn chưa hề biết mặt đơn vị trưởng của mình tròn méo ra sao. Dĩ nhiên cũng đã có rất nhiều tay không chết, đã được trở về thành phố trong bộ đồ bệt nhưng không phải là để nghênh ngang, để coi trời bằng vung vì thân thể đã trở thành tàn phế. Tội nghiệp thay những con dê non. Trung đội tôi cũng có một chàng dê con, tên thật là gì tôi không biết, trong quân bạ tên là Hùng, nhưng chắc chắn cái tên Hùng cũng chỉ là tên trong giấy khai sinh của người khác. Tuổi thật của "chàng" chỉ ngang ngửa mười sáu, còn nguyên nét ngây ngô của thằng học sinh trung học đệ nhất cấp. Tôi có toàn quyền nhưng tôi lại không thể sử dụng Hùng như một người lính bình thường khác, vì chắc chắn

một điều là chú nhỏ này sẽ "đền nợ nước" ngay trong lần đụng độ đầu tiên. Tôi gửi Hùng ở lại PC trung đội để làm cao bồi. Và tuy là cao bồi của tôi nhưng thực tế Hùng không phải làm gì cả, thể lực của một thằng học sinh thành phố làm sao đeo nổi ba lô có chất thêm toàn bộ đồ đạc của tôi, "chàng" còn là cậu ấm con một quan địa phương nên nấu cơm còn chưa chín nói gì đến chuyện lo nổi cơm nước cho tôi. Hùng trở thành một gánh nặng cho tôi, nhưng chàng dê con này lại hết sức buồn sừng, cứ vài ba ngày lại xin ra tiểu đội một lần, vài ba ngày lại xin đi tiền đồn một lần, bởi vì cái nhiệm vụ ở lại phía sau để giữ ba lô mỗi khi trung đội ủi bãi đã lâu cho Hùng có cái mặc cảm hèn nhát đối với đồng đội. Một lần, vì mục tiêu không rộng lắm, tôi cho chàng đi theo để nếm thử mùi "đời", Hùng chỉ có mỗi nhiệm vụ duy nhất là cầm bản đồ đi theo sát tôi. Tất cả mọi việc diễn ra tốt đẹp cho đến khi chúng tôi về đến đại đội, chàng ta đã làm rơi bản đồ tại chỗ nào không biết, báo hại chúng tôi phải bung ngược trở lại một lần nữa, và kết quả của lần thứ nhì này chỉ với mục đích tìm bản đồ, trung đội tôi đã bị chết mất hai người vì mìn bẫy. Và cũng kể từ lần đó, Hùng không còn bao giờ dám xin ra tiểu đội nữa. Một hôm nhận được điện tín từ tiểu khu Phước Tuy báo tin cha chết - đâu có ai biết được thật hay giả - tôi cho Hùng đi phép với một điều kiện là đào ngũ luôn. Tôi giao hẹn:

-- Tao không muốn thấy mày trở lại trung đội sau khi hết phép. Nếu cứ trở ra là tiền đồn mút chỉ.

Thời gian này, cứ năm mạng đi tiền đồn cấp tiểu đội sau một đêm, trông thấy trung bình chỉ còn ba. Không một tay lớn mật nào đủ can đảm nằm tiền đồn liên tiếp vài ba đêm. Dĩ nhiên sau đó, Hùng không trở lại đơn vị.

Bây giờ nhìn đám tân binh này có quá nhiều tay trẻ nít, ngây ngô như Hùng đang nhốn nháo vì những quả đạn rơi cách xa mình cả hơn trăm thước, đám thương binh đang chuẩn bị lên máy bay cười lên hô hố Riêng tôi, tôi không cười. Đám tân binh này chắc chắn sẽ là những tay súng thứ thiệt, những tay súng mơ ước của các cấp chỉ huy nhỏ. Đâu có phải nhìn vào điều họ nhốn nháo vì những quả pháo nổ xa mà cười, mà nghĩ rằng họ là những thằng chết nhát. Chẳng qua chỉ vì họ chưa có kinh nghiệm, bị ăn những quả pháo đầu đời. Nhưng khổ nỗi, kịp đến khi có kinh nghiệm thì những tay súng này lại trở thành "hơi cẩn thận", không thể còn là những tay súng "đạt yêu cầu" nữa. Tân binh là loại dù cho có thấy quan tài vẫn không thèm đổ lệ, là loại điếc nên không bao giờ sợ súng. Một đơn vị càng nhiều tân binh càng dễ chỉ huy. Tân binh là những tay súng không bao giờ ngập ngừng, trù trừ với những lệnh xung phong. Đối với những mục tiêu cần phải tiến càng nhanh càng tốt, mấy tay tân binh đáp ứng được nhu cầu thời gian, rút ngắn rất nhanh khoảng cách nguy hiểm để tiến đến

mục tiêu. Tân binh không phải so đo, tính toán với những lệnh xung phong cấp thời.

Tôi liên tưởng đến đám tân binh của địch, cũng khoảng tuổi mười lăm mười sáu như tân binh mình, cũng hăng say chiến đấu, cũng điếc không sợ súng như tân binh mình, cũng ngây ngô trẻ nít như tân binh mình. Tân binh hai bên chỉ khác nhau một điều căn bản; gạt bỏ ra ngoài chuyện chủ nghĩa này nọ, gạt bỏ ra ngoài những danh xưng của cuộc chiến, dĩ nhiên không phải khác nhau vì lý tưởng.

Lính mình làm chó gì có lý tưởng, mặc dầu hệ thống truyền thanh truyền hình, báo chí, sách vở phim ảnh đều nói ra rả hằng ngày hằng giờ là người lính chiến đấu cho lý tưởng tự do, là chiến đấu để bảo vệ vùng đất tự do. Trên thực tế thử hỏi, có tất cả được mấy phần trăm người lính đi tác chiến vì lòng yêu nước, vì lý tưởng tự do, đó là không nói đến những người bị ra tác chiến vì bị đì, vì bị đày, vì không con ông cháu cha, vì không đủ tiền chạy chọt, đút lót, hối lộ, mà tôi chỉ muốn nói tới những người lính tình nguyện về đơn vị tác chiến. Ngay như chính bản thân tôi, bảo vệ miền Nam tự do để chống lại sự xâm lăng của Cộng Sản miền Bắc chỉ là những từ ngữ rỗng tuếch, không lẽ mình tự do tình nguyện đi đánh giặc để bảo vệ cho những thằng cùng trang lứa con nhà giàu có, con nhà quyền thế tự do ăn chơi ở thành phố, không lẽ mình yêu nước, mình xả thân trả nợ non sông để bảo vệ cho những thằng hèn nhát tiếp tục vay nợ đất nước từ đời ông, đời cha đến đời con mà không bao giờ nghĩ đến việc trả. Tổ quốc, đất nước, non sông là cái khỉ gió gì mà phải yêu. Tại sao lại cứ nằng nặc khoác cái áo yêu nước lên thân những thằng lính bị ăn chận từ đồng lương đến món hàng quân tiếp vụ, bị ăn chận từ viên thuốc trong bệnh viện đến cái huy chương ngoài mặt trận. Yêu nước thế chó má nào được khi mà phải vác thân xác ra mặt trận để hứng để đỡ những viên đạn mà mấy ông xếp lớn của mình bán cho địch. Tôi đi lính chỉ vì không thể nào trốn lính được nữa, mà đã đi lính thì phải đi lính thứ thiệt, chứ không phải chạy chọt để về đơn vị an toàn này, đơn vị an toàn nọ, không phải lính ma lính kiểng để mà gặp lính tác chiến cũng sợ, gặp lính cậu cũng run, gặp quân cảnh đánh rầm cũng hãi.

Còn bộ đội Việt Cộng, thụ hưởng một chính sách ngu dân, bưng bít, được nhồi nhét chất ngất hận thù, được kích thích bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, được xưng tụng bằng những từ ngữ to lớn, thành thử dù lý tưởng đúng hay sai, những tân binh của địch vẫn có một lý tưởng để chiến đấu, chiến đấu giải phóng miền Nam ruột thịt ra khỏi ách thống trị kềm kẹp của đế quốc. Thành thử ra, không thể nói lính mình và bộ đội địch khác nhau vì lý tưởng, vì một đằng lý tưởng tầm bậy, còn một đằng chẳng có lý tưởng mẹ gì cả. Một đằng vừa vị cưỡng bức, vừa bị thôi thúc vì một lý tưởng ầu ơ, và trong trường hợp gặp những phen gây cấn, nguy hiểm đã có thuốc kích thích được chích, được uống vào

người thì súng đạn còn nhằm nhò gì nữa, còn một đằng hăng hái tình nguyện về những đơn vị tác chiến quanh năm suốt tháng, những đơn vị "chuyên môn" được thẩy vào những mặt trận thật nặng chỉ là để thỏa mãn máu anh hùng, để tham dự vào những cuộc chơi toát mồ hôi lạnh chứ không vì một tí ti gì gọi là lý tưởng trong đầu.

Tóm lại, thanh thiếu niên mười lăm mười bảy tuổi của cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam được đưa ra chiến trường để bắn giết nhau một cách rất tận tình chỉ khác nhau một điều là bọn bộ đội trẻ nít miền Bắc là những kẻ bị cưỡng bách đi nghĩa vụ quân sự, được nhồi nhét một mớ lý luận hận thù và được huấn luyện quân sự một cách sơ sài rồi đẩy ra mặt trận, còn đám trẻ nít miền Nam của mình bị hấp dẫn bởi những hình ảnh ngang tàng, khí phách, bị kích thích bởi những lời lẽ tuyên truyền rẻ tiền vẫn ra rả nhồi nhét ngày đêm nên đã tìm đủ mọi cách để được nhận vào một trong vài binh chủng thiện chiến để thỏa mãn tính hiếu thắng của tuổi trẻ, để thỏa mãn giấc mơ thành người hùng (!).

Quảng Trị, lò nướng thịt vĩ đại năm 72 này đòi hỏi được cung cấp một số lượng thịt khổng lồ không phân biệt tuổi tác, không phân biệt giai cấp - dĩ nhiên ngoại trừ con cháu giai cấp cầm quyền và cầm tiền -, không phân biệt bằng cấp, nên tất cả mọi người, mọi giới có thẩm quyền đều làm ngơ cho những toán tuyển mộ đi gom góp, đi thâu thập những con thịt mười lăm mười bảy tuổi. Đã có rất nhiều gia đình con chết trận mà không được lãnh tiền tử tuất chỉ vì trên giấy tờ người chết không phải là tên con cháu mình.

(xem tiếp kỳ sau)

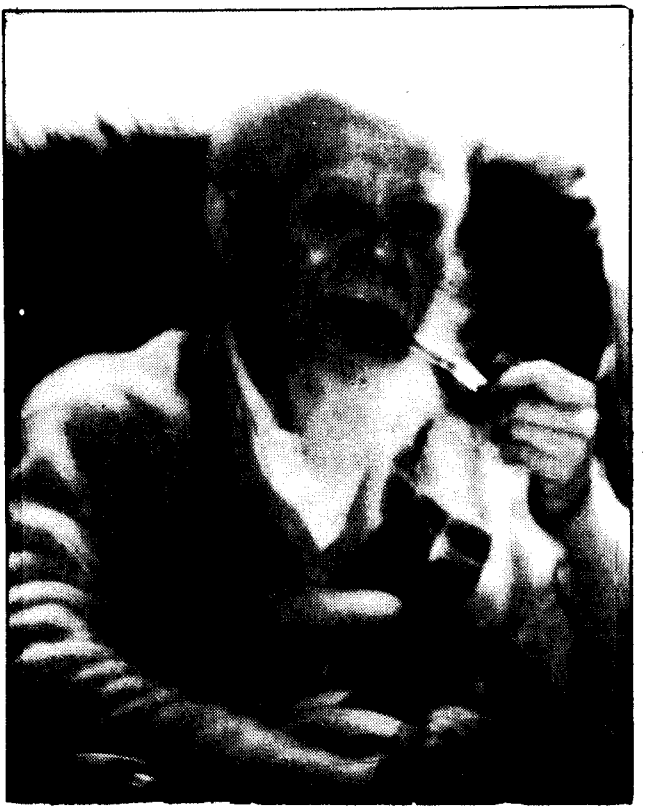

Hoang Van Chi 1913-1988

AI TÍN

Học giả Hoàng văn Chí đã từ trần hôm 6 tháng 7 năm 1988 tại Maryland Hoa Kỳ vì bệnh tim.

Cụ Hoàng văn Chí sinh năm 1913 tại Thanh Hoá. Tuy tuổi đã cao, nhưng cụ vẫn làm việc đều đặn hăng say. Ngày 4.7.88, bệnh tình trở nặng, gia đình phải đưa cụ vào bệnh viện Prince George's, nhưng cụ đã trút hơi thở cuối cùng vào lúc 5 giờ 30 chiều thứ Tư 6 tháng 7 năm 1988.

Học giả Hoàng văn Chí đã hoạt động hơn nửa thế kỷ cho khoa học và văn hoá. Cụ tự thiết lập và quản trị thành công một nhà máy làm tương, trong khi vẫn viết sách viết báo liên tục. Cuốn "Từ chủ nghĩa thực dân đến chủ nghĩa cộng sản" của cụ đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, và trở thành một cuốn sách tham khảo quan trọng cho những người muốn nghiên cứu về cộng sản Việt Nam.

Cụ đang viết dở bộ "Duy Văn Sử Quan", chỉ còn thiếu hai chương chót.

Học giả Hoàng văn Chí mất đi là một cái tang chung cho toàn thể cộng đồng Việt Nam, một mất mát lớn lao đối với giới văn học Việt Nam tại hải ngoại.

Ban chủ biên tạp chí Văn Học và các văn hữu cộng tác viên vô cùng đau xót trước tin buồn này, và xin cầu chúc cho linh hồn học giả Hoàng văn Chí sớm siêu thăng về Cõi Phúc.

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn thị Thanh Bình, Trúc Chi, Như Chi, Quyên Di, Phạm Duy, Võ Đình, Trùng Dương, Ngô Nguyên Dũng, Phạm Cao Dương, Lê Tất Điều, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp, Ngọc Dũng, Võ Kỳ Điền, Đào Trung Đạo, Quỳnh Giao, Nguyễn Mộng Giác, Thế Giang, Trần Trúc Giang, Nguyễn Xuân Hoàng, Hạ Quốc Huy, Nguyễn Hải Hà, Tuấn Huy, Trần Diệu Hằng, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Đình Hoà, Túy Hồng, Phan Tấn Hải, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Cao Xuân Huy, Vũ Thùy Hạnh, Đỗ Khiêm, Nguyên Khai, Lê văn Khoa, Cao Đông Khánh, Thụy Khuê, Nguyễn Đức Lập, Huy Lực, Trần thị Kim Lan, Viên Linh, Hoàng Liên, Nguyễn thị Ngọc Lan, Cao Bình Minh, Trịnh Gia Mỹ, Định Nguyên, Mai Kim Ngọc, Vô Ngã, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Hồ đình Nghiêm, Huỳnh Liễu Ngạn, Hoàng Khởi Phong, Bắc Phong, Bùi Vĩnh Phúc, Võ Phiến, Đào Trường Phúc, Vũ Huy Quang, Đan Quế, Nguyễn Hưng Quốc, Đặng Phùng Quân, Thường Quán, Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Trần Hoài Thư, Phạm Công Thiện, Cung Tiến, Cao Tiêu, Phan Lạc Tiếp, Phan Ni Tấn, Trần văn Tích, Diệu Tần, Nguyễn Hiền Thảo, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc, Võ Thắng Tiết, Nguyễn Việt Thường, Nguyễn Mạnh Trinh, Trịnh Y thư, Mai Thảo, Nguyễn Ý Thuần, Đỗ Quí Toàn, Hà Trung, Tôn Thất Tuệ, Phan thị Trọng Tuyến, Lê Giang Trần, Tưởng Năng Tiến, Lê Tâm, Kiệt Tấn, Nguyễn Ngọc Thuận, Tạ Thái, Bùi Bảo Trúc, Thái Tuấn, Tạ Tỵ, Hàn Song Tường, Minh Đức Hoài Trinh, Thế Uyên, Ngu Yên, Xuân Vũ, Cung Vũ, Ngô Thế Vinh, Vân Yên.

BÀI MỚI NHẬN ĐƯỢC

Rơm khô trên lưng em (truyện của DT), Siêu vi khuẩn (truyện của NY), Di tản America (thơ CĐK), Tinh thần, Và bạo lực, Ca tối, Lộ trình (thơ HXS), Thơ Ngữ An (Thái Lan), Việt nam dưới mắt Đắc Lộ, Những tác giả Tây phương viết về Việt Nam trong thế kỷ 17, Những người Mỹ đầu tiên đến Việt Nam (khảo luận của NĐT), Mưa dông, Nghe tiếng chim xưa (thơ LH), Đọc khu rừng lau (thơ TQ), Gửi dòng sông định mệnh (thơ NMT), Kẻ sĩ (thơ KV), Tiễn biệt, Mây bay, Dĩ vãng (thơ T.T.C Phi Luật Tân), Thư góp ý của ông Trần Nam Trung ở Seatlle, Thơ Nguyễn Hoàng Nam, Hai nàng ca sĩ (truyện HTA), Những người Mỹ gốc Việt: Sự hội nhập ở vùng Trung Tây Mỹ châu (bài của gs Paul Rutledge), Huế và tôi, những kỷ niệm (bài của NBS), Sét đánh (truyện của BTL), Sống và thơ (thơ của LMS)

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Đêm chong đèn

Truyện dài của Hồ Trường An, Văn Khoa USA xuất bản 1988, sách dày 274 trang, bìa và phụ bản Nguyễn Nhật Tân, Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp. Giá 10 MK

Địa chỉ liên lạc: Văn Khoa
9200 Bolsa, Suite 123
Westminster, CA 92684 USA

Lưu vong hành

Tập thơ của Trần Nghi Hoàng, tác giả tự xuất bản. Đăng Lạt và Nguyễn Thu trình bày. Sách dày 118 trang. Giá 7 MK, hiện có bán tại các hiệu sách.

Yêu dấu phương xưa

Tập thơ của Nguyễn Văn Hưng, tựa Du Tử Lê, tranh bìa Tôn Thất Văn, Thế Giới xuất bản. Sách dày 100 trang. Giá 8 MK.

Con đường âm phủ

Tác phẩm thứ nhì được xuất bản của Trần Trúc Giang, Thế Giới Lưu Vong Hôm Nay xuất bản 1988, sách dày 240 trang. Giá 10 MK. Hiện có bán tại các hiệu sách.

Đoản thi

Tập thơ đầu tay của Khánh Trường, do Sống Mới xuất bản 1988, tựa của Du Tử Lê. Tập thơ in hết sức mỹ thuật gồm các phụ bản của chính tác giả và 100 bài thơ ngắn. Sách dày 106 trang. Giá 8 MK

Nơi trại trùng giới

Tuyển tập truyện ngắn quốc tế do Vũ Huy Quang dịch, Văn Nghệ xuất bản 1988, sách dày 238 trang. Giá 10 MK. Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách, hoặc xin liên lạc với :

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster, CA. 92683 USA
Phone : (714) 832-8445

Bèo Giạt

Tập 4 bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác, dày 450 trang, Văn Nghệ xuất bản và phát hành 1988. Giá 15 MK. Sách có bày bán tại các hiệu sách . Bạn đọc ở những nơi không có hiệu sách Việt, xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ ở địa chỉ trên.

Kiếp Người

Truyện dài của W.S. Maugham, Nguyễn Hiến Lê dịch, Văn Nghệ xuất bản 1988. Sách dày 320 trang. Giá 13 MK.

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn vị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này . Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo .

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm .

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN ĐNA, xin liên lạc với.

Anna Frank
UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive
The University Library
PO Box 19557
Irvine, California, 92713

REX
INSURANCE AGENCY

VĂN PHÒNG BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP

TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.

SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quí vị mới có bằng lái, quí vị có quá trình lái xe không tốt , các em sinh viên học sinh.

NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ, BONDS, THƯƠNG MẠI

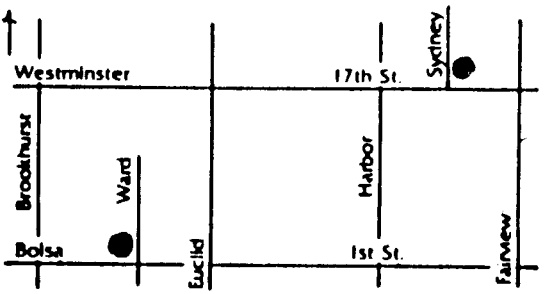

Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quí vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Kính chúc quí thân chủ một năm Mậu Thìn như ý.

MAGNOLIA MEDICAL CLINIC

* Personal Injuries (Tai nạn xe cộ và nghề nghiệp)
* Industrial Medicine
* Physical Occupational Therapy

TRUNG THANH NGÔ MD

PAIN RELIEF CENTER

Với sự cộng tác của các Bác sĩ chuyên môn điều trị đau nhức tại Đại học UCLA. PAIN MANAGEMENT CENTER

* **CỐN PHẠM GIA M.D.**
* **GEORGE E. KHOURY M.D.**
* **OANH TRẦN CA (Certified Acupuncturist).**

14571 Magnolia Ave. Suite # 110
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 895-1133

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)

B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ : BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

• *Bệnh nội khoa ; Tiểu đường, Máu cao..v.v..*
Bệnh phổi : Ho, Suyễn, Đau ngực, Lao, Khó thở...

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường : 9-12 AM và 1-6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM

2720 S. Bristol St. Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Tel : (714) 641. 0263

PHƯỢNG 's

GENERAL MERCHANDISE

TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.
9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
* *Cần đại lý ở các tiểu bang* ***Kính mời***

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN

M.D., F.A.C.S.

• Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
• Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
• Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
• Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

• *Các bệnh trĩ và mạch lươn bằng tia laser ít đau, mau bình phục*
• *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*
• *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*
• *Tầm ung thư ở vú và ngực*
• *Các loại bướu ở đầu và cổ*
• *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*
• *Tiểu giải phẫu : Cắt quai đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*
• *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*
• *Soi đường ruột.*

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St. Suite 207, Westminster CA 92683
By Appointment Only : (714) 898.1177

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn Phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012
(213) 621-7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St. Suite 222, San Jose CA.
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA. 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445

Ngân. chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

SÁCH ĐÃ IN

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ : 10 MK

TÙY BÚT I
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC
MIỀN NAM 54 - 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
(tái bản lần thứ nhất)
Giá tại Hoa Kỳ : 13 MK

KỶ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN
VĂN CHƯƠNG
của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

HOÁ RA NÉT CHỮ
LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

HỢP LƯU
truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện của
MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 13 MK

XUÔI DÒNG
tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
truyện dài của
LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

THƠ CAO TẦN
thi tập của
CAO TẦN
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

TẠP LUẬN
tạp luận của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 14 MK

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ 8 MK

XÚ SẤM SÉT
tuyển tập của VÕ ĐÌNH
Giá tại Hoa Kỳ 8 MK

VÒNG ĐAI XANH
tiểu thuyết của NGÔ THẾ VINH
Giá tại Hoa Kỳ 8 MK

TÙY BÚT II
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 15 MK

NỤ CƯỜI TRE TRÚC
tập truyện của KIỆT TẤN
Giá tại Hoa Kỳ 11 MK

YÊU CON DẠY CON
NÊN NGƯỜI VIỆT
của ĐỖ QUÍ TOÀN
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

CON SUỐI MÙA XUÂN
Tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ 8 MK

TÌM PHẬT Ở ĐÂU
của MINH TÂM
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

TỪ NGỤC VÀ
TẤM THỨC LƯU ĐÀY
Thơ NGUYỄN NGỌC THUẬN
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

HOA BƯƠM BƯƠM
Tiểu thuyết của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

MUÔN KIẾP CÔ LIÊU
Tiểu thuyết của MAI KIM
NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ 14 MK

TIỂU THUYẾT II
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 15 MK

NƠI TRẠI TRÙNG GIỚI
Tuyển tập dịch
của VŨ HUY QUANG
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

KIẾP NGƯỜI
của W.S. MAUGHAM
NGUYỄN HIẾN LÊ dịch
Giá tại Hoa Kỳ 13 MK

BÈO GIẠT
(Mùa Biển Động 3 tập hạ
nay đổi thành Tập 4)
của NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 15 MK

SÁCH TÁI BẢN

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM
(Mùa Biển Động tập 1) của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 8 MK

BÃO NỔI
(Mùa Biển Động tập 2)của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 9 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG
(Tập 3)
của NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 12 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON
tập truyện của
NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

SÁCH ĐANG IN

NHƯ CÁNH CHIM BAY
Tiểu thuyết của VÕ HỒNG
(tiếp theo cuốn Hoa Bươm Bướm)

TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT
của NGUYÊN HIẾN LÊ

CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY
Khảo luận văn học
của LÊ TUYÊN

DÒNG CHỮ TÂM TÌNH
Tập truyện đầu tay của
NGÔ NGUYÊN DŨNG

HẠT BỤI LONG LANH
Tập truyện đầu tay của
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

TIỂU LUẬN
của VÕ PHIẾN

ĐƯỜNG MỘT CHIỀU
tiểu thuyết của
NGUYÊN MỘNG GIÁC

Bạn đọc ở xa không tìm thấy những sách trên tại các hiệu sách nơi bạn ở xin liên lạc với nhà xuất bản để mua sách theo đường bưu điện. Cước phí gửi sách cho bạn đọc ở ngoài Hoa Kỳ theo bookrate là 1 Mỹ kim . Những sách gửi theo đường bưu điện sẽ có chữ ký của tác giả nếu bạn đọc yêu cầu.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....**đến**.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng..... **15 MK**
Một năm..... **30 MK**

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng..... **21 MK**
Một năm ..... **42 MK**

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 MK**
Một năm, gửi tàu thủy ..... **42 Mk**
Sáu tháng, gửi máy bay ..... **33 Mk**
Một năm, gửi máy bay ..... **66 MK**

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 Mk**
Một năm gửi tàu thủy ..... **42 MK**
Sáu tháng, gửi may bay ..... **40 MK**
Một năm, gửi may bay ..... **80 MK**

Đính kèm số tiền .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : • Sáu tháng báo Văn Học .....
• Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho .....
Địa chỉ.....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu ..... **Mỹ kim**

XIN TÌM MUA NGAY NHỮNG TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC

NGỰA NẢN CHÂN BON

Tập truyện ngắn vừa do Nhà Xuất bản Văn Nghệ tái bản lần thứ 3. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí

XUÔI DÒNG

Tập truyện ngắn do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành. Giá tại Hoa Kỳ 7 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM

Tức Tập 1 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 8 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÃO NỔI

Tức Tập 2 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

MÙA BIỂN ĐỘNG

Tập 3 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 1. Giá tại Hoa Kỳ 12 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÈO GIẠT

Nguyên là tập hạ của cuốn 3 Mùa Biển Động, nhưng vì dày gần 400 trang nên nay tách thành tập 4 của bộ trường thiên, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ xuất bản lần đầu vào cuối tháng 7.1988. Giá tại Hoa Kỳ 15 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

THA HƯƠNG

Tập cuối của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, có phụ đính bản gia phổ tất cả nhân vật trong truyện, bản tóm lược nội dung các chương, và ý kiến phê bình. Sách sẽ do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành Mùa Hè năm 1989, hoàn tất bộ trường thiên dày 1500 trang.

ĐƯỜNG MỘT CHIỀU

Truyện dài của Nguyễn Mộng Giác được giải PEN Club Việt Nam năm 1974. Nam Giao xuất bản lần đầu năm 1974. Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất năm 1988.

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP HẠ CUỐN 3

của NGUYỄN MỘNG GIÁC

Vì dày 450 trang nên tác giả tách riêng thành Tập 4

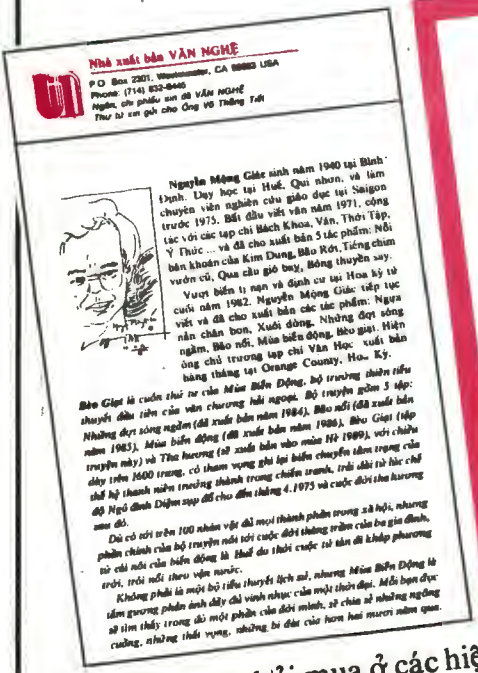

Bạn đọc tìm hỏi mua ở các hiệu sách, hoặc liên lạc về địa chỉ và số điện thoại nhà xuất bản Văn Nghệ. Giá mỗi cuốn *15 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK bưu phí.*

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim